

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Mục đích và yêu cầu lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025	2
1.1. Mục đích:	2
1.2. Yêu cầu:	3
2. Căn cứ pháp lý lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nga Sơn	3
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI	9
1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên	9
1.1. Điều kiện tự nhiên	9
1.2. Địa hình	9
1.3 Khí hậu	10
1.4. Thủy văn	11
1.5. Các nguồn tài nguyên	12
1.6. Phân tích đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất	19
2. Khái quát về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.	24
2.1. Lĩnh vực kinh tế	24
2.2. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng	26
2.2.1. Giao thông:	26
2.2.2. Thủy lợi	28
2.2.3. Giáo dục - Đào tạo	28
2.2.4. Văn hoá Thông tin - Thể dục thể thao	29
2.2.5. Y tế - Chính sách xã hội	30
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	30
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	30
2.1.1. Đánh giá theo số lượng công trình và diện tích đã thực hiện	30
2.1.2. Đánh giá theo chỉ tiêu sử dụng đất	48
2.2. Đánh giá kết quả thực hiện thu chi liên quan đến đất đai năm 2024	55
2.3. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất	56
2.4. Đánh giá tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	56
2.4. Đánh giá những nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 ..	56
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	58
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất	58
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực	59
3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất	60
3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân	83
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	87
3.3.1. Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp	91
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích	114

3.5. Diện tích đất cần thu hồi.....	115
3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.....	116
3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch	116
3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất.....	116
3.8.1. Cơ sở tính toán.....	116
3.8.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai.....	117
3.8.3. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai.....	117
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	119
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu	119
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	119
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	120
4.4. Các giải pháp khác.....	121
4.4.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách	121
4.4.2. Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực	122
4.4.3. Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật.....	123
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	124

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Bảng phân loại đất huyện Nga Sơn.....	13
Bảng 2: Nguy cơ ngập đối với huyện Nga Sơn tương ứng với mực nước biển dâng	20
Bảng 3: Mức biến đổi trung bình nhiệt độ trung bình năm theo kịch bản RCP4.5 và RCP8.5 tại tỉnh Thanh Hóa.....	20
Bảng 4: Mức biến đổi trung bình của lượng mưa năm (%) theo kịch bản RCP4.5 và RCP8.5 tại tỉnh Thanh Hóa.....	22
Bảng 05: Đánh giá kết quả thực hiện công trình, dự án trong năm 2024.....	31
Bảng 06: Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024.....	48
Bảng 07: Chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nga Sơn	58
Bảng 08: Danh mục những công trình, dự án chuyển tiếp từ KHSDĐ 2024:.....	60
Bảng 09. Danh mục công trình, dự án đăng ký mới năm 2025.....	83
Bảng 10: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 huyện Nga Sơn	87
Bảng 11. Cân đối thu chi trong năm kế hoạch 2025	118

ĐẤT VẤN ĐỀ

Đất đai là tài nguyên Quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, địa bàn xây dựng và phát triển dân sinh, kinh tế xã hội, quốc phòng và an ninh. Vai trò của đất đối với con người và các hoạt động sống trên trái đất rất quan trọng, nhưng lại giới hạn về diện tích và cố định về vị trí. Do vậy việc sử dụng đất phải hết sức tiết kiệm và hợp lý trên cơ sở hiệu quả, lâu bền.

Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một yêu cầu đặc biệt để các địa phương đề xuất hướng sử dụng đất hợp lý cho tất cả các lĩnh vực kinh tế – xã hội, tránh được sự chồng chéo, gây lãng phí trong sử dụng đất. Điều này, sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng tiềm năng đất đai của địa phương. Đây là một nội dung quan trọng để quản lý Nhà nước về đất đai và được thể chế hóa trong Luật đất đai năm 2024 đồng thời được hướng dẫn thực hiện chi tiết tại Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Kế hoạch sử dụng đất hàng năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và được thể chế hóa các nội dung chi tiết của quy hoạch sử dụng đất. Đồng thời là cơ sở pháp lý cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, làm căn cứ cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đáp ứng các mục tiêu về phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh. Ngoài ra, việc lập kế hoạch sử dụng đất là một biện pháp hữu hiệu của Nhà nước nhằm hạn chế việc sử dụng đất chồng chéo, lãng phí, bất hợp lý, kém hiệu quả, ngăn chặn các hiện tượng tranh chấp, lấn chiếm, huỷ hoại đất, bảo đảm mối quan hệ hài hòa giữa khai thác và sử dụng đất để phát triển đô thị với sử dụng đất bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện.

Huyện Nga Sơn có 23 đơn vị hành chính (22 xã và 1 thị trấn). Tổng diện tích tự nhiên là 15.779,97 ha, là huyện đồng bằng ven biển nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Thanh Hoá, cách thành phố Thanh Hóa khoảng 40 km về phía Đông Bắc, cách quốc lộ 1A khoảng 14 km về phía Đông và cách Thủ đô Hà Nội khoảng 120 km về phía Nam. Trong những năm qua trên địa bàn huyện đã và đang diễn ra quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa nên nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực ngày càng lớn. Vì vậy, công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cần thường xuyên được thực hiện theo quy định để đáp ứng và phân bổ

hợp lý nhu cầu sử dụng đất hợp lý cho sự phát triển của các ngành, lĩnh vực, thúc đẩy nền kinh tế xã hội của huyện phát triển ổn định và bền vững. Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Nga Sơn được phê UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 07/3/2024. Trên cơ sở đó, UBND huyện Nga Sơn đã triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ đề ra.

Thực hiện theo Luật đất đai năm 2024, Luật quy hoạch năm 2017, Theo quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 40 theo Luật số 35/2018/QH14 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, Thông tư 29/2024/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trên nguyên tắc để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 đã được phê duyệt, huyện Nga Sơn cần thực hiện lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025. Đây sẽ là căn cứ mang tính pháp lý và khoa học, làm cơ sở sử dụng đất, phân bổ hợp lý quỹ đất, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả cao và bền vững đất đai, thiết lập các hành lang pháp lý cho việc thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng, chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất,... phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong năm 2025.

1. Mục đích và yêu cầu lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025

1.1. Mục đích:

- Tạo ra một tầm nhìn chiến lược trong quản lý và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất của huyện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện trong năm 2025.

- Đề xuất hướng sử dụng đất hợp lý, hiệu quả cho tất cả các ngành trên địa bàn huyện trong năm 2025, đáp ứng kịp thời nhu cầu thực tế trên địa bàn huyện.

- Khoanh định và bố trí các mục đích sử dụng đất nhằm giải quyết, khắc phục những bất hợp lý trong việc sử dụng đất.

- Tạo cơ sở pháp lý và khoa học cho việc xúc tiến đầu tư, tiến hành các thủ tục thu hồi đất, sử dụng đất đúng pháp luật, đúng mục đích, có hiệu quả; từng bước ổn định tình hình quản lý và sử dụng đất.

- Các nhu cầu sử dụng đất phải được tính toán chi tiết đến từng công trình, từng xã, thị trấn, xác định đến từng số tờ, số thửa ngoài thực địa cho nên đảm bảo độ chính xác cao trong thực tế.

- Bảo đảm mối quan hệ hài hòa giữa khai thác và sử dụng đất để phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

1.2. Yêu cầu:

- Phù hợp với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 đã được phê duyệt.

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn huyện một cách đầy đủ và sâu sắc làm cơ sở khoa học và thực tiễn cho xây dựng phương án kế hoạch sử dụng đất.

- Xác định đầy đủ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn huyện; đồng thời các dự án phải đảm bảo tính khả thi.

- Xác định cụ thể, đảm bảo tính khả thi của các vùng phụ cận các dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang các khu dân cư để đầu giá quyền sử dụng đất nhằm tăng nguồn thu ngân sách từ đất.

- Các giải pháp thực hiện phải đảm bảo phù hợp với năng lực tổ chức thực hiện của huyện, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các thành phần kinh tế trên địa bàn huyện.

- Xác định diện tích các loại đất đã được phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện, cấp xã trong kỳ quy hoạch;

- Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại Luật Đất đai 2024 trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã (thị trấn)

- Xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định của Luật Đất đai năm 2024 trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã (thị trấn).

Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn thì phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đầu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh;

2. Căn cứ pháp lý lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nga Sơn

- Luật Di sản Văn hóa ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa ngày 18/6/2009;

- Luật Đất đai số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai; Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;

- Luật tài nguyên; môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 ngày 25/06/2015;

- Luật Xây dựng năm 2014; Luật số 62/2020/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 40/2019/QH14;

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

- Luật Sửa đổi; bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH13 ngày 20/11/2018;

- Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024;

- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

- Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi; bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

- Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị (Khoá XII) về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030; tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch; xây dựng; quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030; tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 quy định thẩm quyền; trình tự thủ tục lập; phê duyệt quy hoạch dự án bảo quản; tu bổ; phục hồi di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh;

Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ về quy

định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

- Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 sửa đổi; bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/2/2024 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045;

- Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non; tiểu học; trung học cơ sở; trung học phổ thông và trường phổ thông;

- Thông tư số 08/2024-TT-BTNMT ngày 31/7/2024 quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập; điều chỉnh quy hoạch; kế hoạch sử dụng đất;

- Nghị quyết số 390/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về dự kiến lần 1 kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 do tỉnh Thanh Hóa Quản lý;

- Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa;

- Nghị quyết số 253/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 1);

- Nghị quyết số 346/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

- Nghị quyết số 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận danh mục các công trình sử dụng đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2023;

- Nghị quyết số 475/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi

đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 1, năm 2024;

- Nghị quyết số 515/NQ-HĐND ngày 14/03/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận danh mục các công trình sử dụng đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 2, năm 2024;

- Nghị quyết số 547/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận danh mục các công trình sử dụng đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 3, năm 2024;

- Nghị quyết số 558/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận danh mục các công trình sử dụng đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 4, năm 2024;

- Nghị quyết số 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận danh mục các công trình sử dụng đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 5, năm 2024;

- Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 1, năm 2025;

- Kế hoạch số 220-KH/TU; ngày 28/9/2020 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW của Bộ Chính trị (Khóa XII) về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030;

- Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 06/6/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án Xây dựng và phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023-2025;

- Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 28/8/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án xây dựng và phát triển các thiết chế văn hóa thể thao cơ sở trên địa bàn huyện Nga Sơn giai đoạn 2023-2025;

- Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 15/11/2023 của UBND tỉnh triển khai

thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng văn hóa năm 2024 trên địa bàn huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Nga Sơn; tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035; tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 3716/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025; tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Quyết định số 3321/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

- Quyết định số 3795/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 2648/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 (đợt 1).

- Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh đến năm 2030; tầm nhìn đến năm 2045 và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện

- Quyết định số 4285/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nga Sơn; huyện Nga Sơn; tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035;

- Quyết định số 4794/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đề án Xây dựng và phát triển các thiết chế văn hoá; thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030;

- Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định bồi thường; hỗ trợ; tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa Về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Nga Sơn;

- Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nga Sơn;

- Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 20/10/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện đã được phân bổ tại quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh;

- Quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND tỉnh về việc Về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

- Quyết định số 4596/QĐ-UBND ngày 20/11/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị Hới Đào, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

- Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 26/3/2022 của UBND tỉnh thực hiện Quy hoạch tỉnh Thanh Hoá thời kỳ 2021 - 2030; tầm nhìn đến năm 2045;

- Công văn số 479/ UBND-CN ngày 10/01/2024 của UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Nga Sơn; tỉnh Thanh Hóa;

- Công văn số 7887/STNMT-CSĐĐ ngày 25/8/2024 của sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa về việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025; lập danh mục dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trình HDND tỉnh.

- Nghị quyết đại hội đảng bộ huyện Nga Sơn lần thứ XXVI nhiệm kỳ 2020-2025;

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 huyện Nga Sơn;

- Báo cáo kinh tế - xã hội năm 2024 của huyện Nga Sơn;

- Các văn bản đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên

1.1. Điều kiện tự nhiên

Huyện Nga Sơn là huyện đồng bằng ven biển nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Thanh Hoá, cách thành phố Thanh Hóa khoảng 40 km về phía Đông Bắc, cách quốc lộ 1A khoảng 14 km về phía Đông và cách Thủ đô Hà Nội khoảng 120 km về phía Nam, có phạm vi ranh giới như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
- Phía Nam giáp huyện Hậu Lộc
- Phía Đông giáp biển Đông
- Phía Tây giáp với huyện Hà Trung và Thị xã Bỉm Sơn

Huyện có tọa độ địa lý:

- Từ 190°56'23 đến 200°04'10 độ vĩ Bắc
- Từ 105°54'45 đến 200°04'30 độ kinh Đông

Ngoài vị trí địa lý thuận lợi huyện còn có hệ thống giao thông huyết mạch như quốc lộ 10, tuyến đường bộ ven biển và hệ thống giao thông đường thủy trên các sông Lèn, sông Càn, sông Hoạt càng tạo ra cho huyện những điều kiện thuận lợi trong giao lưu phát triển kinh tế - xã hội, đây chính là cửa ngõ thương mại phía Đông Bắc tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa hình

Địa hình Nga Sơn có độ cao trung bình 3-5 m so với mặt nước biển, tuy nhiên, những xã thuộc phía Tây của huyện có địa hình thấp hơn độ cao trung bình toàn huyện từ 1-1,5 m gồm Ba Đình, Nga Văn; Nhìn chung địa hình huyện Nga Sơn không quá phức tạp. Do quá trình bồi đắp của phù sa sông biển, toàn huyện có dạng địa hình lượn sóng tạo ra những dãy đất cao, thấp xen kẽ nhau. Địa hình cao ở phía Tây Bắc và thấp dần về phía Đông Nam. Phía Tây Bắc là dãy núi đá thuộc vòng cung Tam Điệp.

Có thể chia địa hình Nga Sơn thành 3 tiểu vùng như sau:

* Vùng phía Tây:

Khu vực này bao gồm các xã: Nga Thiện, Nga Vịnh, Nga Trường, Nga Văn, Ba Đình, Nga Thắng và 1 phần xã Nga Phương (Nga Lĩnh cũ) chiếm

khoảng 28,89% diện tích tự nhiên của toàn huyện. Nằm dọc theo sông Hoạt, đây là vùng chuyên canh lúa của huyện; với địa hình tương đối bằng phẳng, tưới tiêu chủ động; đất đai chủ yếu là đất phù sa có gley trung bình thích hợp với cây lúa nước, có điều kiện trở thành vùng thâm canh lúa cao sản.

*** Vùng giữa:**

Là một khu vực bao gồm các xã: Nga An, Nga Thành, Nga Giáp, Nga Yên, Nga Hiệp, Nga Phương (Nga Nhân cũ), Nga Thạch, trị trấn Nga Sơn, Nga Hải chiếm khoảng 31,95% diện tích tự nhiên toàn huyện. Nằm trên dải đất cao hơn của huyện, thoải dần về hai phía nên thường không bị ngập úng, thoát nước nhanh. Đất đai chủ yếu là đất cát biển. Đây là vùng chuyên canh cây công nghiệp ngắn ngày, hoa màu, có khả năng phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

*** Vùng biển:**

Bao gồm các xã: Nga Điền, Nga Phú, Nga Thái, Nga Liên, Nga Thanh, Nga Tiến, Nga Tân và Nga Thủy chiếm khoảng 39,16% diện tích tự nhiên toàn huyện. Là vùng đất được hình thành do quá trình bồi đắp, lấn biển đang được trồng cói, nuôi trồng thủy sản. Địa hình thấp hơn so với các vùng khác, nghiêng dần về phía biển, canh tác và thu hoạch cói thuận lợi, đồng thời góp phần thoát nước cho toàn huyện về mùa mưa. Đây là vùng chuyên canh cói có năng suất và chất lượng cao, từ lâu đã làm nên một phần câu ca dao Cói Nga Sơn, gạch Bát Tràng. Vùng này có thể mạnh cho phát triển tiểu thủ công nghiệp, thủy sản.

Như vậy có thể thấy, địa hình Nga Sơn chia thành 3 tiểu vùng rõ rệt, tương thích với chế độ, tập quán canh tác khác nhau, hình thành một cách tự nhiên, tạo thành thế mạnh để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sản xuất nông nghiệp đa dạng, sản phẩm làm ra mang tính hàng hóa cao.

1.3 Khí hậu

Theo tài liệu của Trạm dự báo Khí tượng - Thủy văn Thanh Hóa, Nga Sơn nằm trong tiểu vùng khí hậu ven biển (IB) của tỉnh Thanh Hóa có các đặc trưng sau:

*** Nhiệt độ:**

Tổng tích ôn trung bình năm 86000C; Biên độ năm 12 - 13°C, biên độ ngày 5,5 - 6°C. Nhiệt độ trung bình tháng 1 khoảng 16,5 - 17°C, nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối chưa dưới 5°C. Nhiệt độ trung bình tháng 7: 29-29,5°C, nhiệt độ

cao nhất tuyệt đối chưa quá 41°C. Có 4 tháng (12-3) nhiệt độ trung bình dưới 20°C, có 5 tháng (5-9) nhiệt độ trung bình trên 25°C.

*** Mưa:**

Lượng mưa trung bình năm trên địa bàn huyện từ 1600 đến 1900 mm, mùa mưa chiếm 87 - 90% lượng mưa cả năm. Mùa mưa kéo dài từ tháng 6- 10. Lượng mưa phân bố ở các tháng không đều: Tháng 9 có lượng mưa lớn nhất xấp xỉ 460 mm; Tháng 1 nhỏ nhất khoảng 18 - 200 mm. Có lúc mưa tập trung gây úng lụt cục bộ, làm thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân, nhất là vùng chuyên canh lúa.

*** Độ ẩm không khí:**

Trung bình năm 85 - 86 % các tháng 2,3,4 xấp xỉ 90%.

*** Gió:**

Huyện Nga Sơn chịu ảnh hưởng của hai hướng gió chính: Gió mùa Đông Bắc và Đông Nam. Tốc độ gió khá mạnh, trung bình năm 1,8 - 2,2 m/s. Tốc độ gió mạnh nhất đo được trong bão tới trên 40m/s và trong gió mùa Đông Bắc là 25m/s. Ngoài hai hướng gió chính trên, về mùa hè thỉnh thoảng xuất hiện các đợt gió Tây Nam khô nóng, nhưng mức độ ảnh hưởng không lớn bằng các huyện vùng đồng bằng. Bão thường xuất hiện từ tháng 8-10 kèm theo mưa lớn.

Nhìn chung: Khí hậu Nga Sơn tương đối đồng nhất ở các vùng khác nhau trong huyện. Các yếu tố khí hậu phù hợp cho việc sinh trưởng và phát triển của nhiều loại cây trồng như lúa, màu lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày (đay, cói), cây ăn quả (táo, nhãn), thuận lợi cho thâm canh, tăng vụ, nâng cao năng suất cây trồng, tăng giá trị trên một đơn vị diện tích.

Tuy nhiên, các yếu tố khí hậu cũng gây ra những bất lợi như ảnh hưởng trực tiếp của gió bão, triều dâng, mưa lớn tập trung gây ra úng lụt; Những biến động bất thường khác của thời tiết như hạn hán, rét đậm kéo dài, sương muối, sương giá gây ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

1.4. Thủy văn

Theo tài liệu của Trạm dự báo Khí tượng - Thủy văn Thanh Hóa, Nga Sơn thuộc vùng thủy văn triều phía Bắc (III,1). Chế độ triều là nhật triều không thuần nhất, hàng tháng vẫn có mấy ngày bán nhật triều. Thời gian triều ngắn, nhưng xuống kéo dài hơn.

Nga Sơn có hai cửa sông: Cửa Càn và Cửa Lạch Sung. Vào mùa khô do nguồn nước từ thượng nguồn chảy về ít và địa hình không cao hơn nhiều so với mặt nước biển, nên sự xâm nhập của triều mặn vào sông Hoạt là lớn nhất và đi sâu vào nội địa, tuy nhiên càng vào sâu độ mặn càng giảm.

Đặc điểm của thủy triều ở đây như sau:

- Độ lớn của thủy triều tại cửa sông lớn nhất là 210 - 260 cm, trung bình 130 - 135cm.
- Thời gian triều lên: 7 - 8 giờ.
- Thời gian triều xuống: 16 -17 giờ.

Sự nhiễm mặn của vùng đất ven sông, ven biển và ảnh hưởng của chế độ triều đã tạo nên vùng nước lợ phù hợp với đặc điểm sinh học của cây cói, môi trường rất tốt cho tôm, cua phát triển, sinh vật phù du cũng dồi dào là nguồn thức ăn cho tôm, cua.

Địa bàn của huyện được bao bọc bởi các sông tự nhiên: Sông Hoạt, sông Lèn, sông Càn đều bị ảnh hưởng của thủy triều. Các sông này là nguồn cung cấp nước cho nông nghiệp qua các trạm bơm chính: Sa Loan, Nga Thiện, Vực Bà. Tuy nhiên, về mùa khô lượng nước từ thượng nguồn chảy xuống ít, các sông tự nhiên bị cạn kiệt; bù lại triều dâng lên giữ lượng nước ngọt dồn về nên vẫn đủ cung cấp cho cây trồng. Đây cũng là hệ thống tiêu thủy cho cây lúa và vùng màu của huyện. Ngoài ra sông đào Hưng Long chạy từ Tây sang Đông và hệ thống kênh mương ở vùng sản xuất cói cũng góp phần tiêu thủy nhanh chóng.

Chế độ thủy văn ở Nga Sơn chịu ảnh hưởng của nhật triều, nhưng nhờ có hệ thống đê điều nên ảnh hưởng của nước mặn tới cây trồng không lớn. Đây cũng là thế mạnh để nuôi trồng thủy sản.

1.5. Các nguồn tài nguyên

**** Tài nguyên đất***

Căn cứ theo Báo cáo thuyết minh bản đồ đất huyện Nga Sơn, tỷ lệ 1/25.000 Trên địa bàn huyện Nga Sơn có những loại đất sau:

Bảng 1: Bảng phân loại đất huyện Nga Sơn

STT	Tên Việt Nam	Ký hiệu	Tên đất theo FAO - UNESCO-WRB	Ký hiệu	Diện tích(ha)
I	Đất xám	X	Acrisols	AC	403,09
1	Đất xám feralit	X_f	Ferralic Acrisols	AC_f	403,09
1.1	Đất xám feralit điển hình	X _{fh}	Haplic ferralic Acrisols	AC _f h	22,08
1.2	Đất xám feralit đá lẫn nông	X _f sk ₁	Epilithi ferralic Acrisols	AC _f sk ₁	381,01
II	Đất cát	C	Arenosols	AR	2.941,86
2.1	Đất cát trung tính ít chua	C	Haplic Arenosols	AR_e	2.941,86
2.1.1	Đất cát trung tính ít chua điển hình	Ch	Eutri haplic Arenosols	AR _e h	2.941,86
III	Đất phù sa	P	Fluvisols	FL	5.717,13
3.1	Đất phù sa chua	P_c	Dystric Fluvisols	FL_d	5.717,13
3.2	Đất phù sa chua gây nông	P _c g ₁	Epigleyi dystric Fluvisols	FL _d g ₁	5.304,48
3.3	Đất phù sa chua gây sâu	P _c g ₂	Endogleyi dystric Fluvisols	FL _d g ₂	412,65
IV	Đất mặn	M	Salic Fluvisols	FL_s	3.332,91
4.1	Đất mặn nhiều	M_n	Hapli salic Fluvisols	FL_s	3.249,01
4.1.1	Đất mặn nhiều gây nông	M _n g ₁	Epigleyi salic Fluvisols	FL _s g ₁	3.249,01
4.2	Đất mặn ít	M_i	Moli salic Fluvisols	FL_{sw}	83,90
4.2.1	Đất mặn ít gây nông	M _i g ₁	Epigleyi moli salic Fluvisols	FL _{sw} g ₁	83,90

Nguồn: Phòng TNMT huyện Nga Sơn

* *Nhóm đất xám (X) ACRISOLS (AC): Có diện tích 403,09 ha. Phân bố tập trung ở các xã: Nga An, Nga Lĩnh, Nga Điền, Nga Thắng, Nga Thiện.*

Nhóm đất xám chia ra 2 đơn vị đất phụ gồm:

- *Đất xám feralit điển hình: Loại đất này có diện tích 22,08 ha, phân bố ở xã Nga Lĩnh, có màu chủ đạo ở tầng đất mặt là màu xám.*

Đất có hàm lượng chất hữu cơ tầng mặt dao động từ 3 - 3,89%, trung bình là 3,4%, thuộc loại khá. Lân tổng số trong đất dao động từ 0,14 - 0,15%, thuộc loại giàu lân. Kali tổng số trong các tầng đất dao động từ 1,85-1,9%, thuộc loại trung bình. Lân dễ tiêu dao động từ 7,4 – 31,5 mg/100g đất. Kali dễ tiêu dao động từ 8 -10,3mg/100g đất, trung bình là 9mg/100g đất, thuộc loại trung bình.

pH_{KCl} dao động từ 4,86 đến 4,93 thuộc loại ít chua. Al³⁺ dao động từ 0,02-0,11meq/100g đất, thuộc loại rất thấp. H⁺ dao động từ 0,1 -1 meq/100g đất, thuộc loại rất thấp. Đất có thành phần cơ giới là đất thịt trung bình.

- *Đất xám feralit đá lùn nông*: Loại đất này tập trung ở các xã Nga Thiện, Nga An, Nga Lĩnh, Nga Điền, Nga Thắng chủ yếu phân bố ở đồi núi. Đất có màu chủ đạo ở tầng đất mặt là xám nâu.

Đất có hàm lượng chất hữu cơ tầng mặt dao động từ 2-2,72%, trung bình là 2,36%, thuộc loại trung bình. Lân tổng số trong đất dao động từ 0,07-0,12%, thuộc loại rất nghèo. Kali tổng số trong các tầng đất dao động từ 0,54-2,94%, thuộc loại trung bình. Lân dễ tiêu dao động từ 1-1,4 mg/100g đất, trung bình là 1,2mg/100g đất, thuộc loại rất nghèo. Kali dễ tiêu dao động từ 7,05 -20,21 mg/100g đất, trung bình là 13,63mg/100g đất, thuộc loại giàu. Tổng số cation kiềm trao đổi trong đất là 24,91-35,19 meq/100g đất, trung bình là 30,05meq/100g đất, thuộc loại giàu. pH_{KCl} dao động từ 2,85 đến 2,97, trung bình là 2,91, thuộc loại ít chua. Al³⁺ dao động từ 4,43 đến 6,83, trung bình là 5,63. H⁺ dao động từ 0,03-0,07meq/100g đất, trung bình là 0,05meq/100g đất, thuộc loại thấp. Đất có thành phần cơ giới thịt pha cát và sét.

* *Nhóm đất mặn (M) SALIC FLUVISOLS (FLs)*: Phân bố ở các xã Nga Thủy, Nga Tân, Nga Tiến, Nga Điền, Nga Thái, Nga Liên, Nga Thanh, Nga Phú, chủ yếu là ở các bãi triều.

Đất mặn ở huyện Nga Sơn có 2 đơn vị đất phụ gồm:

- *Đất mặn ít gây nông (Mig₁)*: Loại đất này tập trung ở xã Nga Thạch. Đất có màu chủ đạo ở tầng đất mặt là màu xám nhạt.

Đất có hàm lượng chất hữu cơ tầng mặt dao động từ 2,92-3,28%, trung bình là 3,1%, thuộc loại khá và giảm nhanh theo chiều sâu. Lân tổng số trong đất dao động từ 0,08-0,16%, trung bình 0,12%, thuộc loại trung bình. Kali tổng số trong các tầng đất dao động từ 1,5-2,51%, trung bình là 2% thuộc loại khá. Lân dễ tiêu dao động từ 27-54,7mg/100g đất, trung bình là 40,8mg/100g đất, thuộc loại khá. Kali dễ tiêu dao động từ 8,46-11,5mg/100g đất, trung bình là 10mg/100g đất, thuộc loại nghèo. Tổng số cation kiềm trao đổi trong đất là 11-14meq/100g đất, trung bình là 12,5meq/100g đất, thuộc loại khá. Độ no bazơ dao động từ 80% đến 87%. pH_{KCl} dao động từ 5,13 đến 6,17, trung bình là 5,65, thuộc loại ít chua. H⁺ dao động từ 0,02-0,03meq/100g đất, trung bình là 0,025meq/100g đất, thuộc loại rất thấp. Đất có thành phần cơ giới từ thịt pha cát

đến sét.

- Đất mặn nhiều glây nông (Mng_1): Loại đất này có diện tích 3.249,01 ha, tập trung ở xã Nga Thủy, Nga Tân, Nga Thái, Nga Phú, Nga Thanh, Nga Tiến, Nga Điền, Nga Liên. Đất có màu chủ đạo ở tầng đất mặt là xám nhạt.

Đất có hàm lượng chất hữu cơ tầng mặt dao động từ 3,09-3,45%, trung bình là 3,27%, thuộc loại khô và giảm nhanh theo chiều sâu. Lân tổng số trong đất dao động từ 0,15-0,19%, trung bình 0,17%, thuộc loại khá. Kali tổng số trong các tầng đất dao động từ 3,2- 4,3%, trung bình là 3,75% thuộc loại khá. Lân dễ tiêu dao động từ 45,7-66,7mg/100g đất, trung bình là 56,2mg/100g đất, thuộc loại khá. Kali dễ tiêu dao động từ 23,97-34,31mg/100g đất, trung bình là 29,14mg/100g đất, thuộc loại khá. Tổng số cation kiềm trao đổi trong đất là 8-13meq/100g đất, trung bình là 10,5meq/100g đất, thuộc loại khá. pH_{KCl} dao động từ 6,03 đến 6,99, trung bình là 6,5, thuộc loại đất chua. H^+ dao động từ 0,-0,01meq/100g đất, thuộc loại rất thấp. Đất có thành phần cơ giới từ cát đến thịt pha sét.

* *Nhóm đất phù sa (P) FLUVISOLS (FL)*: Phân bố ở các xã Nga Văn, Nga Trường, Nga Thành, Nga Phụng.

Đất phù sa ở huyện Nga Sơn chia ra 2 đơn vị đất phụ gồm:

- Đất phù sa chua glây nông: Loại đất này có diện tích 5.304,48 ha, tập trung ở xã Nga Văn, Nga Trường, Nga Vĩnh, Nga Giáp, Ba Đình, Nga Thắng, Nga Hải. Đất có màu chủ đạo ở tầng đất mặt là xám nâu.

Đất có hàm lượng chất hữu cơ tầng mặt dao động từ 3,81-3,52%, trung bình là 3,6%, thuộc loại khá. Lân tổng số trong đất dao động từ 0,12-0,21%, trung bình là 0,16%, thuộc loại trung bình. Kali tổng số trong các tầng đất dao động từ 1,98-2,37%, trung bình 2,18%, thuộc loại khô. Lân dễ tiêu từ 18,6-24,9mg/100g đất, trung bình là 21,8mg/100g đất, thuộc loại giàu. Kali dễ tiêu dao động từ 12,69-15,51mg/100g đất, trung bình là 14,1mg/100g đất, thuộc loại khá. pH_{KCl} dao động từ 4,69 đến 5,03, trung bình là 4,86, thuộc loại ít chua. Al^{3+} dao động từ 0,04-0,09meq/100g đất, trung bình là 0,07meq/100g đất, thuộc loại thấp. H^+ dao động từ 0,04-0,21meq/100g đất, trung bình là 0,13meq/100g đất, thuộc loại thấp. Đất có thành phần cơ giới phổ biến là đất thịt trung bình.

- Đất phù sa chua glây sâu: Loại đất này có diện tích 412,65 ha, tập trung ở các xã Nga Phụng, Nga Thạch. Đất có màu chủ đạo ở tầng đất mặt là màu nâu xám.

Đất có hàm lượng chất hữu cơ tầng mặt dao động từ 1,99-2,93%, trung bình là 2,46%, thuộc loại trung bình và tăng nhanh theo chiều sâu. Lân tổng số trong đất dao động từ 0,10-0,15%, trung bình là 0,13%, thuộc loại giàu. Kali tổng số trong các tầng đất dao động từ 1,95-2,05%, trung bình 2%, thuộc loại nghèo. Lân dễ tiêu từ 7,0-19,0mg/100g đất, trung bình là 13mg/100g đất, thuộc loại trung bình. Kali dễ tiêu dao động từ 1,0-5,0mg/100g đất, trung bình là 3mg/100g đất, thuộc loại rất nghèo. Tổng số cation kiềm trao đổi trong đất là 3,0-4,0meq/100g đất, trung bình là 3,5meq/100g đất, thuộc loại trung bình. pH_{KCl} dao động từ 3,69 đến 3,84, trung bình là 3,71, thuộc loại rất chua. Al^{3+} dao động từ 0,40-0,64meq/100g đất, trung bình là 0,5meq/100g đất, thuộc loại trung bình. H^+ dao động từ 1,00-2,42meq/100g đất, trung bình là 1,72meq/100g đất, thuộc loại thấp. Đất có thành phần cơ giới phổ biến là đất thịt mịn.

*. *Nhóm đất cát (C) ARENOSOLS (AR)*: Đất cát có diện tích 2941,86ha. Phân bố tập trung ở các xã: Nga Hải, Nga Phương, Nga An, Nga Giáp, Nga Yên, Nga Hiệp và TT Nga Sơn.

Nhóm đất cát chia ra 1 đơn vị đất phụ là đất cát trung tính ít chua điển hình (Ch):

Loại đất này tập trung ở các xã Nga Hải, Nga Phương, Nga An, Nga Giáp, Nga Yên, Nga Hiệp, TT Nga Sơn. Đất có màu chủ đạo ở tầng đất mặt là nâu vàng xám.

Đất có hàm lượng chất hữu cơ tầng mặt dao động từ 2,74-3,38%, trung bình là 3,1%, thuộc loại trung bình. Lân tổng số trong đất dao động từ 0,1-0,18%, trung bình 0,14%, thuộc loại nghèo. Kali tổng số trong các tầng đất dao động từ 0,33-0,84%, trung bình là 0,6 % thuộc loại nghèo. Lân dễ tiêu dao động từ 4,1-94,0mg/100g đất, trung bình là 49,1mg/100g đất, thuộc loại khá. Kali dễ tiêu dao động từ 7,5-13,6mg/100g đất, trung bình là 10,6mg/100g đất, thuộc loại trung bình. pH_{KCl} dao động từ 3,5 đến 5,3, trung bình là 4,4, thuộc loại ít chua. H^+ 0,01meq/100g đất, thuộc loại rất thấp. Đất có thành phần cơ giới phổ biến là cát mịn, hạt rời.

* *Tài nguyên nước*

Tài nguyên nước trên địa bàn huyện Nga Sơn bao gồm:

Tài nguyên nước mặt: Hệ thống sông ngòi bao quanh huyện, có nước từ thượng nguồn chảy về, ảnh hưởng của chế độ nhật triều, nước mưa tại chỗ nên Nga Sơn có nguồn nước mặt khá dồi dào. Với nhu cầu sử dụng hiện nay nguồn nước mặt đảm bảo cung cấp cho sản xuất và đời sống nhân dân. Tuy nhiên, về

mùa khô lượng nước từ thượng nguồn ít, mưa ít, các sông bị cạn kiệt, triều vào sâu. Lúc này nước khan hiếm, nguồn nước ngọt giảm đáng kể. Ngoài ra ao hồ cũng là nguồn cung cấp và điều tiết nước.

Nga Sơn có hệ thống công trình và trạm bơm thuộc Xí nghiệp thuỷ nông Nga Sơn cung cấp nước tưới cho toàn huyện, nguồn nước cung cấp cho vùng cói, nuôi trồng thuỷ sản còn được lấy từ thuỷ triều qua hệ thống kênh rạch.

Nguồn nước ngầm: Theo số liệu của trạm dự báo và phục vụ Khí tượng - Thuỷ văn Thanh Hoá, dải đất ven biển Nga Sơn có 2 lớp nước ngầm. Lớp trên (mạch nông) có độ sâu 10 -15 m, lượng nước tương đối phong phú, lưu lượng của giếng đạt từ 0,7 -1,7 l/s, có độ khoáng hoá dưới 1g/l. Lớp dưới sâu hơn (mạch sâu) có áp yếu, lượng nước khá phong phú, lưu lượng giếng đạt tới 15-17 l/s lớp nước này bị nhiễm mặn, độ khoáng hoá từ 1-2,5g/l.

Nhìn chung, Nga Sơn có lượng nước khá phong phú, chưa bị ô nhiễm, nguồn nước đủ cung cấp cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Tuy nhiên nguồn nước sinh hoạt và phục vụ đời sống nhân dân hàng ngày là giếng khơi và giếng khoan lấy từ nước ngầm thuộc mạch nông, chất lượng kém, bị chua mặn, nên có một số hộ dùng nước mưa để sinh hoạt.

**** Tài nguyên rừng***

Tổng diện tích có rừng trên địa bàn huyện Nga Sơn là 490,0 ha, độ che phủ rừng là 2,5%. Cụ thể: Phân theo hiện trạng: Rừng tự nhiên là 0,8 ha, rừng trồng là 489,2 ha (rừng trồng đã thành rừng 389,9 ha; rừng trồng chưa thành rừng 99,3 ha). Phân theo mục đích sử dụng: Rừng phòng hộ 343,3 ha; rừng sản xuất 146,7 ha.

Rừng phòng hộ ven biển là 360,86 ha phân bố ở các xã Nga Tân, Nga Thuỷ, cây trồng chủ yếu là sù vẹt phát triển tốt đã và đang góp phần chắn sóng và giữ đất có hiệu quả; rừng sản xuất với diện tích 126,44 ha nằm ở các xã Nga Thiện, Nga An, Nga Phương, Nga Thắng và Nga Điền, được trồng ven núi đá, các khu di tích và các đồi trọc với cây trồng chủ yếu là bạch đàn, keo, có tác dụng cải tạo môi trường. Về mặt kinh tế giá trị không cao, nhưng có giá trị về mặt cải tạo, điều hoà môi trường sinh thái và đặc biệt là rừng phòng hộ ven biển chắn sóng, giữ đất và chống xói mòn.

**** Tài nguyên khoáng sản***

Nguồn khoáng sản chủ yếu của huyện Nga Sơn là đá vôi, có trữ lượng lớn nhưng chưa được thăm dò chi tiết để khai thác, ngoài ra còn có Đô lô mít ở Nga An cũng chưa được thăm dò về trữ lượng để đưa vào khai thác.

**** Tài nguyên biển***

Nga Sơn có chiều dài bờ biển khoảng 6 km, có các cửa lạch: lạch Càn, lạch Sung. Qua nhiều năm, lượng phù sa bồi đắp tương đối lớn tạo thành những bãi bồi rộng hàng trăm ha để nuôi trồng thủy sản, trồng cói, trồng cây chắn sóng.

Nguồn lợi biển Nga Sơn nằm trong nguồn lợi biển Thanh Hoá, gần bãi tôm Hòn Nẹ, hàng năm khai thác được 300-400 tấn. Ngoài ra, các loại hải sản như cá, cua, ... khá phong phú.

Vùng biển của huyện bao gồm các xã: Nga Điền, Nga Phú, Nga Thái, Nga Liên, Nga Thanh, Nga Tiến, Nga Tân và Nga Thủy, diện tích 619,97 ha, chiếm 39,16% diện tích tự nhiên toàn huyện. Là vùng đất được hình thành do quá trình bồi đắp, lấn biển đang được trồng cói, nuôi trồng thủy sản. Địa hình thấp hơn so với các vùng khác, nghiêng dần về phía biển, canh tác và thu hoạch cói thuận lợi, đồng thời góp phần thoát nước cho toàn huyện về mùa mưa. Đây là vùng chuyên canh cói có năng suất và chất lượng cao, từ lâu đã làm nên một phần câu ca dao Chiều Nga Sơn, gạch Bát Tràng. Vùng này có thể mạnh mẽ phát triển tiểu thủ công nghiệp, thủy sản.

**** Tài nguyên nhân văn và du lịch***

Nga Sơn là huyện có truyền thống văn hoá phát triển lâu đời; Là quê hương của các làng nghề dệt cói, mây tre đan... nổi tiếng, với nhiều di tích lịch sử văn hoá, kiến trúc đặc biệt. Hiện nay, huyện có khoảng 277 di tích lịch sử, 49 di tích được Nhà nước xếp hạng, trong đó có 07 di tích cấp quốc gia và 42 di tích cấp tỉnh. Nổi bật trong đó là Khu di tích lịch sử cách mạng Ba Đình (xã Ba Đình); Khu di tích Động Từ Thức (xã Nga Thiện); Chùa Tiên, Phủ Thông...(xã Nga An), đền Trung, đền Đông Đoài (xã Nga Thạch). Những di tích này gắn liền với các truyền thuyết đang làm phong phú thêm đời sống xã hội bằng những lễ hội truyền thống. Nga Sơn còn có xứ đạo Công giáo giàu lòng yêu nước, có nhà thờ đẹp như ở Nga Liên, Điền Hộ... Những di tích này tạo thành một quần thể du lịch nằm trên trục Quốc lộ 10, nối liền khu Phát Diệm (Ninh Bình) và các di tích, danh lam thắng cảnh khác của Thanh Hoá, có thể tạo thành Tour du lịch hấp dẫn. Đây cũng là thế mạnh, trong thời gian tới cần đầu tư, tôn tạo nâng cấp

các di tích, cùng với việc phát triển các cơ sở hạ tầng, dịch vụ để thu hút du khách du lịch.

1.6. Phân tích đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất

Nga Sơn là huyện ven biển tỉnh Thanh Hóa, hằng năm phải chịu không ít các tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Theo Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, nước biển dâng làm tăng nguy cơ ngập lụt, xâm nhập mặn và xói lở cho tài nguyên đất khu vực ven biển đối với Nga Sơn là khu vực ven biển có những nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Xây dựng hành lang, khu vực kinh tế ven biển và quy hoạch các ngành nghề có tính tới các kịch bản và nguy cơ có thể xảy ra do BĐKH;
- Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các cảng cá, các khu trú, tránh trú bão cho tàu thuyền trong tỉnh theo hướng đáp ứng các quy định của Luật Thủy sản;
- Xây dựng và hoàn thiện các hệ thống đê, kè ven sông, ven biển; bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng ngập mặn đảm bảo an toàn dân cư và sản xuất, các cơ sở hạ tầng khu vực.

Đối với các lưu vực sông trên vùng nghiên cứu trên địa bàn huyện Nga Sơn hiện nay chưa có một nghiên cứu, dự báo riêng nào về BĐKH-NBD. Vì vậy trong quy hoạch này sẽ sử dụng kịch bản BĐKH-NBD theo kịch bản B2 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với vùng Bắc Trung bộ; sử dụng tài liệu thực đo của các trạm trên các lưu vực sông trong vùng nghiên cứu làm cơ sở cho tính toán và dự báo cho tương lai. Nội dung của kịch bản B2 đối với khu vực Bắc Trung bộ như sau:

a. Về nước biển dâng

Nga Sơn có khoảng 6 km, có các cửa lạch: Lạch Càn, Lạch Sung vì vậy những khu vực ven biển chịu tác động của hiện tượng nước biển dâng gồm các xã ven biển có độ cao trung bình là 3-6 m, nhiều vùng đất thấp ven biển. Những vùng này hàng năm phải chịu ngập lụt nặng nề trong mùa mưa và hạn hán, xâm nhập mặn trong mùa khô. Biến đổi khí hậu và nước biển dâng sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng nói trên, làm tăng diện tích ngập lụt, gây khó khăn cho thoát nước, tăng xói lở bờ biển và nhiễm mặn nguồn nước ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và nước sinh hoạt, gây rủi ro lớn đối với các công trình xây dựng ven biển như đê biển, đường giao thông, bến cảng, các nhà máy, các đô thị và khu dân cư ven biển. Mực nước biển dâng và nhiệt độ nước biển tăng ảnh hưởng

đến các hệ sinh thái biển và ven biển, gây tác động tiêu cực đối với các rạn san hô và rừng ngập mặn, ảnh hưởng xấu đến nền tảng sinh học cho các hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản ven biển. Tất cả những vấn đề trên đây đòi hỏi phải có đầu tư rất lớn để xây dựng và củng cố hệ thống đê biển, nhằm ứng phó với mực nước biển dâng, phát triển hạ tầng kỹ thuật, di dời và xây dựng các khu dân cư và đô thị có khả năng thích ứng cao với nước biển dâng.

Nguy cơ ngập đối với huyện Nga Sơn, nếu mực nước biển dâng 100 cm, khoảng 1,14% diện tích của tỉnh Thanh Hóa có nguy cơ bị ngập, trong đó huyện Nga Sơn (15,77% diện tích).

Bảng 2: Nguy cơ ngập đối với huyện Nga Sơn tương ứng với mực nước biển dâng

Huyện	Diện tích (ha)	Tỉ lệ ngập (%) ứng với các mực nước biển dâng					
		50cm	60cm	70cm	80cm	90cm	100cm
Nga Sơn	14841	5,23	6,08	7,14	8,58	11,14	15,77

Nguồn: Bộ tài nguyên và môi trường (2020)

b. Về nhiệt độ:

Theo kịch bản RCP4.5, vào giữa thế kỷ 21, nhiệt độ trung bình năm trên cả nước có mức tăng phổ biến từ $1,2 \div 1,7^{\circ}\text{C}$, trong đó, ở phía Bắc phổ biến từ $1,6 \div 1,7^{\circ}\text{C}$, ở phía Nam phổ biến từ $1,2 \div 1,3^{\circ}\text{C}$. Đến cuối thế kỷ, nhiệt độ tăng từ $1,6 \div 2,4^{\circ}\text{C}$, trong đó, ở phía Bắc tăng phổ biến trên $2,0^{\circ}\text{C}$, ở phía Nam tăng phổ biến dưới $1,8^{\circ}\text{C}$, tăng ít nhất ở một phần diện tích ở cực Nam Trung Bộ, Nam Bộ và các trạm đảo (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2020).

Theo kịch bản RCP8.5, trong thế kỷ 21, nhiệt độ trung bình năm có xu thế tăng trên cả nước với mức tăng ở phía Bắc cao hơn phía Nam. Vào giữa thế kỷ, nhiệt độ tăng phổ biến từ $1,7 \div 2,3^{\circ}\text{C}$, trong đó, khu vực phía Bắc tăng phổ biến trên $2,0^{\circ}\text{C}$, phía Nam có mức tăng dưới $2,0^{\circ}\text{C}$. Đến cuối thế kỷ, nhiệt độ tăng phổ biến từ $3,2 \div 4,2^{\circ}\text{C}$ trong đó phía Bắc tăng phổ biến từ $3,8 \div 4,2^{\circ}\text{C}$, phía Nam phổ biến từ $3,2 \div 3,5^{\circ}\text{C}$ (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2020).

Bảng 3: Mức biến đổi trung bình nhiệt độ trung bình năm theo kịch bản RCP4.5 và RCP8.5 tại tỉnh Thanh Hóa

(Giá trị trong ngoặc đơn là khoảng biến đổi quanh giá trị trung bình với cận dưới 10% và cận trên 90%)

STT	Mùa	Kịch bản RCP4.5		Kịch bản RCP8.5	
		2046-2065	2080-2099	2046-2065	2080-2099
1	Mùa đông	1,4 (0,9 ÷ 2,1)	1,9 (1,1 ÷ 3,0)	2,0 (1,3 ÷ 2,8)	3,4 (2,2 ÷ 4,8)

2	Mùa xuân	1,6 (0,8 ÷ 2,3)	2,2 (1,2 ÷ 3,4)	2,1 (1,2 ÷ 3,1)	3,7 (2,5 ÷ 5,0)
3	Mùa hè	1,8 (1,0 ÷ 2,7)	2,4 (1,5 ÷ 3,5)	2,3 (1,6 ÷ 3,4)	4,4 (3,2 ÷ 5,9)
4	Mùa thu	1,6 (1,0 ÷ 2,4)	2,0 (1,3 ÷ 3,0)	2,1 (1,4 ÷ 3,1)	3,9 (2,8 ÷ 5,4)

Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020)

Bảng trên cung cấp thông tin về mức biến đổi trung bình nhiệt độ theo hai kịch bản RCP4.5 và RCP8.5 tại tỉnh Thanh Hóa, cho các mùa và hai khoảng thời gian: 2046-2065 và 2080-2099. Giá trị trong ngoặc đơn là khoảng biến đổi quanh giá trị trung bình, với cận dưới 10% và cận trên 90%.

Để phân tích bảng trên, ta có thể nhận thấy các giá trị nhiệt độ trung bình tăng theo hai kịch bản RCP4.5 và RCP8.5, và mức tăng này khác nhau theo từng mùa và khoảng thời gian khác nhau. Dưới đây là một số điểm chính trong bảng:

- Mùa đông: Trong kịch bản RCP4.5, nhiệt độ trung bình tăng từ 1,4 độ C (khoảng từ 0,9 đến 2,1 độ C) trong giai đoạn 2046-2065 lên 1,9 độ C (khoảng từ 1,1 đến 3,0 độ C) trong giai đoạn 2080-2099. Trong kịch bản RCP8.5, tăng từ 2,0 độ C (khoảng từ 1,3 đến 2,8 độ C) lên 3,4 độ C (khoảng từ 2,2 đến 4,8 độ C).

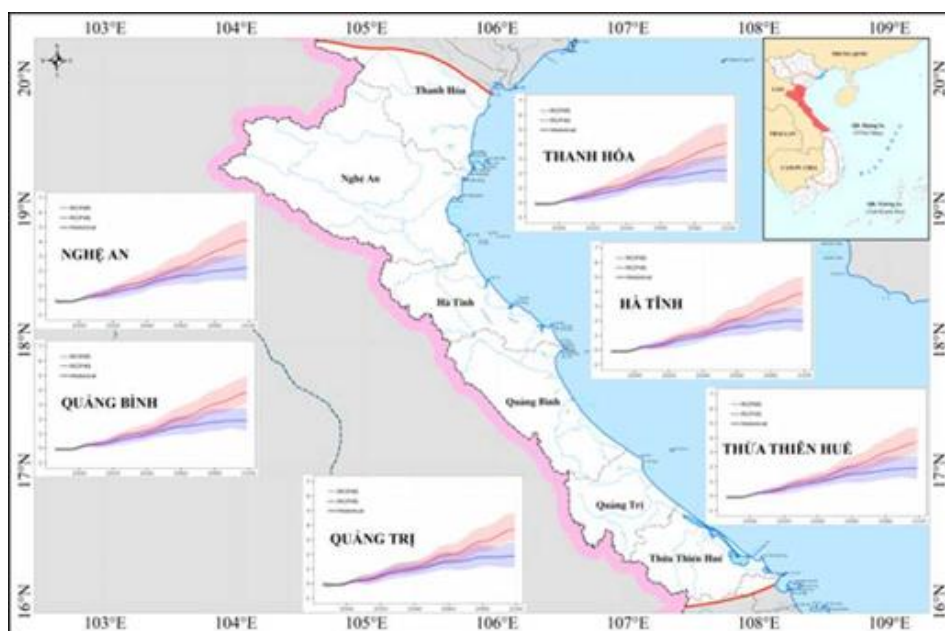
- Mùa xuân: Tương tự như mùa đông, nhiệt độ trung bình tăng trong cả hai kịch bản RCP4.5 và RCP8.5. Trong giai đoạn 2046-2065, nhiệt độ tăng từ 1,6 độ C (khoảng từ 0,8 đến 2,3 độ C) trong kịch bản RCP4.5 lên 2,2 độ C (khoảng từ 1,2 đến 3,4 độ C) trong kịch bản RCP8.5. Trong giai đoạn 2080-2099, nhiệt độ tăng lên 2,1 độ C (khoảng từ 1,2 đến 3,1 độ C) trong kịch bản RCP4.5 và 3,7 độ C (khoảng từ 2,5 đến 5,0 độ C) trong kịch bản RCP8.5.

- Mùa hè: Nhiệt độ trung bình tăng nhanh nhất trong mùa hè. Trong kịch bản RCP4.5, tăng từ 1,8 độ C (khoảng từ 1,0 đến 2,7 độ C) trong giai đoạn 2046-2065 lên 2,4 độ C (khoảng từ 1,5 đến 3,5 độ C) trong giai đoạn 2080-2099. Trong kịch bản RCP8.5, nhiệt độ tăng từ 2,3 độ C (khoảng từ 1,6 đến 3,4 độ C) lên 4,4 độ C (khoảng từ 3,2 đến 5,9 độ C).

- Mùa thu: Tương tự như mùa đông và mùa xuân, nhiệt độ trung bình cũng tăng trong cả hai kịch bản RCP4.5 và RCP8.5. Trong giai đoạn 2046-2065, nhiệt độ tăng từ 1,6 độ C (khoảng từ 1,0 đến 2,4 độ C) trong kịch bản RCP4.5 lên 2,0 độ C (khoảng từ 1,3 đến 3,0 độ C) trong kịch bản RCP8.5. Trong giai đoạn 2080-2099, nhiệt độ tăng lên 2,1 độ C (khoảng từ 1,4 đến 3,1 độ C) trong kịch bản RCP4.5 và 3,9 độ C (khoảng từ 2,8 đến 5,4 độ C) trong kịch bản RCP8.5.

Tổng quan, bảng trình bày mức biến đổi trung bình nhiệt độ theo kịch bản

RCP4.5 và RCP8.5 cho thấy xu hướng tăng nhiệt độ trong tương lai tại tỉnh Thanh Hóa. Các con số được cung cấp trong bảng cho thấy rằng kịch bản RCP8.5 có xu hướng tăng nhiệt độ cao hơn so với kịch bản RCP4.5 trong cả bốn mùa và cả hai khoảng thời gian.



Hình 01: Kịch bản biến đổi nhiệt độ trung bình năm ở khu vực Bắc Trung Bộ

c. Về lượng mưa:

Theo kịch bản RCP4.5, trong thế kỷ 21, lượng mưa năm có xu thế tăng trên phạm vi cả nước với mức tăng phổ biến $10 \div 15\%$ vào giữa thế kỷ và $10 \div 20\%$ vào cuối thế kỷ (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2020).

Theo kịch bản RCP8.5, vào giữa thế kỷ 21, lượng mưa năm có xu thế tăng phổ biến từ $10 \div 15\%$ trên hầu hết cả nước.

Bảng 4: Mức biến đổi trung bình của lượng mưa năm (%)

theo kịch bản RCP4.5 và RCP8.5 tại tỉnh Thanh Hóa

(Giá trị trong ngoặc đơn là khoảng biến đổi quanh giá trị trung bình với cận dưới 20% và cận trên 80%)

STT	Mùa	Kịch bản RCP4.5		Kịch bản RCP8.5	
		2046-2065	2080-2099	2046-2065	2080-2099
1	Mùa đông	8,8 (-3,6 ÷ 21,8)	4,0 (-12,8 ÷ 18,9)	14,7 (-5,8 ÷ 32,8)	13,7 (-2,1 ÷ 28,2)
2	Mùa xuân	2,9 (-12,4 ÷ 19,9)	20,9 (6,3 ÷ 34,6)	1,3 (-8,6 ÷ 14,0)	-5,6 (-17,8 ÷ 12,7)
3	Mùa hè	12,4 (4,3 ÷ 21,0)	12,1 (-0,3 ÷ 25,9)	16,7 (5,4 ÷ 27,2)	27,6 (13,6 ÷ 40,3)
4	Mùa thu	21,7 (-4,2 ÷ 45,3)	21,0 (-11,3 ÷ 54,5)	22,7 (-1,3 ÷ 46,0)	23,3 (-14,1 ÷ 49,3)

Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020)

Dựa trên bảng số liệu về mức biến đổi trung bình của lượng mưa năm (%) theo kịch bản RCP4.5 và RCP8.5 tại tỉnh Thanh Hóa, chúng ta có thể rút ra một số kết luận như sau:

* Mùa đông:

- Kịch bản RCP4.5: Mức biến đổi trung bình của lượng mưa trong mùa đông từ năm 2046 đến 2065 là 8,8%. Khoảng biến đổi nằm trong khoảng từ - 3,6% đến 21,8%.

- Kịch bản RCP8.5: Mức biến đổi trung bình của lượng mưa trong mùa đông từ năm 2046 đến 2065 là 14,7%. Khoảng biến đổi nằm trong khoảng từ - 5,8% đến 32,8%.

- Kịch bản RCP4.5 cho thấy mức biến đổi nhỏ hơn so với kịch bản RCP8.5 trong cả hai giai đoạn thời gian.

* Mùa xuân:

- Kịch bản RCP4.5: Mức biến đổi trung bình của lượng mưa trong mùa xuân từ năm 2046 đến 2065 là 2,9%. Khoảng biến đổi nằm trong khoảng từ - 12,4% đến 19,9%.

- Kịch bản RCP8.5: Mức biến đổi trung bình của lượng mưa trong mùa xuân từ năm 2046 đến 2065 là 1,3%. Khoảng biến đổi nằm trong khoảng từ - 8,6% đến 14,0%.

- Tuy kịch bản RCP8.5 cho thấy mức biến đổi trung bình của lượng mưa tích cực hơn so với kịch bản RCP4.5 trong giai đoạn 2046-2065, nhưng khoảng biến đổi của nó cũng lớn hơn.

* Mùa hè:

- Kịch bản RCP4.5: Mức biến đổi trung bình của lượng mưa trong mùa hè từ năm 2046 đến 2065 là 12,4%. Khoảng biến đổi nằm trong khoảng từ 4,3% đến 21,0%.

- Kịch bản RCP8.5: Mức biến đổi trung bình của lượng mưa trong mùa hè từ năm 2046 đến 2065 là 16,7%. Khoảng biến đổi nằm trong khoảng từ 5,4% đến 27,2%.

- Kịch bản RCP8.5 cho thấy mức biến đổi trung bình của lượng mưa cao hơn so với kịch bản RCP4.5 trong giai đoạn 2046-2065, và cũng có khoảng biến đổi lớn hơn.

* Mùa thu:

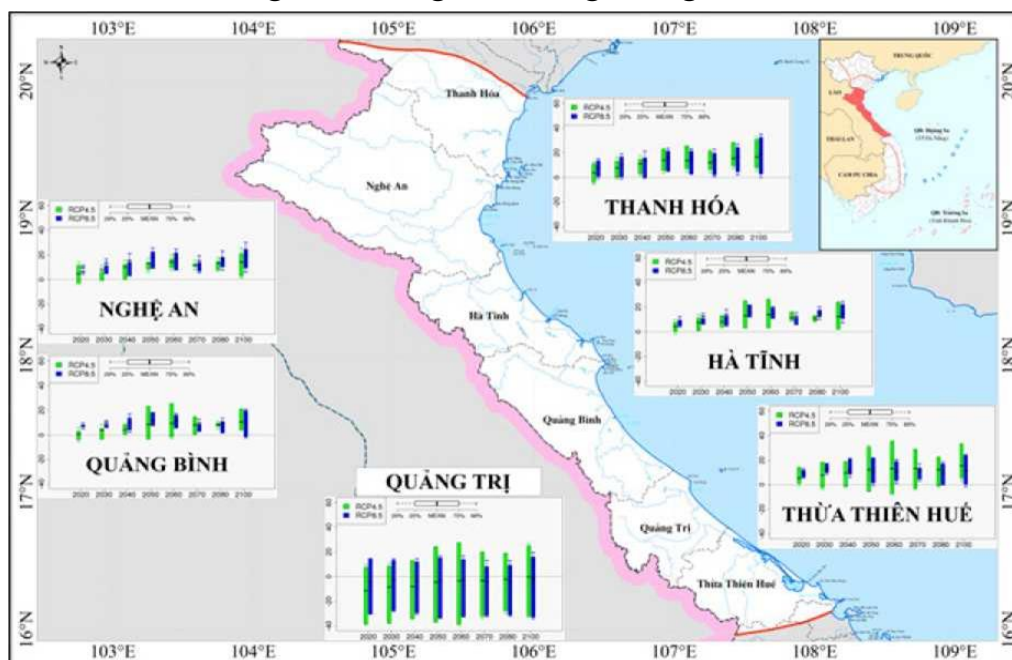
- Kịch bản RCP4.5: Mức biến đổi trung bình của lượng mưa trong mùa thu từ năm 2046 đến 2065 là 21,7%. Khoảng biến đổi nằm trong khoảng từ -4,2% đến 45,3%.

- Kịch bản RCP8.5: Mức biến đổi trung bình của lượng mưa trong mùa thu từ năm 2046 đến 2065 là 22,7%. Khoảng biến đổi nằm trong khoảng từ -1,3% đến 46,0%.

Cả hai kịch bản đều cho thấy mức biến đổi trung bình của lượng mưa trong

mùa thu là tương đối cao và có khoảng biến đổi lớn.

Tổng quan, dựa trên bảng số liệu, có thể nhận thấy rằng cả kịch bản RCP4.5 và RCP8.5 đều dự báo sự biến đổi trong mức lượng mưa tại tỉnh Thanh Hóa trong các mùa khác nhau. Một số mùa có mức biến đổi trung bình cao hơn và khoảng biến đổi lớn hơn trong kịch bản RCP8.5, cho thấy tình huống biến đổi khí hậu có thể trở nên nghiêm trọng hơn trong tương lai.



Hình 02: Kịch bản biến đổi lượng mưa năm ở khu vực Bắc Trung Bộ

2. Khái quát về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

2.1. Lĩnh vực kinh tế

a) Sản xuất nông nghiệp

Tổng sản lượng lương thực 53.110 tấn, đạt 100,2% KH năm, bằng 100,1% so với cùng kỳ. Tích tụ, tập trung đất đai được 120,7ha để sản xuất quy mô lớn, đạt 100,5%KH; xây dựng 1,5ha diện tích nhà kính sản xuất theo hướng công nghệ cao, nâng tổng diện tích nhà kính toàn huyện lên 36,5ha. Diện tích và năng suất lúa ở 2 vụ và cây trồng vụ đông đều tăng so với kế hoạch. Diện tích coi duy trì 1.502ha, đạt 98,8% KH, bằng 99,2% so với cùng kỳ; sản lượng thu hoạch 11.318 tấn, đạt 142,5% KH năm, bằng 99,4% so với cùng kỳ. Chăn nuôi phát triển ổn định; tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng cả năm ước tính 16.360 tấn, bằng 104,7% so với cùng kỳ. Tổng đàn lợn, gia cầm tăng; đàn trâu, bò giảm so với cùng kỳ. Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh và phát triển chăn nuôi; không xảy ra dịch bệnh lớn trên đàn gia súc, gia cầm. Giá trị sản xuất/ha canh tác trồng trọt và nuôi thủy sản ước đạt 200

triệu đồng/ha, đạt 102,6% so kế hoạch, tăng 3,3% so với cùng kỳ. Nuôi trồng thủy sản tiếp tục phát triển theo hướng công nghệ cao; diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng theo mô hình nhà lưới được mở rộng, nâng tổng diện tích lên 12,7 ha; sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản ước tính 13.044 tấn, bằng 102% so cùng kỳ, trong đó sản lượng khai thác ước đạt 142,5 nghìn tấn, vượt 3,6% kế hoạch, tăng 3,9%. Công tác chăm sóc và bảo vệ rừng được thực hiện tốt, không để xảy ra cháy rừng. Chỉ đạo phát động Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ Xuân Giáp Thìn 2024; toàn huyện đã trồng được 63.860 cây, đạt 106% KH.

b) Sản xuất Công nghiệp - TTCN, thương mại, dịch vụ và du lịch

Hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn huyện cơ bản ổn định và có bước tăng trưởng. Một số ngành tăng trưởng như; dịch vụ sản xuất gia công giày da, đồ chơi, hàng may mặc; có thêm 2 doanh nghiệp gia công hàng may mặc đi vào hoạt động sản xuất với khoảng 120 lao động,... Ngành sản xuất sản phẩm từ cùi như: quai cùi, hàng đan thủ công mỹ nghệ giảm nhẹ do nhu cầu tiêu thụ thị trường quốc tế giảm. Giá trị xuất khẩu ước đạt 88,7 triệu USD bằng 104% so cùng kỳ. Hoạt động xuất khẩu hàng hóa được duy trì và có bước tăng trưởng so cùng kỳ. Thành lập mới 60 doanh nghiệp, đạt 100%KH huyện giao, bằng 120%KH tỉnh giao.

- Các ngành dịch vụ được duy trì và có bước phát triển khá, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 5.929 tỷ đồng, bằng 110,1% CK; tình hình thị trường và hoạt động thương mại trên địa bàn huyện bình ổn, hàng hoá dồi dào phong phú, góp phần tích cực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xã hội của huyện. Công tác quản lý các loại hàng hoá trên địa bàn được tăng cường. Dịch vụ vận tải hàng hoá và hành khách được duy trì, đáp ứng yêu cầu vận chuyển hàng hoá và phục vụ nhân dân. Tổng huy động vốn của các tổ chức tín dụng, ngân hàng ước đạt 3.285,5 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ, dư nợ cho vay 4.535,5 tỷ đồng.

c) Quản lý tài chính, thu chi ngân sách và vốn đầu tư toàn xã hội

Tổng ước thu trên địa bàn thực hiện 272,881 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 153,7% dự toán tỉnh giao, bằng 139,5% dự toán huyện giao và bằng 169,9% so với cùng kỳ. Tổng thu ngân sách huyện ước thực hiện: 1.436,7 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 227,2% dự toán tỉnh giao, bằng 220,7% huyện giao và bằng 107,5% so với cùng kỳ. Tổng ước chi ngân sách địa phương ước thực hiện là 1.317,1 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 137,6% dự toán tỉnh giao, 134% dự toán huyện giao và bằng 116,2% so với cùng kỳ.

Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn huyện ước đạt 4.502 tỷ đồng, gấp 2,2 lần so kế hoạch, bằng 124,9% so với cùng kỳ. Trong đó: nguồn vốn từ ngân sách nhà nước đạt 1.821 tỷ đồng bằng 186,7% so cùng kỳ, chiếm 40,4% tổng vốn đầu tư; nguồn vốn ngoài nhà nước đạt 2.681 tỷ đồng bằng 102% so cùng kỳ, chiếm 59,6% tổng vốn đầu tư .

Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư. Đã có 11 dự án hoàn thành quyết toán, 36 dự án đang triển khai thực hiện, 19 dự án chuẩn bị đầu tư. Đối với các dự án HĐND tỉnh nghị quyết chủ trương, giao Ban Quản lý dự án huyện làm chủ đầu tư đảm bảo tiến độ đề ra ; hoàn thành 32 mặt bằng quy hoạch đất ở tỷ lệ 1/500. Đã GPMB được 71,941ha, đạt 119,1% kế hoạch cả năm do UBND tỉnh giao; trong đó các dự án thực hiện tốt là các khu tái định cư, đường từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn-Hoàng Hóa; đặc biệt là dự án Đường dây 500KV Nhà máy Nhiệt điện Nam Định1-Thanh Hoá qua địa bàn huyện Nga Sơn với khối lượng GPMB rất lớn, song đã hoàn thành vượt tiến độ tỉnh giao. Hoàn thành xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch (quy hoạch vùng huyện, quy hoạch đô thị Hới Đào, điểm dân cư nông thôn, đô thị, quy hoạch chung các xã...).

Công tác giải ngân vốn đầu tư công được quan tâm chỉ đạo thực hiện đúng quy định. Đối với nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý: Đã giải ngân tổng số tiền đến 21/11/2024: 100,688 tỷ đồng, đạt 87,5% kế hoạch vốn giao; ước đến 31/12/2024 giải ngân đạt 100% kế hoạch. Đối với nguồn vốn được tỉnh giao bổ sung sau ngày 15/10/2024 là 151,690 tỷ đồng, huyện tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công vào tháng cuối năm. Đối với nguồn vốn đầu tư công do huyện quản lý: Tổng giá trị thực hiện giải ngân nguồn vốn đầu tư công do huyện quản lý giao: 198,687 tỷ đồng; giá trị giải ngân kế hoạch vốn giao đến 31/12/2024 ước đạt: 198,687 tỷ đồng (đạt tỷ lệ giải ngân 100%).

2.2. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

2.2.1. Giao thông:

* **Đường bộ:** Toàn huyện hiện có: 1.412,6 km đường bộ bao gồm hệ thống quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường xã quản lý, trong đó:

- Quốc lộ: 01 tuyến (Quốc lộ 10) đi qua huyện với chiều dài 20,0 km;
- Đường tỉnh: Trên địa bàn huyện có 4 tuyến tỉnh lộ đi qua với tổng chiều dài 51 km, toàn bộ các tuyến đó được rải nhựa đạt tiêu chuẩn cấp V, VI đồng

bằng, gồm các tuyến: tỉnh lộ 508 dài 4,8 km, tỉnh lộ 524 dài 24,7 km, tỉnh lộ 527 (Cầu Đa Nam – QL10) dài 8,0 km, tỉnh lộ 527B(Cầu Tứ Thôn – Cổng Mộng Giường II) dài 13,5km.

- Đường đô thị: 07 tuyến với tổng chiều dài là 8,12 km;

- Đường huyện: 21 tuyến với tổng chiều dài là 120,8 km;

- Đường xã quản lý: Bao gồm đường xã; đường thôn, liên thôn; đường trục chính giao thông nội đồng; đường ngõ xóm với tổng chiều dài là 1.212,70 km.

Giai đoạn 2015-2020 huyện đã đầu tư nâng cấp và làm mới 9,4 km Quốc lộ 10, xây dựng mới cầu Điền Hộ, nâng cấp 4,8 km đường và 9,9 km cống rãnh đường tỉnh, 34 km đường huyện, xây mới và nâng cấp 106,1 km đường xã, 416 km đường thôn xóm và nội đồng. Nhìn chung hệ thống giao thông đã được đầu tư nâng cấp thành mạng lưới hoàn chỉnh, tạo điều kiện giao lưu kinh tế giữa các xã với các huyện bạn.

*** Bến xe ô tô khách:** Hiện tại trên địa bàn huyện mới có 1 bến xe ô tô khách tạm thời tại thị trấn Nga Sơn; Diện tích bến: 3.649 m² trong đó diện tích bãi đỗ xe: 3.000 m². Số vị trí xếp xe tối đa: 35 chỗ. Khả năng tiếp nhận xe: 8 xe/ngày.

***Đường thủy nội địa:** Trên địa bàn huyện có 3 tuyến sông, kênh đi qua với tổng chiều dài 55,0 km gồm (đường thủy nội địa trung ương Kênh Nga, đường thủy nội địa địa phương sông Càn):

- Sông Hoạt (Từ ngã ba Báo Văn đến ngã ba Chính Đại, chiều dài 25,0 km và nối tiếp với kênh Yên Mô (Ninh Bình) để ra các tỉnh phía Bắc. Đặc trưng luồng lạch về mùa khô: Chiều rộng luồng B = 15 - 20 m, chiều sâu luồng h = 1,0 - 2,0 m, luồng lạch sông Hoạt tương đối ổn định. Trên sông có 2 âu thuyền gồm Âu Như Lãng và Âu Mỹ Quan Trang. Các âu này có tính không cửa âu lúc khô T = 4,0m, lúc nước lớn T = 3,0m, hiện tại đạt tiêu chuẩn sông cấp 5. Khả năng khai thác vận tải trên tuyến sông hiện tại có từ 100 - 150 phương tiện thông qua (ngày cao điểm 180 - 200 phương tiện thông qua), các loại phương tiện có trọng tải 25 - 60 tấn.

- Sông Lèn (Từ ngã ba Báo Văn đến cửa Lạch Sung) chiều dài 15,0km. Đặc trưng luồng lạch về mùa khô: Chiều rộng luồng B = 25 - 30 m, chiều sâu luồng h = 1,5 - 2,0 m, luồng lạch sông ổn định, hiện tại đạt tiêu chuẩn sông cấp 3. Khả năng khai thác vận tải: hàng ngày có 200 - 300 phương tiện qua lại, phương tiện lớn nhất đi lại được có trọng tải 100 - 150 tấn.

- Sông Càn (Từ ngã ba Chính Đại đến cửa sông Càn) chiều dài 15,0km. Đặc trưng luồng lạch về mùa khô: Chiều rộng luồng $B = 8 - 10$ m, chiều sâu luồng $h = 0,8 - 1,0$ m, hiện tại đạt tiêu chuẩn sông cấp 6. Khả năng khai thác vận tải trên tuyến hiện nay có 50 - 60 phương tiện qua lại có trọng tải 10 - 20 tấn. Các tuyến giao thông đường thủy thuận tiện cho các phương tiện giao thông đường thủy đi qua; vận chuyển đường thủy có giá thành rẻ hơn, khối lượng hàng hoá nhiều hơn, nhất là các hàng hoá cồng kềnh. Tuy nhiên về mùa khô luồng lạch không ổn định nên phần nào ảnh hưởng tới các phương tiện có trọng tải lớn đi qua.

Đánh giá chung: Mạng lưới đường bộ trong huyện có hệ thống đường quốc lộ, đường tỉnh tạo thành hệ thống đường trục chính kết hợp với hệ thống đường huyện, đường xã tạo thành mạng lưới giao thông tương đối hoàn chỉnh. Về qui mô, kết cấu mặt đường đang ở mức thấp, trừ tuyến Quốc lộ 10 mới được nâng cấp một số đoạn đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, còn lại tất cả các tuyến đường tỉnh, đường huyện mới đạt tiêu chuẩn cấp V, cấp VI kết cấu mặt đường là láng nhựa hoặc bê tông xi măng. Hệ thống đường giao thông nông thôn do xã quản lý cơ bản là đường loại B mặt đường bê tông, cấp phối, đường đất chiếm tỷ lệ cao (khoảng 70%). Hệ thống giao thông đường thủy là ưu thế của địa phương với mạng lưới sông đa dạng. Tuy nhiên chưa được đầu tư tương ứng với vị thế hiện trạng. Hiện nay trên địa bàn huyện chưa có hệ thống giao thông đường sắt và hàng không.

2.2.2. Thủy lợi

Trên địa bàn huyện Nga Sơn có 60,611 km đê (trong đó: đê cấp III dài 11,39 km đê tả sông Lèn; đê dưới cấp III dài 49,221 km gồm đê hữu sông Hoạt, đê tả, hữu sông Càn và đê biển. Hệ thống đê này trong thời gian tới vẫn cần được tu bổ đảm bảo an toàn cho nhân dân trong các đợt mưa lũ. Huyện đã đầu tư làm mới 13,7 km kè, 17 cống lớn qua đê, tu bổ 11,4 km đê tả sông Lèn, 40,9 km đê địa phương, xây dựng kiên cố 35,96 km kênh tưới tiêu liên xã, 177 km kênh mương nội đồng, đáp ứng nhu cầu tưới, tiêu chủ động cho 97,2% diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đảm bảo phòng, chống thiên tai.

2.2.3. Giáo dục - Đào tạo

Chất lượng giáo dục các cấp học ổn định và phát triển, kết thúc năm học 2023-2024, toàn huyện có 100% trẻ em 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non; 100% học sinh lớp 5 hoàn thành Chương trình giáo dục tiểu học (trong đó có 98,48% học sinh hoàn thành Chương trình tiểu học đúng độ tuổi), tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 99,98%, điểm bình quân học sinh thi vào lớp 10

THPT đạt 31,805 điểm, xếp thứ 10/27 huyện, thị xã, thành phố (tăng 5 bậc so với năm học trước); chất lượng học sinh mũi nhọn tăng hơn so với năm học trước, toàn huyện có 53 học sinh lớp 9 đạt giải cấp tỉnh, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THPT đạt 100%. Thực hiện tốt công tác phân luồng học sinh THCS theo Đề án giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2018- 2025 (ban hành kèm theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ), thực hiện tốt việc định hướng nghề nghiệp cho học sinh, kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT toàn huyện có 81,7% số học sinh tốt nghiệp THCS đăng kí dự thi (Sở Giáo dục và Đào tạo giao chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 THPT cho huyện Nga Sơn năm học 2024 - 2025 là 71,2%).

Tổ chức thực hiện đúng lộ trình thay sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông. Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được quan tâm đúng mức, toàn huyện có 80/82 (trường Công lập) chiếm 97,6% trường học ở cả 4 cấp học đạt chuẩn quốc gia (trong đó có 19 trường đạt chuẩn mức độ 2); UBND huyện đã chỉ đạo và hỗ trợ tích cực để các xã tập trung các nguồn lực hoàn thành các tiêu chuẩn của trường học đạt chuẩn quốc gia ở 08 đơn vị trường học (trong đó có 02 trường công nhận mới). Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được quan tâm, góp phần quan trọng vào sự nghiệp giáo dục của huyện nhà.

2.2.4. Văn hoá Thông tin - Thể dục thể thao

Nga Sơn là huyện có truyền thống văn hoá phát triển lâu đời; Là quê hương của các làng nghề dệt cói, mây tre đan...nổi tiếng, với nhiều di tích lịch sử văn hoá, kiến trúc đặc biệt. Hiện nay, huyện có khoảng 277 di tích lịch sử, 49 di tích được Nhà nước xếp hạng, trong đó có 07 di tích cấp quốc gia và 42 di tích cấp tỉnh. Nổi bật trong đó là Khu di tích lịch sử cách mạng Ba Đình (xã Ba Đình); Khu di tích Động Từ Thức (xã Nga Thiện); Chùa Tiên, Phủ Thông...(xã Nga An), đền Trung, đền Đông Đoài (xã Nga Thạch). Những di tích này gắn liền với các truyền thuyết đang làm phong phú thêm đời sống xã hội bằng những lễ hội truyền thống. Nga Sơn còn có xứ đạo Công giáo giàu lòng yêu nước, có nhà thờ đẹp như ở Nga Liên, Điền Hộ...Những di tích này tạo thành một quần thể du lịch nằm trên trục Quốc lộ 10, nối liền khu Phát Diệm (Ninh Bình) và các di tích, danh lam thắng cảnh khác của Thanh Hoá, có thể tạo thành “Tour” du lịch hấp dẫn.

Chỉ đạo tuyên truyền, tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao chào mừng các sự kiện lớn của quê hương, đất nước; các nhiệm vụ chính trị của địa phương, tuyên truyền kỷ niệm 70 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, 79 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9; 78 năm ngày thành lập Đảng bộ

huyện, 138 năm cuộc khởi nghĩa Ba Đình; tổ chức thành công lễ hội Mai An Tiêm năm 2024; tăng cường công tác quản lý di tích, danh lam, thắng cảnh.

2.2.5. Y tế - Chính sách xã hội

Thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm, không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn; công tác khám và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được quan tâm hơn với việc các cơ sở khám chữa bệnh đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật tiên tiến vào chuẩn đoán và điều trị bệnh; tốc độ tăng dân số là 0,54%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 5,6%. Duy trì và thiết lập hồ sơ khám sức khỏe điện tử cho người dân trên địa bàn toàn huyện, đến nay đạt 95,5%; hoàn thành tiêu chí chuẩn Quốc gia về y tế đối với 10 xã. Triển khai kế hoạch kiểm tra công tác duy trì tiêu chí xã ATTP, công tác bảo đảm an toàn thực phẩm nhất là trong các dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn, mùa Lễ hội Xuân 2024, Tháng hành động vì ATTP, trong dịp Tết Trung thu và tại các trường tư thục, nhóm trẻ có bếp ăn bán trú. Đến nay toàn huyện có 100% xã đạt tiêu chí xã ATTP, trong đó xã Nga Tiến, Nga Phú và Ba Đình đạt xã ATTP nâng cao, nâng tổng số xã ATTP nâng cao là 5 đơn vị.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ đối với người có công với cách mạng; đảm bảo chế độ và chăm sóc kịp thời đối với người cao tuổi, người khuyết tật; Thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đào tạo nghề, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động, cụ thể: Đào tạo nghề cho 3.520 lao động đạt 106,6% kế hoạch, giải quyết việc làm 2.760 lao động, đạt 125% kế hoạch, xuất khẩu lao động 450 người đạt 150% kế hoạch; triển khai thực hiện các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2024 đạt 88% kế hoạch; tỷ lệ người dân tham gia BHYT toàn huyện đạt 94,1%.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

2.1.1. Đánh giá theo số lượng công trình và diện tích đã thực hiện

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Nga Sơn đã được phê duyệt tại quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nga Sơn. Theo đó, các công trình dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện đã được đưa vào triển khai thực hiện theo đúng tiến độ đề ra.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện được phê duyệt 169 công trình với tổng diện tích là 363,99 ha. Tính đến hết năm 2024, huyện thực hiện được 16/169 công trình, dự án đạt tỷ lệ 9,47%. Trong đó có 07 công trình thực hiện xong hoàn toàn và có 9 công trình đã thực hiện xong công tác Giải phóng mặt

bằng và tiếp tục đăng ký vào KHSDĐ 2025 để hoàn thiện các thủ tục pháp lý về giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Tính theo tỷ lệ về diện tích thực hiện trong năm kế hoạch 2024, huyện Nga Sơn thực hiện được 117,60 ha/363,99 ha (đạt tỷ lệ 32,31% về diện tích).

Bảng 05: Đánh giá kết quả thực hiện công trình, dự án trong năm 2024

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)
I	Công trình dự án đã thực hiện xong hoàn toàn				
1	Khu dân cư (tây nhà máy may WINNERS VINA)	0,65	ONT	Xã Nga Vĩn	Đã thực hiện
2	Khu dân cư đông Chu Vĩn An	1	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Đã thực hiện
3	Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cói thủ công mỹ nghệ và phụ kiện ngành may tại xã Nga An	2	SKC	Xã Nga An	Đã thực hiện
4	Xưởng sản xuất kinh doanh giấy da, may mặc gia công tổng hợp tại xã Nga Yên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Thịnh Phát	1,97	SKC	Xã Nga Yên	Đã thực hiện
5	Đất thương mại dịch vụ	0,14	SKC	Xã Nga Liên	Đã thực hiện
6	Bãi đỗ thái	7,4	DRA	Xã Nga Thủy	Đã thực hiện
7	Bãi đỗ thái	5	DRA	Xã Nga Tân	Đã thực hiện
II	Công trình dự án đã thực hiện xong một phần				
1	Mở rộng nhà thờ Giáo xứ Vĩnh Thiện	0,71	TON	Xã Nga Liên	Đã thực hiện được xong công tác GPMB
2	Cụm công nghiệp Tam Linh	25,7	SKN	TT Nga Sơn, Nga Vĩn	Đã thực hiện được xong công tác GPMB
3	Đường từ khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển	36,56	DGT	Xã Nga Thủy	Đã thực hiện được xong công tác GPMB
4	Dự án đường dây điện 110KV từ TBA 220KV	0,45	DNL	Các xã: Ba Đình, Xã Nga Trường, Xã Nga Vĩn	Đã thực hiện được xong công tác GPMB
5	Dự án trạm biến áp 110KV Nga Trường	0,54	DNL	Xã Nga Trường	Đã thực hiện được xong công tác GPMB
6	Mở rộng bệnh viện đa khoa	0,98	DYT	Xã Nga Yên	Đã thực hiện được xong công tác GPMB

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đền cấp xã)	Ghi chú
7	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	10,35	SKC	Xã Nga Trường	Đã thực hiện được xong công tác GPMB
8	Cụm công nghiệp Tư Sy	12,41	SKN	Xã Nga Bạch; Xã Nga Phụng; Xã Nga Thạch	Đã thực hiện được xong công tác GPMB
9	Mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng vật liệu thông thường tại xã Nga Giáp	13,71	SKS	Xã Nga Giáp	Đã thực hiện được xong công tác GPMB
I.I	Công trình dự án chuyển tiếp				
I.I.1	Đất ở tại nông thôn	63,13			
1	Khu dân cư nông thôn	1,8831	ONT	Xã Ba Đình	Chuyển tiếp
			DGT	Xã Ba Đình	
2	Khu dân cư B12 đi sông Ngang xã Nga An, huyện Nga Sơn	0,4416	ONT	Xã Nga An	Chuyển tiếp
			DGT	Xã Nga An	
3	Khu dân cư Bái Hồ	2,6922	ONT	Xã Nga Hiệp	Chuyển tiếp
			DGT	Xã Nga Hiệp	
4	Điểm dân cư sau Hiền thôn Bạch Hùng (lô 65, 66, 67)	0,0401	ONT	Xã Nga Hiệp	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
5	Khu dân cư đồng Cán Cờ thôn Đông Thái	0,03	ONT	Xã Nga Hiệp	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
6	Hạ tầng điểm dân cư Cầu Đá xã Nga Giáp, huyện Nga Sơn	1,92	ONT	Xã Nga Giáp	Chuyển tiếp
			DGT	Xã Nga Giáp	
7	Đất ở khu dân cư nông thôn (đất tồn đọng)	0,04	ONT	Xã Nga Giáp	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
8	Khu dân cư sông Voi	0,73	ONT	Xã Nga Phú	Chuyển tiếp
9	Hạ tầng khu dân cư xã Nga Phụng, huyện Nga Sơn(điểm dân cư Rọc Chôm, điểm dân cư sau ông	1,73	ONT	Xã Nga Phụng	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
	Huê)		ONT	Xã Nga Phụng	
10	Khu dân cư Rọc Gai trong thôn 1	0,081	ONT	Xã Nga Phụng	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
11	Khu dân cư nông thôn đợt 2 năm 2015 xã Nga Lĩnh	0,034	ONT	Xã Nga Phụng	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
12	Các điểm dân cư nông thôn xã Nga Lĩnh năm 2018	0,034	ONT	Xã Nga Phụng	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
13	Khu dân cư nông thôn	0,36	ONT	Xã Nga Tân	Chuyển tiếp
14	Khu tái định cư dự án đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Tân)	0,861	ONT	Xã Nga Tân	Chuyển tiếp
			DTL	Xã Nga Tân	
			DKV	Xã Nga Tân	
			DGT	Xã Nga Tân	
15	Khu dân cư nông thôn	1,3337	ONT	Xã Nga Thạch	Chuyển tiếp
			DGT	Xã Nga Thạch	
16	Khu Dân cư Nga Thạch MBQHCT số 09/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 (Đông ông Ất)	0,15	ONT	Xã Nga Thạch	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
17	Khu Dân cư xã Nga Thạch MBQHCT số 1810/QĐ-UBND ngày 05/7/2018 (MBQH Điểm số 3)	0,03	ONT	Xã Nga Thạch	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
18	Khu Dân cư xã Nga Thạch MBQHCT số 1024/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 (Điểm 02: khu dân cư còn thàn 4 thôn Hậu Trạch)	0,04	ONT	Xã Nga Thạch	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
19	Khu dân cư kênh B6 đi đường Bến Tín Cầu Vàng	3,3	ONT	Xã Nga Thành	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đền cấp xã)	Ghi chú
			DGT	Xã Nga Thành	
20	Khu dân cư Bắc Hưng Long đi Từ Thúc, (Nga Trường đi Nga Văn)	0,04	ONT	Xã Nga Trường	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
21	Khu dân cư Bắc Hưng Long đi Từ Thúc (Nga Trường đi Nga Thiện) MBQH 1960 đất tồn đọng	0,13	ONT	Xã Nga Trường	Chuyển tiếp
22	Khu dân cư tân tiến MBQH 1961 (28/6/2018) đất tồn đọng	0,0401	ONT	Xã Nga Trường	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
23	Khu dân cư Tây đồng xóm 7b MBQH 1961 (28/6/2018) đất tồn đọng	0,03	ONT	Xã Nga Trường	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
24	Khu dân cư nông thôn (Kênh Ngang Nam thôn 1 Lô)	0,02	ONT	Xã Nga Thanh	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
25	Khu tái định cư dự án đường giao thông từ khu Công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Thanh - Khu 1)	2,626	ONT	Xã Nga Thanh	Chuyển tiếp
			DGT	Xã Nga Thanh	
			DKV	Xã Nga Thanh	
26	Khu tái định cư dự án đường giao thông từ Khu Công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Thanh - Khu 2)	0,212	ONT	Xã Nga Thanh	Chuyển tiếp
			DGT	Xã Nga Thanh	
27	Khu dân cư Mỹ Hưng	6,4751	ONT	Xã Nga Thanh	Chuyển tiếp
			DKV	Xã Nga Thanh	
			DGT	Xã Nga Thanh	
		4,2964	ONT	Xã Nga Yên	
			DKV	Xã Nga Yên	
			DGT	Xã Nga Yên	
		14,9151	ODT	Thị trấn Nga Sơn	
			DKV	Thị trấn Nga Sơn	

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đền cấp xã)	Ghi chú
			DGT	Thị trấn Nga Sơn	
			DTT	Thị trấn Nga Sơn	
			DVH	Thị trấn Nga Sơn	
			MNC	Thị trấn Nga Sơn	
			DGD	Thị trấn Nga Sơn	
28	Khu dân cư Bắc nhà Máy nước xã Nga Yên, huyện Nga Sơn	0,5	ONT	Xã Nga Yên	Chuyển tiếp
			DGT	Xã Nga Yên	
29	Khu dân cư Đông chùa Đông Cao xã Nga Yên, huyện Nga Sơn	1,272	ONT	Xã Nga Yên	Chuyển tiếp
			DGT	Xã Nga Yên	
30	Khu tái định cư dự án đường giao thông từ khu Công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Yên)	1,509	ONT	Xã Nga Yên	Chuyển tiếp
			DKV	Xã Nga Yên	
			DGT	Xã Nga Yên	
31	Khu dân cư 2 bên tuyến đường Từ Thức kéo dài (đoạn qua xã Nga Yên) (4 lô 8, 10, 47, 48)	0,07	ONT	Xã Nga Yên	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
32	Khu dân cư Bắc làng nghề	0,02	ONT	Xã Nga Yên	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
33	Khu dân cư đường Từ Thức kéo dài (khu dân cư phía đông trạm y tế)	0,05	ONT	Xã Nga Yên	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
34	Khu dân cư nông thôn Đông ông Sự thôn Hải Tiến, xã Nga Hải	1,93	ONT	Xã Nga Hải	Chuyển tiếp
			DGT	Xã Nga Hải	
35	Khu dân cư đường từ thức kéo dài (phần đã thu hồi)	0,15	ONT	Xã Nga Hải	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đền cấp xã)	Ghi chú
36	Điểm dân cư nông thôn xã Nga Hải năm 2020 (điểm dân cư Cổng Đền giữa thôn Hải Tiến)	0,03	ONT	Xã Nga Hải	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào đề hoàn thiện thủ tục
37	Điểm dân cư nông thôn năm 2017 xã Nga Hải (điểm số 1: đường quốc lộ 10, khu đất chèo Mả Bò xóm Hải Bình)	0,04	ONT	Xã Nga Hải	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào đề hoàn thiện thủ tục
38	Khu dân cư nông thôn (Nga Trung)	0,1202	ONT	Xã Nga Hiệp	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào đề hoàn thiện thủ tục
			DGT	Xã Nga Hiệp	
39	Khu dân cư đông quốc lộ 10	3,962	ONT	Xã Nga Hiệp	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào đề hoàn thiện thủ tục
			DGT	Xã Nga Hiệp	
40	Hạ tầng khu dân cư đông QL10 xã Nga Trung, huyện Nga Sơn	0,76	ONT	Xã Nga Hiệp	Chuyển tiếp
			DTL	Xã Nga Hiệp	
			DGT	Xã Nga Hiệp	
			DKV	Xã Nga Hiệp	
41	Xen khu dân cư xã Nga Văn	0,015	ONT	Xã Nga Văn	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào đề hoàn thiện thủ tục
42	Khu dân cư xã Nga Văn	0,022	ONT	Xã Nga Văn	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào đề hoàn thiện thủ tục
43	Hạ tầng Khu dân cư mới đường đi động Từ Thúc đoạn từ Km0+264,73 đến Km1+051,73m xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn	4,566	ONT	Xã Nga Thiện	Chuyển tiếp
			DGT	Xã Nga Thiện	
44	Khu dân cư phía Tây đê Ngự hàm 1 xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn	3,6	ONT	Xã Nga Thủy	Chuyển tiếp
			DKV	Xã Nga Thủy	
			DTL	Xã Nga Thủy	
			DGT	Xã Nga Thủy	
I.1.2	Đất ở tại đô thị	24,27			

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
45	Khu dân cư và hạ tầng kỹ thuật phía đông đường chi nhánh điện (Nga Mỹ cũ), thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn (giai đoạn 3)	5,8	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Chuyển tiếp
			DGT	Thị trấn Nga Sơn	
46	Khu dân cư phía đông chi nhánh điện (xã Nga Mỹ cũ) (Giai đoạn 2)	2,9	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Chuyển tiếp
		0,9	DGT	Thị trấn Nga Sơn	
47	Hạ tầng khu dân cư và hạ tầng kỹ thuật Tây hành chính (giai đoạn 3) thị trấn Nga Sơn	3,3	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Chuyển tiếp
			DGT	Thị trấn Nga Sơn	
48	Khu dân cư mới bắc sông Hưng Long, thị trấn Nga Sơn (4 lô tồn đọng)	0,05	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
49	Khu dân cư Tây đường Tuấn Phương	2,49	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
50	Khu dân cư đông đường chi nhánh điện	0,87	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
51	Các khu xen cư Thị Trấn (thuộc MBQH số 1068, ngày 25/11/2021	0,12	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
52	Khu dân cư đồng bầu (thuộc mặt bằng Khu dân cư đồng quốc lộ 10)	0,03	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
53	Khu dân cư ao ông Dũng thôn 1 (thuộc MBQHCT số 13, ngày 04/8/2014)	0,02	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục
54	Khu dân cư ao ông Khải (Thuộc MBQHCT số 17, ngày 10/10/2013)	0,01	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào để hoàn thiện thủ tục

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
55	Khu dân cư đường thông tiểu khu 1 (Thuộc MBQHCT số 651, ngày 25/5/2014)	0,01	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào đề hoàn thiện thủ tục
56	Khu dân cư tây đường tuần phương (Thuộc MBQHCT số 1217/QĐ - UBND, ngày 29/5/2018)	0,02	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào đề hoàn thiện thủ tục
57	Khu dân cư vườn son xóm 7 và Mã Bịch xóm 7 (MBQHCT số 2796 , ngày 13/8/2019)	0,05	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào đề hoàn thiện thủ tục
58	Khu dân cư tiểu khu Ba Đình 2	0,02	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào đề hoàn thiện thủ tục
59	Khu dân cư phía tây hành chính huyện	0,05	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào đề hoàn thiện thủ tục
60	Khu dân cư Đồng Bàu	1,98	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Chuyển tiếp
61	Khu dân cư đông Quốc lộ 10	2,85	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Chuyển tiếp
62	Khu dân cư tiểu khu Ba Đình 1	0,35	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Chuyển tiếp
63	Các khu xen cư xã Nga Mỹ cũ	1	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Chuyển tiếp
64	Khu dân cư trường trung cấp nghề	0,72	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Chuyển tiếp
65	Khu dân cư trung tâm GDTX	0,73	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Chuyển tiếp
I.1.3	Đất trụ sở cơ quan	0,83			
66	Trụ sở viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn	0,3	TSC	Thị trấn Nga Sơn	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào đề hoàn thiện thủ tục
67	Mở rộng công sở thị trấn Nga Sơn	0,53	TSC	Thị trấn Nga Sơn	Chuyển tiếp
I.1.4	Đất an ninh	3,8			
68	Trụ sở công an huyện	2	CAN	Thị trấn Nga Sơn	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đền cấp xã)	Ghi chú
69	Trụ sở công an thị trấn	0,12	CAN	Thị trấn Nga Sơn	Chuyển tiếp
70	Trụ sở công an xã Nga Phương	0,12	CAN	Xã Nga Phương	Chuyển tiếp
71	Trụ sở công an xã Nga Tân	0,12	CAN	Xã Nga Tân	Chuyển tiếp
72	Trụ sở công an xã Nga Tiến	0,12	CAN	Xã Nga Tiến	Chuyển tiếp
73	Trụ sở công an xã Nga Điền	0,12	CAN	Xã Nga Điền	Chuyển tiếp
74	Trụ sở công an xã Nga Phú	0,12	CAN	Xã Nga Phú	Chuyển tiếp
75	Trụ sở công an xã Nga Thái	0,12	CAN	Xã Nga Thái	Chuyển tiếp
76	Trụ sở công an xã Nga Liên	0,12	CAN	Xã Nga Liên	Chuyển tiếp
77	Trụ sở công an xã Nga An	0,12	CAN	Xã Nga An	Chuyển tiếp
78	Trụ sở công an xã Nga Yên	0,12	CAN	Xã Nga Yên	Chuyển tiếp
79	Trụ sở công an xã Nga Vĩnh	0,12	CAN	Xã Nga Vĩnh	Chuyển tiếp
80	Trụ sở công an xã Nga Thắng	0,12	CAN	Xã Nga Thắng	Chuyển tiếp
81	Trụ sở công an xã Nga Trường	0,12	CAN	Xã Nga Trường	Chuyển tiếp
82	Trụ sở công an xã Nga Thiện	0,12	CAN	Xã Nga Thiện	Chuyển tiếp
83	Trụ sở công an xã Nga Hiệp (xã Nga Bạch cũ)	0,12	CAN	Xã Nga Hiệp	Chuyển tiếp
I.1.5	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	3			
84	Viện dưỡng lão	3	DXH	Thị trấn Nga Sơn	Chuyển tiếp
I.1.6	Đất cơ sở y tế	0,98			
85	Mở rộng bệnh viện đa khoa	0,98	DYT	Xã Nga Yên	Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đăng ký vào đề hoàn thiện thủ tục
I.1.7	Đất cơ sở giáo dục đào tạo	0,72			
86	Trường mầm non Nga Vĩnh	0,63	DGD	Xã Nga Vĩnh	Chuyển tiếp
87	Mở rộng trường mầm non thị trấn 2	0,09	DGD	Thị trấn Nga Sơn	Chuyển tiếp
I.1.8	Đất thể dục thể thao	1,5			
88	Sân thể thao xã Nga Yên	1,5	DTT	Xã Nga Yên	Chuyển tiếp
I.1.9	Đất cụm công nghiệp	47,82			
89	Cụm công nghiệp Tam Linh	35,4	SKN	Thị trấn Nga Sơn	Chuyển tiếp
			SKN	Xã Nga Văn	

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đền cấp xã)	Ghi chú
90	Cụm công nghiệp Tư Sy	4,305	SKN	Xã Nga Hiệp	Chuyển tiếp
		0,07	SKN	Xã Nga Phụng	
		8,043	SKN	Xã Nga Thạch	
1.1.10	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	19,71			
91	Mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng vật liệu thông thường tại núi Hào xã Nga An	6	SKS	Xã Nga An	Chuyển tiếp
92	Mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng vật liệu thông thường tại xã Nga Giáp	13,71	SKS	Xã Nga Giáp	Chuyển tiếp
1.1.11	Đất giao thông	59,03			
93	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Ninh Bình (giai đoạn II)	1,32	DGT	Xã Nga Tiến	Chuyển tiếp
94	Đường cứu hộ, cứu nạn đê hữu sông Hoạt, xã Nga Thắng	3,51	DGT	Xã Nga Thắng	Chuyển tiếp
95	Đường giao thông từ khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoàng Hóa	2,33	DGT	Xã Ba Đình	Chuyển tiếp
		3,21	DGT	Xã Nga Thủy	
		2,75	DGT	Xã Nga Tân	
		3,88	DGT	Xã Nga Thanh	
		5,21	DGT	Xã Nga Trường	
		2,07	DGT	Xã Nga Văn	
		6,87	DGT	Xã Nga Vĩnh	
		10,24	DGT	Xã Nga Yên	
96	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 524, huyện Nga Sơn	13,86	DGT	Các Xã: Nga Phụng, Nga Hiệp, Nga Thủy, Nga Thanh, Nga Liên	Chuyển tiếp
97	Mở rộng quốc lộ 10B đoạn qua xã Nga Yên	3,76	DGT	Xã Nga Yên	Chuyển tiếp
98	Thu hồi 3 lô đất ở để đầu tư hạ tầng thực hiện dự án khu dân cư Đồng Bàu thuộc mặt bằng QHCT Điểm dân cư phía Đông Quốc lộ 10	0,03	DGT	Thị trấn Nga Sơn	Chuyển tiếp
1.1.12	Đất thủy lợi	9,42			
99	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoạt đoạn từ K27+700 đến K43+100, huyện Nga Sơn	9,42	DTL	Xã Nga Thắng, Ba Đình, Xã Nga Vĩnh, Xã Nga Trường, Nga Thiện	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đền cấp xã)	Ghi chú
I.1.13	Dự án công trình có di tích lịch sử - văn hóa	1,65			
100	Xây dựng đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình	1,6538	DDD	Xã Ba Đình	Chuyển tiếp
I.1.14	Đất công trình năng lượng	7,86			
101	Đường dây 500 kV Nam Định 1 - Thanh Hoá	7,86	DNL	Xã Nga Điền, xã Nga Phú, xã Nga An, xã Nga Giáp, xã Nga Thiện, xã Nga Trường, xã Nga Văn, xã Ba Đình, xã Nga Thắng	Chuyển tiếp
I.1.15	Đất tôn giáo	2,29			
102	Mở rộng giáo xứ Tam Linh	0,3	TON	Xã Nga Thắng	Chuyển tiếp
103	Mở rộng nhà thờ Giáo xứ Vĩnh Thiện	0,71	TON	Xã Nga Liên	Chuyển tiếp
104	Mở rộng nhà thờ Phúc Lạc	0,24	TON	Xã Nga Liên	Chuyển tiếp
105	Nhà thờ Chính Giáo (Giáo xứ Tân Hải)	0,1358	TON	Xã Nga Phú	Chuyển tiếp
106	Nhà thờ Nhật Hải - Tiến Giáo	0,25	TON	Xã Nga Thanh	Chuyển tiếp
107	Chùa Già	0,65	TON	Xã Nga Trường	Chuyển tiếp
I.2	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất				
I.2.1	Đất thương mại dịch vụ	5,4			
108	Đất thương mại dịch vụ	0,15	TMD	Xã Nga An	Chuyển tiếp
109	Đất thương mại dịch vụ	2	TMD	Xã Nga Thắng	Chuyển tiếp
110	Đất thương mại dịch vụ	0,29	TMD	Xã Nga Liên	Chuyển tiếp
111	Đất thương mại dịch vụ	0,83	TMD	Xã Nga Hải	Chuyển tiếp
112	Đất thương mại dịch vụ	1,63	TMD	Xã Nga Phú	Chuyển tiếp
113	Đất thương mại dịch vụ	0,5	TMD	Xã Nga Yên	Chuyển tiếp
I.2.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	48,88			
114	Khu sản xuất kinh doanh (Đông đường chùa)	1,91	SKC	Xã Nga An	Chuyển tiếp
115	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	2	SKC	Xã Nga An	Chuyển tiếp
116	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,28	SKC	Xã Nga An	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đền cấp xã)	Ghi chú
117	Xưởng sản xuất, chế biến gỗ ghép thanh và các sản phẩm tận thu từ gỗ	2	SKC	Xã Nga An, Xã Nga Giáp	Chuyển tiếp
118	Nhà máy sản xuất gạch bi	0,25	SKC	Xã Nga An	Chuyển tiếp
119	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (Our door)	10,35	SKC	Xã Nga Trường	Chuyển tiếp
120	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	1,13	SKC	Xã Nga Trường	Chuyển tiếp
121	Dự án in ấn, quảng cáo đồ gỗ nội thất giấy da may mặc	1,6	SKC	Xã Nga Yên	Chuyển tiếp
122	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1	SKC	Xã Nga Yên	Chuyển tiếp
123	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,3	SKC	Xã Nga Giáp, Xã Nga Thành	Chuyển tiếp
124	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	0,1	SKC	Xã Nga Liên	Chuyển tiếp
125	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	1,3	SKC	Xã Nga Thanh	Chuyển tiếp
126	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	4,48	SKC	Xã Nga Thanh	Chuyển tiếp
127	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	2	SKC	Xã Nga Thanh	Chuyển tiếp
128	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	3,03	SKC	Xã Nga Thạch	Chuyển tiếp
129	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	8,5	SKC	Xã Nga Thạch	Chuyển tiếp
130	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	1	SKC	Xã Nga Tiến	Chuyển tiếp
131	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	3	SKC	Xã Nga Trường	Chuyển tiếp
132	Khu đất thu hồi của Công ty TNHH xuất nhập khẩu may mặc 68 Toàn Cầu tại xã Nga Phụng, huyện Nga Sơn	1,92	SKC	Xã Nga Phụng	Chuyển tiếp
133	Xưởng sản xuất cối xuất khẩu	0,73	SKC	Thị trấn Nga Sơn	Chuyển tiếp
IV	Công trình, dự án hủy bỏ				
1	Khu dân cư đường Làn Dài đi xóm 8	0,5	ONT	Xã Nga An	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
2	Khu dân cư tây sông Hoài	0,5	ONT	Xã Nga An	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
3	khu dân cư áp sân văn hóa xã, khu dân cư mới Tân Thịnh xã Nga Phú	0,4946	ONT DGT	Xã Nga Phú	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đền cấp xã)	Ghi chú
4	Khu dân cư nông thôn (phía tây kênh 19)	4,6732	ONT	Xã Nga Thạch	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 241/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
			DGT		
5	Đất ở nông thôn	1	ONT	Xã Nga Yên	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
			DGT		
6	Khu dân cư đông quốc lộ 10 xã Nga Trung đợt 2	1,96	ONT	Xã Nga Trung	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 241/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
			DGT		
7	Khu dân cư nông thôn xã Nga Văn	3,812	ONT	Xã Nga Văn	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 241/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
			DGT		
8	Khu dân cư Đồng Giáp	1,2535	ONT	Xã Nga Thắng	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 241/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
			DGT		
9	Đường giao thông nội bộ trục Đông Tây và nạo vét sông Voi, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2: Đoạn từ làng Nhân Sơn đi sân đền	1,63	DGT	Xã Nga Phú	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 245/NQ-HĐND ngày 22/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
10	Xây dựng nhà văn hóa thôn	0,23	DVH	Xã Nga Bạch	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
11	Mở rộng Nhà văn hóa thôn 1	0,2	DVH	Xã Nga Trung	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
12	Mở rộng nhà văn hóa thôn	0,03	DVH	Xã Nga Vịnh	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
13	Đài tưởng niệm xã Nga Yên	0,7	DVH	Xã Nga Yên	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đền cấp xã)	Ghi chú
14	Mở rộng trường mầm non xã	0,15	DGD	Xã Nga Trung	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
15	Xây dựng mới Trường tiểu học Thị trấn 1 và trường THCS thị trấn Nga Sơn. huyện Nga Sơn	2	DGD	Thị trấn Nga Sơn	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 285/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
16	Xây dựng trạm 110KV và chống quá tải cải tạo lưới điện trên địa bàn huyện Nga Sơn	0,4	DNL	Thị trấn Nga Sơn	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
		0,48	DNL	Xã Nga Tân	
		0,54	DNL	Xã Nga Trường	
17	Xây dựng trạm điện	0,02	DNL	Xã Nga Thạch	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
		0,01	DNL	Xã Nga Văn	
18	Chống quá tải TBA và lưới điện hạ áp khu vực Bim Sơn, Hà Trung, Nga Sơn	0,01	DNL	Xã Nga Trung	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
19	Đường dây và TBA 110 kV Nga Sơn	-1	DNL	Các xã: Ba Đình, Xã Nga Vĩnh, Nga Văn, Thị Trấn, Xã Nga Yên, Xã Nga Thanh, Xã Nga Tân, Xã Nga Thủy, Nga Bạch	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
20	Đường dây 110kV từ TBA 220kV Bim Sơn- Nga Sơn	0,445	DNL	Các xã: Ba Đình, Xã Nga Trường, Xã Nga Vĩnh	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 334/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
21	Dự án cải tạo lưới điện chống quá tải trên địa bàn huyện Nga Sơn	2,3	DNL	Huyện Nga Sơn	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đền cấp xã)	Ghi chú
		0	DNL	Các Xã: Nga Trường, Nga Giáp, Nga Bạch, Xã Nga Thủy	405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
		0,054	DNL	Các Xã: Nga Trường, Nga Giáp, Nga Bạch, Xã Nga Thủy	
22	Xây dựng 1 phần lộ 971 trung gian Nga Sơn từ lưới 10KV lên vận hành cấp điện áp 22KV	0,1	DNL	Các Xã: Nga Vĩnh, Nga Văn, Ba Đình	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
23	Bảo tồn, tôn tạo khu căn cứ khởi nghĩa Ba Đình	4	DDD	Xã Ba Đình	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 399/NQ-HĐND ngày 26/4/2021; Nghị quyết 245/NQ-HĐND ngày 22/4/2022
24	Chùa Bạch Tượng	0,98	TON	Xã Nga Giáp	Hủy bỏ do chưa có nguồn vốn khả thi để thực hiện dự án
25	Mở rộng nghĩa địa C5	1,2	NTD	Xã Nga Tiến	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
26	Nghĩa địa thôn Trung Thành	0,55	NTD	Xã Nga Thạch	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 22/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
27	Nghĩa địa thôn Thanh Lãng	0,4	NTD	Xã Nga Thạch	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 22/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
28	Nghĩa địa thôn Phương Phú	0,4	NTD	Xã Nga Thạch	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 22/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
29	Nghĩa địa thôn Hậu Trạch	0,6	NTD	Xã Nga Thạch	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 22/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
30	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	1	SKC	Xã Nga Thủy	Công trình không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh quá 02 năm liên tục trong kế hoạch sử dụng đất đề xuất hủy bỏ
31	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	0,15	SKC	Xã Nga Thạch	Công trình không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh quá 02 năm liên tục trong kế hoạch sử dụng đất đề xuất hủy bỏ
32	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	1	SKC	Xã Nga Phú	Công trình không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh quá 02 năm liên tục trong kế hoạch sử dụng đất đề xuất hủy bỏ
33	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	0,5	SKC	Xã Nga Thành	Công trình không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh quá 02 năm liên tục trong kế hoạch sử dụng đất đề xuất hủy bỏ
34	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	1	SKC	Xã Nga Phụng	Công trình không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh quá 02 năm liên tục trong kế hoạch sử dụng đất đề xuất hủy bỏ
35	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	2	SKC	Xã Nga Bạch	Công trình không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh quá 02 năm liên tục trong kế hoạch sử dụng đất đề xuất hủy bỏ
36	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	12,43	SKC	Xã Nga Vĩnh	Công trình không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh quá 02 năm liên tục trong kế hoạch sử dụng đất đề xuất hủy bỏ
37	Đất thương mại dịch vụ (khu xóm 9)	0,51	TMD	Xã Nga An	Công trình không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh quá 02 năm liên tục trong kế hoạch sử dụng đất đề xuất hủy bỏ
38	Đất thương mại dịch vụ	2,38	TMD	Xã Nga Trường	Công trình không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh quá 02 năm liên tục trong kế hoạch sử dụng đất đề xuất hủy bỏ

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
39	Đất thương mại dịch vụ	0,63	TMD	Xã Nga Trường	Công trình không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh quá 02 năm liên tục trong kế hoạch sử dụng đất đề xuất hủy bỏ
40	Đất thương mại dịch vụ	0,14	TMD	Xã Nga Liên	Công trình không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh quá 02 năm liên tục trong kế hoạch sử dụng đất đề xuất hủy bỏ
41	Đất thương mại dịch vụ	2,45	TMD	Nga Trường	Công trình không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh quá 02 năm liên tục trong kế hoạch sử dụng đất đề xuất hủy bỏ
42	Đất thương mại dịch vụ	12	TMD	Nga Trường	Công trình không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh quá 02 năm liên tục trong kế hoạch sử dụng đất đề xuất hủy bỏ
43	Đất thương mại dịch vụ	3	TMD	Nga Trường	Công trình không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh quá 02 năm liên tục trong kế hoạch sử dụng đất đề xuất hủy bỏ
44	Đất thương mại dịch vụ	10	TMD	Nga Trường, Nga Văn	Công trình không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh quá 02 năm liên tục trong kế hoạch sử dụng đất đề xuất hủy bỏ
45	Đất thương mại dịch vụ	1	TMD	Nga Tân	Công trình không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh quá 02 năm liên tục trong kế hoạch sử dụng đất đề xuất hủy bỏ
46	Đất thương mại dịch vụ	2	TMD	Nga Tân	Công trình không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh quá 02 năm liên tục trong kế hoạch sử dụng đất đề xuất hủy bỏ
47	Đất thương mại dịch vụ	1	TMD	Nga Tân	Công trình không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh quá 02 năm liên tục trong kế hoạch sử dụng đất đề xuất hủy bỏ

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đền cấp xã)	Ghi chú
48	Đất thương mại dịch vụ	4,13	TMD	Nga Tiến	Công trình không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh quá 02 năm liên tục trong kế hoạch sử dụng đất đề xuất hủy bỏ
49	Đất thương mại dịch vụ	10,1	TMD	Nga Vịnh, Ba Đình	Công trình không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh quá 02 năm liên tục trong kế hoạch sử dụng đất đề xuất hủy bỏ

Như vậy có thể thấy rằng năm 2024 huyện còn 153 công trình chưa thực hiện chiếm tới 90,53% (Có 133 công trình dự án chưa thực hiện, chuyển tiếp hoàn toàn sang năm 2025, trong đó sẽ có 37 dự án đã thực hiện xong công tác GPMB trong năm 2024, đăng ký vào KHSDD 2025 để hoàn thiện thủ tục giao đất). Điều này cho thấy kết quả thực hiện năm 2024 của huyện chưa đạt kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chính của kết quả này là do một số lý do như: thiếu vốn đầu tư, mức độ dự báo nhu cầu sử dụng trong kế hoạch hàng năm chưa phù hợp với thực tế của địa phương, công tác đền bù giải phóng mặt bằng còn chậm, thời gian phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cũng là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thực hiện các dự án trong kế hoạch sử dụng đất của huyện Nga Sơn.

2.1.2. Đánh giá theo chỉ tiêu sử dụng đất

Tính theo chỉ tiêu sử dụng đất quy định tại Thông tư 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Nga Sơn thực hiện đạt kết quả như sau: Đất nông nghiệp đạt tỷ lệ thực hiện 1,90%, đất phi nông nghiệp đạt tỷ lệ thực hiện 1,75%. Chi tiết số liệu được thể hiện qua bảng dưới đây:

Bảng 06: Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích (ha)	Trong đó		Tổng số Tăng(+), giảm(-)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích công bố hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]*100	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)-(10)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	9.154,38	8.882,20	9.149,20	-5,18	1,90	271,57	246,74	24,83
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.851,34	4.668,07	4.846,76	-4,58	2,50	183,26	161,70	21,56
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	3.908,31	3.792,47	3.906,57	-1,74	1,50	115,83	98,37	17,46
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	943,03	875,60	940,19	-2,84	4,21	67,43	63,33	4,10
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	1.639,51	1.568,04	1.638,91	-0,60	0,84	70,87	69,33	1,54

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích (ha)	Trong đó		Tổng số Tăng(+), giảm(-)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích công bố hủy bỏ
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	322,78	321,60	322,78			1,18		1,18
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD								
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	333,74	333,74	333,74					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	136,53	136,53	136,53					
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN								
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	943,58	933,36	943,58			10,22	9,78	0,44
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT								
1.9	Đất làm muối	LMU								
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	926,90	920,86	926,90			6,04	5,93	0,11
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	5.110,26	5.406,10	5.115,44	5,18	1,75	-290,66	-	-24,83
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.053,04	2.089,16	2.053,04			-36,12	-26,45	-9,67
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	162,53	176,36	162,53			-13,83	-13,83	
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,80	17,74	17,80			0,06	0,06	
2.4	Đất quốc phòng	CQP	34,21	34,21	34,21					
2.5	Đất an ninh	CAN	2,20	4,00	2,20			-1,80	-1,80	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	149,29	156,02	149,29			-6,73	-3,47	-3,26
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	32,20	33,36	32,20			-1,16	-0,05	-1,11
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH		3,00				-3,00	-3,00	
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	9,58	9,46	9,58			0,12	0,12	
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	64,66	65,69	64,66			-1,03	1,12	-2,15
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	41,85	43,51	41,85			-1,66	-1,66	
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH								
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT								
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT								
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG								
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,00	1,00	1,00					
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	99,69	267,31	104,26	4,57		-167,62	-	-67,42
2.7.1	Đất khu công nghiệp, đất cụm công nghiệp	SCC	43,25	65,46	47,82	4,57		-167,62	-	-
2.7.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK								
2.7.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	43,25	65,46	47,82	4,57	20,58	-22,21	-22,21	
2.7.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT								
2.7.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,84	62,51	2,84			-59,67	-10,33	-49,34
2.7.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	27,09	93,12	27,09			-66,03	-47,95	-18,08
2.7.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	26,51	46,22	26,51			-19,71	-19,71	
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.887,73	1.955,56	1.888,34	0,61	0,90	-67,22	-58,72	-8,50
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.402,26	1.450,12	1.402,26			-47,86	-42,77	-5,09
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	415,33	415,11	415,93	0,60		0,82	0,82	
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT								
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC								
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	38,87	44,52	38,87			-5,65	-1,65	-4,00
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	15,69	16,09	15,69			-0,40	-0,40	
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,11	13,76	1,12	0,01	0,08	-12,64	-9,23	-3,41
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,95	0,95	0,95					
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	10,76	10,76	10,76					
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	2,76	4,25	2,76			-1,49	-1,49	
2.9	Đất tôn giáo	TON	13,51	14,49	13,51			-1,71	-0,73	-0,98
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	7,00	7,00	7,00					
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	240,14	241,39	240,14			-1,25	1,90	-3,15
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	424,83	423,84	424,83			0,99	0,99	
	<i>Trong đó:</i>									
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	77,57	78,35	77,57			-0,78	-0,78	
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	347,26	345,49	347,26			1,77	1,77	
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	22,86	19,02	22,86			3,84	3,84	
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	1.510,76	1.491,67	1.510,76			19,09	19,09	
3.1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT								
3.2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	622,39	603,30	622,39			19,09	19,09	
3.3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS								
3.4	Núi đá không có rừng cây	NCS	888,37	888,37	888,37					
3.5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS								

a) Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất nông nghiệp

Nhóm đất nông nghiệp: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 8.882,2 ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 9.149,2 ha, trong năm 2024, thực hiện giảm đi 5,18 ha, đạt 1,9%, còn lại 271,57 ha chưa thực hiện, trong đó 246,74 ha đăng ký chuyển tiếp; 24,83 ha đề xuất hủy bỏ.

1) Đất trồng lúa: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 4.668,07 ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 4.846,76 ha, trong năm 2024, thực hiện giảm đi 4,58 ha, đạt 2,5%, còn lại 183,26 ha chưa thực hiện, trong đó 161,7 ha đăng ký chuyển tiếp; 21,56 ha đề xuất hủy bỏ

2) Đất chuyên trồng lúa: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 3.792,47 ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 3.906,57 ha, trong năm 2024, thực hiện giảm đi 4,11 ha, đạt 3,55%, còn lại 115,83 ha chưa thực hiện, trong đó 98,37 ha đăng ký chuyển tiếp; 17,46 ha đề xuất hủy bỏ.

3) Đất trồng lúa còn lại: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 875,6 ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 940,19 ha, trong năm 2024, thực hiện giảm đi 2,06 ha, đạt 3,06%, còn lại 67,43 ha chưa thực hiện, trong đó 63,33 ha đăng ký chuyển tiếp; 4,1 ha đề xuất hủy bỏ.

4) Đất trồng cây hằng năm khác: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 1568,04ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 1638,91 ha, trong năm 2024 thực hiện giảm được 0,60ha, đạt 0,84%, còn lại 70,87 ha chưa thực hiện, trong đó 69,33ha đăng ký chuyển tiếp; 1,54ha đề xuất hủy bỏ.

5) Đất trồng cây lâu năm: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 321,6ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 322,78 ha, trong năm 2024 thực hiện giảm được 0ha, đạt 0%, còn lại 1,18 ha chưa thực hiện, trong đó 0ha đăng ký chuyển tiếp; 1,18ha đề xuất hủy bỏ.

6) Đất rừng phòng hộ: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 333,74ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 333,74 ha, trong năm 2024 thực hiện giảm được 0ha, đạt 0%, còn lại 0 ha chưa thực hiện, trong đó 0ha đăng ký chuyển tiếp; 0ha đề xuất hủy bỏ.

7) Đất rừng sản xuất: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 136,53ha, kết quả thực hiện được 100% kế hoạch.

8) Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 933,36ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 943,58 ha, trong

năm 2024 thực hiện giảm được 0ha, đạt 0%, còn lại 10,22 ha chưa thực hiện, trong đó 9,78ha đăng ký chuyển tiếp; 0,44ha đề xuất hủy bỏ.

9) Đất nông nghiệp khác: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 920,86ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 926,9 ha, trong năm 2024 thực hiện giảm được 0ha, đạt 0%, còn lại 6,04 ha chưa thực hiện, trong đó 5,93ha đăng ký chuyển tiếp; 0,11ha đề xuất hủy bỏ.

b) Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất phi nông nghiệp

Nhóm đất phi nông nghiệp: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 5.406,1 ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 5.115,44 ha, trong năm 2024, thực hiện tăng thêm 5,18 ha, đạt 1,75%, còn lại 290,66 ha chưa thực hiện, trong đó 265,83 ha đăng ký chuyển tiếp; 24,83 ha đề xuất hủy bỏ.

1) Đất ở tại nông thôn: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 2089,16ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 2053,04 ha, trong năm 2024 thực hiện tăng 0,65ha, đạt 1,8%, còn lại 36,12 ha chưa thực hiện, trong đó 26,45ha đăng ký chuyển tiếp; 9,67ha đề xuất hủy bỏ.

2) Đất ở tại đô thị: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 176,36ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 162,53 ha, trong năm 2024 thực hiện tăng 1ha, đạt 7,23%, còn lại 13,83 ha chưa thực hiện, trong đó 13,83ha đăng ký chuyển tiếp; 0 ha đề xuất hủy bỏ. Do chưa thực hiện các dự án: Khu dân cư Đông đường đường chi nhánh điện (giai đoạn 3); Khu dân cư phía Đông đường chi nhánh điện (xã Nga Mỹ cũ) (Giai đoạn 2),... đề xuất chuyển tiếp sang năm 2025.

3) Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 17,74ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 17,8 ha.

4) Đất quốc phòng: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 34,21ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 34,21 ha.

5) Đất an ninh: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 4ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 2,2 ha, trong năm 2024 thực hiện chưa đạt theo Kế hoạch là 1,8ha, trong đó 1,8ha đăng ký chuyển tiếp; không đề xuất hủy bỏ.

6) Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 156,02ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 149,29 ha, trong năm 2024 thực hiện chưa đạt theo Kế hoạch là 6,73 ha chưa thực hiện, trong đó 3,47ha đăng ký chuyển tiếp; 3,26ha đề xuất hủy bỏ.

6.1) Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 33,36ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 32,2 ha, trong năm 2024 thực hiện chưa đạt theo Kế hoạch là 1,16 ha chưa thực hiện, trong đó 0,05ha đăng ký chuyển tiếp; 1,11ha đề xuất hủy bỏ. Do chưa thực hiện 04 công trình dự án: Xây dựng nhà văn hóa thôn Xã Nga Bạch - 0,23 ha; Mở rộng Nhà văn hóa thôn 1 Xã Nga Trung 0,15 ha; Mở rộng nhà văn hóa thôn Xã Nga Vịnh - 0,03 ha; Đài tưởng niệm xã Nga Yên Xã Nga Yên 0,7 ha.

6.2) Đất xây dựng cơ sở y tế: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 9,46ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 9,58 ha, trong năm 2024 thực hiện giảm được 0ha, đạt 0%, còn lại 0,12 ha chưa thực hiện, trong đó 0,12ha đăng ký chuyển tiếp; không đề xuất hủy bỏ. Diện tích giảm do công trình Mở rộng bệnh viện đa khoa tại xã Nga Yên mới chỉ xong công tác thu hồi đất đề xuất chuyển tiếp sang năm 2025 để hoàn thiện thủ tục giao đất;

6.3) Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 65,69ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 64,66 ha, trong năm 2024 thực hiện chưa đạt theo Kế hoạch là 1,03 ha chưa thực hiện, trong đó 1,12ha đăng ký chuyển tiếp; 2,15ha đề xuất hủy bỏ. Do chưa thực hiện 04 công trình dự án Mở rộng trường mầm non xã Nga Trung 0,15 ha; Trường mầm non Nga Vịnh 0,63 ha; Xây dựng mới Trường tiểu học Thị trấn 1 và trường THCS thị trấn Nga Sơn 2 ha; Mở rộng trường mầm non thị trấn 2 Thị trấn Nga Sơn 0,09 ha.

6.4) Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 43,51ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 41,85 ha, trong năm 2024 thực hiện chưa đạt theo Kế hoạch là 1,66 ha chưa thực hiện, trong đó 1,66ha đăng ký chuyển tiếp; không đề xuất hủy bỏ.

6.5) Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 1ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 đạt 100% kế hoạch.

7) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 267,31 ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 104,26 ha, trong năm 2024, thực hiện tăng thêm 4,57 ha, đạt 0%, còn lại 167,62 ha chưa thực hiện, trong đó 100,2 ha đăng ký chuyển tiếp; -67,42 ha đề xuất hủy bỏ.

7.1) Đất cụm công nghiệp: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 65,46 ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 47,82 ha, trong

năm 2024, thực hiện tăng thêm 4,57 ha, đạt 20,58%, còn lại 22,21 ha chưa thực hiện, trong đó 22,21 ha đăng ký chuyển tiếp; 0 ha đề xuất hủy bỏ.

7.2) Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 62,51 ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 2,84 ha, còn lại 59,67 ha chưa thực hiện, trong đó 10,33 ha đăng ký chuyển tiếp; 49,34 ha đề xuất hủy bỏ.

7.3) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 93,12 ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 27,09 ha, trong năm 2024, thực hiện tăng thêm 4,11 ha, đạt 6,22%, còn lại 66,03 ha

7.4) Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 46,22ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 26,51 ha, trong năm 2024 thực hiện chưa đạt theo Kế hoạch là 19,71 ha chưa thực hiện, trong đó 19,71ha đăng ký chuyển tiếp; không đề xuất hủy bỏ. Do chưa thực hiện dự án Mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng vật liệu thông thường tại núi Hào xã Nga An, đề xuất chuyển tiếp sang thực hiện năm 2024;

8) Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 1.955,56 ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 1.888,34 ha, trong năm 2024, thực hiện tăng thêm 0,61 ha, đạt 0,9%, còn lại 67,22 ha chưa thực hiện, trong đó 58,72 ha đăng ký chuyển tiếp; 8,5 ha đề xuất hủy bỏ.

8.1) Đất công trình giao thông: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 1450,12ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 1402,26 ha, trong năm 2024 thực hiện chưa đạt theo Kế hoạch là 47,86 ha chưa thực hiện, trong đó 42,77ha đăng ký chuyển tiếp; 5,09ha đề xuất hủy bỏ. Do chưa thực hiện 06 công trình dự án: Đường từ KCN Bim Sơn đến đường bộ ven biển; Dự án đất giao thông KDC Đường Bắc Hưng Long đi động Từ Thức (Đoạn Nga Thiện); Dự án kết nối hạ tầng KDC bắc trường THPT Ba Đình (Hợp đồng BT) xã Nga Yên;..., đề xuất chuyển tiếp sang năm 2025.

8.2) Đất công trình thủy lợi: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 415,11ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 415,93 ha, trong năm 2024 thực hiện tăng 0,6ha, còn lại việc giảm 0,82 ha chưa thực hiện, trong đó 0,82ha đăng ký chuyển tiếp; không đề xuất hủy bỏ.

8.3) Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 44,52 ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 38,87 ha, trong năm 2024, thực hiện giảm đi 0

ha, đạt 0%, còn lại 5,65 ha chưa thực hiện, trong đó 1,65 ha đăng ký chuyển tiếp; 4 ha đề xuất hủy bỏ.

8.4) Đất công trình xử lý chất thải: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 16,09ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 16,09 ha, trong năm 2024 thực hiện tăng 0,4ha, đạt 100% kế hoạch.

8.5) Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 13,76ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 1,12 ha, trong năm 2024 thực hiện tăng 0,01ha, đạt 0,08%, còn lại 12,64 ha chưa thực hiện, trong đó 9,23ha đăng ký chuyển tiếp; 3,41ha đề xuất hủy bỏ.

8.6) Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 0,95ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 0,95 ha.

8.7) Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 10,76ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 10,76 ha.

8.9) Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 4,25 ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 2,76 ha, trong năm 2024 thực hiện chưa đạt theo Kế hoạch là 1,49 ha chưa thực hiện, trong đó 1,49 ha đăng ký chuyển tiếp; không đề xuất hủy bỏ.

9) Đất tôn giáo: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 14,49ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 13,51 ha, trong năm 2024 thực hiện chưa đạt theo Kế hoạch là 1,71 ha chưa thực hiện, trong đó 0,73ha đăng ký chuyển tiếp; 0,98ha đề xuất hủy bỏ.

10) Đất tín ngưỡng: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 7ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 7 ha.

11) Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 241,39ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 240,14 ha, trong năm 2024 thực hiện chưa đạt theo Kế hoạch là 1,25 ha chưa thực hiện, trong đó 1,9ha đăng ký chuyển tiếp; 3,15ha đề xuất hủy bỏ. Do chưa thực hiện được công trình Mở rộng nghĩa địa C5, Nghĩa địa thôn Phương Phú,...

12) Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 423,84ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 424,83 ha, trong năm 2024 thực hiện giảm được 0ha, đạt 0%, còn lại 0,99 ha chưa thực hiện, trong đó 0,99ha đăng ký chuyển tiếp; không đề xuất hủy bỏ.

12.1) Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 78,35ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 77,57 ha, trong năm 2024 thực hiện chưa đạt theo Kế hoạch là 0,78 ha chưa thực hiện, trong đó 0,78ha đăng ký chuyển tiếp; không đề xuất hủy bỏ

12.2) Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 345,49ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 347,26 ha, trong năm 2024 thực hiện giảm được 0ha, đạt 0%, còn lại 1,77 ha chưa thực hiện, trong đó 1,77ha đăng ký chuyển tiếp; 0ha đề xuất hủy bỏ.

13) Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 19,02ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 22,86 ha, trong năm 2024 thực hiện giảm được 0ha, đạt 0%, còn lại 3,84 ha chưa thực hiện, trong đó 3,84ha đăng ký chuyển tiếp; không đề xuất hủy bỏ.

c. Kết quả thực hiện đất chưa sử dụng

Nhóm đất chưa sử dụng: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 1491,67ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 1510,76 ha, trong năm 2024 thực hiện giảm được 0ha, đạt 0%, còn lại 19,09 ha chưa thực hiện, trong đó 19,09ha đăng ký chuyển tiếp; không đề xuất hủy bỏ.

- Đất bằng chưa sử dụng: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 603,3ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 622,39 ha, trong năm 2024 thực hiện giảm được 0ha, đạt 0%, còn lại 19,09 ha chưa thực hiện, trong đó 19,09ha đăng ký chuyển tiếp; không đề xuất hủy bỏ.

- Núi đá không có rừng cây: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 888,37ha, kết quả thực hiện đến năm 2024 là 888,37 ha.

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện thu chi liên quan đến đất đai năm 2024

2.2.1. Thu tiền sử dụng đất:

Tổng thu tiền sử dụng đất dự kiến năm 2024 của huyện Nga Sơn: 360.968 triệu đồng.

Trong đó:

- Số dư năm trước chuyển sang: 352.894 triệu đồng
- Số thu trong năm 2024: 80.74 triệu đồng.

2.2.2. Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất.

- Tiền sử dụng đất đã chi ước đến 31/12/2024: 110.845 triệu đồng.
- Tiền sử dụng đất còn lại trong tài khoản tạm giữ đến 31/12/2024: 250.123 triệu đồng.

2.3. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất

- Huyện có hệ thống giao thông đối ngoại thuận lợi, có các tuyến đường QL10, tỉnh lộ chạy qua sẽ tạo điều kiện cho Nga Sơn phát triển kinh tế toàn diện, dễ dàng giao lưu với bên ngoài, tiếp thu nhanh tiến bộ xã hội, nâng cao dân trí, phát triển kinh tế theo xu hướng mở rộng, đa dạng, trong đó có tiềm lực kinh tế biển;

- Huyện có nguồn nhân lực dồi dào, nhân dân có truyền thống lao động cần cù, chăm chỉ với tập quán và kinh nghiệm lâu đời về trồng lúa, ngô, các loại cây công nghiệp (lạc, đậu tương, dâu tằm, cói)...đã đạt được trình độ khá cao trong thâm canh và ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất. Với nguồn lao động này, huyện có khả năng phát triển những ngành sản xuất mới đòi hỏi hàm lượng khoa học công nghệ cao. Nghề tiểu thủ công nghiệp chiếu cói, thảm đay đã và đang phát triển, qua những thăng trầm của thị trường chiếu, cói, con người được thử thách để vươn lên một bước quan trọng đi đến công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

- Vấn đề môi trường đang ngày càng được quan tâm trong quá trình sử dụng đất, các dự án thực hiện đều có đánh giá tác động môi trường trước khi dự án được triển khai xây dựng.

2.4. Đánh giá tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

- Phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Nga Sơn, các công trình dự án đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất trong năm 2024, tuy nhiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng triển khai chậm do thiếu vốn đầu tư nên phải chuyển tiếp sang năm 2025 (đường giao thông, các khu dân cư mới;...).

- Thực hiện kế hoạch sử dụng đất thông qua chỉ tiêu sử dụng đất: Bên cạnh các chỉ tiêu đạt và gần đạt so với kế hoạch được duyệt vẫn còn chỉ tiêu có kết quả thực hiện thấp.

- Một số dự án của các doanh nghiệp, cá nhân đã thực hiện theo hình thức thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (các dự án khu thương mại, dịch vụ; khu sản xuất phi nông nghiệp, khai thác khoáng sản, ...) nhưng chưa lập hồ sơ cho thuê đất nên ảnh hưởng đến kết quả thực hiện. Một số do năng lực tài chính của chủ đầu tư (doanh nghiệp) còn hạn chế dẫn đến tiến độ thực hiện dự án còn chậm.

2.5. Đánh giá những nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

(1). Thiếu nguồn vốn đầu tư để xây dựng các công trình, dự án được xem là nguyên nhân chính ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất của

huyện Nga Sơn trong năm 2024. Trong những năm tiếp theo, huyện cần có nhiều hơn các giải pháp thu hút đầu tư, tạo nguồn lực về vốn, kinh tế để thực hiện các dự án kế hoạch sử dụng đất theo tiến độ đề ra.

(2). Tính đồng bộ, thống nhất giữa quy hoạch chuyên ngành của các ngành KT-XH với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa cao; khả năng đáp ứng nhu cầu đất đai cho quy hoạch các ngành thấp do quỹ đất không đáp ứng được; nguyên nhân chính là do quy hoạch chuyên ngành chưa tính toán đến khả năng đáp ứng về đất đai.

(3). Việc giải phóng mặt bằng còn gặp khó khăn do người dân chưa đồng tình với cơ chế chính sách đền bù, một số dự án chậm giải phóng mặt bằng nên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất không cao.

(4). Thời điểm Luật đất đai năm 2024 có hiệu lực từ ngày 1/8/2024, trong khi đó các quy trình, Nghị định, Thông tư hướng dẫn chưa kịp ban hành, dẫn đến địa phương gặp khó khăn khi triển khai áp dụng thực tế các dự án.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch 2025 huyện Nga Sơn được xác định dựa trên chỉ tiêu điều chỉnh Quy hoạch giai đoạn 2021-2030 được phê duyệt tại Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa và được điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 20/10/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện đã được phân bổ tại quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh. Trong đó, chi tiết chỉ tiêu như sau:

Bảng 07: Chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nga Sơn

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030	
			Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DTTN (1+2+3)		15.779,97	
1	Đất nông nghiệp	NNP	8.483,04	53,76
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.818,88	24,20
1.2	Đất chuyên trồng lúa	LUC	3.618,88	22,93
1.3	Đất trồng lúa còn lại	LUK	200,00	1,27
1.4	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	1.841,82	11,67
1.5	Đất trồng cây lâu năm	CLN	314,13	1,99
1.6	Đất rừng phòng hộ	RPH	315,31	2,00
1.7	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.8	Đất rừng sản xuất	RSX	136,53	0,87
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>		
1.9	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	822,44	5,21
1.10	Đất chăn nuôi tập trung	CNT		
1.11	Đất làm muối	LMU		
1.12	Đất nông nghiệp khác	NKH	1.201,25	7,61
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.090,27	38,59
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.872,00	11,86
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	507,00	3,21
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,69	0,13
2.4	Đất quốc phòng	CQP	98,97	0,63
2.5	Đất an ninh	CAN	9,10	0,06
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	252,05	1,60
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	37,21	0,24
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	3,00	0,02
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	13,81	0,09
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	70,45	0,45
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	126,57	0,80
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH		
-	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT		
-	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT		
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,01	0,01
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	539,08	3,42
-	Đất khu công nghiệp	SKK	150,00	0,95
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	126,50	0,80
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT		
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	112,84	0,72
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	100,52	0,64
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	49,22	0,31
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2.147,01	13,61
-	Đất công trình giao thông	DGT	1.500,16	9,51
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	465,82	2,95
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT		

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030	
			Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC		
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	57,76	0,37
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	25,21	0,16
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	17,22	0,11
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	5,94	0,04
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	12,33	0,08
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	62,57	0,40
2.9	Đất tôn giáo	TON	14,66	0,09
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	7,60	0,05
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	243,23	1,54
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	359,86	2,28
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	19,02	0,12
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.206,66	7,65
3.1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT		
3.2	Đất băng chưa sử dụng	BCS		
3.3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS		
3.4	Núi đá không có rừng cây	NCS		
3.5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS		

Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 phải phù với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và đã được thể hiện chi tiết và phân bổ chính xác đến từng đơn vị cấp xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Trong năm 2025, nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực cụ thể như sau:

- Đất an ninh: 24 công trình với diện tích 4,76 ha
- Đất cụm công nghiệp: 02 công trình với diện tích: 47,82 ha.
- Đất ở đô thị: 22 công trình với diện tích: 44,72 ha
- Đất ở nông thôn: 50 công trình với diện tích: 60,14 ha
- Đất cơ sở y tế: 01 công trình với diện tích: 0,98 ha
- Đất cơ sở giáo dục – đào tạo: 02 công trình với diện tích: 0,72 ha.
- Đất cơ sở thể dục, thể thao: 01 công trình với diện tích: 1,50 ha
- Đất giao thông: 6 công trình với diện tích: 64,52 ha
- Đất thủy lợi: 02 công trình với diện tích: 11,38 ha
- Đất năng lượng: 2 công trình với diện tích: 8,31ha
- Đất có di tích lịch sử, văn hóa: 1 công trình với diện tích: 1,65 ha
- Đất bãi thải, xử lý chất thải: 1 công trình với diện tích: 3,00 ha
- Đất cơ sở tôn giáo: 07 công trình với diện tích: 2,81 ha

- Đất thương mại dịch vụ: 6 công trình với diện tích: 5,40 ha
- Đất cơ sở dịch vụ xã hội: 01 công trình với diện tích: 3 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 20 công trình với diện tích: 48,88ha
- Đất khai thác khoáng sản: 02 công trình với diện tích: 19,71 ha
- Đất trụ sở cơ quan: 02 công trình với diện tích: 0,83 ha

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Những công trình trong năm kế hoạch 2024 chưa được thực hiện do bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan và chủ quan sẽ tiếp tục xem xét trên cơ sở tiềm năng, tính phù hợp, tính khả thi, nguồn vốn sẽ cho tiếp tục đề xuất chuyển tiếp 134 công trình dự án sang thực hiện trong năm kế hoạch 2025 (trong đó có 37 dự án đã thực hiện xong công tác GPMB trong năm 2024, đăng ký vào KHSDĐ 2025 để hoàn thiện thủ tục giao đất, 96 dự án chưa thực hiện, đăng ký chuyển tiếp hoàn toàn sang năm 2025). Việc này sẽ đảm bảo tính thống nhất, đáp ứng đầy đủ và tính phù hợp trong năm kế hoạch 2025 của huyện.

Bảng 08: Danh mục những công trình, dự án chuyển tiếp từ KHSDĐ 2024:

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)
I	Các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước và các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch							
II	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất							
I.1.1	Đất ở tại nông thôn	63,15	58,08	5,69	52,34			
1	Khu dân cư nông thôn	1,8831	1,8831		1,13	ONT	Xã Ba Đình	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 1, năm 2023; (CMĐ 1,883ha) Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 18/8/2022 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng khu dân cư nông thôn xã Ba Đình, huyện Nga Sơn; Hạng mục : Đường giao thông, rãnh thoát nước, nước sinh hoạt, hệ thống nước sạch và điện sinh hoạt Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga Sơn
					0,76	DGT	Xã Ba Đình	
2	Khu dân cư B12 đi sông Ngang xã Nga An, huyện Nga Sơn	0,4416	0,4416		0,26	ONT	Xã Nga An	Nghị quyết 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn huyện Thanh Hóa đợt 5, năm 2024 (TH 0,4022ha) Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 về việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2024 huyện Nga Sơn MB điều chỉnh QH chi tiết 1/500 được phê duyệt tại QĐ số 410/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của UBND huyện Nga Sơn Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 18/8/2022 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng khu dân cư B12 đi sông Ngang xã Nga An, huyện Nga Sơn; Hạng mục : Hệ thống nước sinh hoạt
					0,19	DGT	Xã Nga An	

3	Khu dân cư Bái Hồ	2,6922	2,6922	1,34		ONT	Xã Nga Hiệp	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 1, năm 2023 (NQ CMĐ 2,6923 ha) Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 18/8/2022 của HĐND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga Sơn Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 huyện Nga Sơn
				1,35		DGT	Xã Nga Hiệp	
4	Hạ tầng điểm dân cư Cầu Đá xã Nga Giáp, huyện Nga Sơn	1,9200	1,9200		1,25	ONT	Xã Nga Giáp	Nghị quyết 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc nghị quyết thông qua danh mục các công trình (TH 1,92ha) Nghị quyết 547/NQ-HĐND ngày 31/05/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn huyện Thanh Hóa đợt 3, năm 2024 (CMĐ 0,8148ha) Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 29/2/2024 về việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 huyện Nga Sơn; Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 29/02/2024 của HĐND huyện Nga Sơn về chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng khu dân cư Cầu Đá xã Nga Giáp, huyện Nga Sơn; MB QH chi tiết 1/500 được phê duyệt tại QĐ số tỷ lệ 1/500 được UBND huyện Nga Sơn phê duyệt tại Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 27/9/2023
					0,67	DGT	Xã Nga Giáp	
5	Khu dân cư sông Voi	0,7300	0,7300		0,73	ONT	Xã Nga Phú	Nghị quyết 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn huyện Thanh Hóa đợt 5, năm 2024 (TH 0,7266ha) Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 1, năm 2023 (NQ CMĐ 0,7266ha) Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 về việc quyết định chủ trương đầu tư công trình : Khu dân cư sông Voi xã Nga Phú, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa ; Hạng mục: Vía hè, rãnh thoát nước, điện sinh hoạt Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga Sơn Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 huyện Nga Sơn
6	Hạ tầng khu dân cư xã Nga Phương, huyện Nga Sơn (điểm	1,7300	1,7300		0,45	ONT	Xã Nga Phương	Nghị quyết 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc nghị quyết thông qua danh mục các công trình (TH

	dân cư Rọc Chòm, điểm dân cư sau ông Huê)				1,28	ONT	Xã Nga Phụng	1,7274ha) (CMB 1,1422) Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 05/11/2024 của HĐND huyện Nga Sơn về việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga Sơn; Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 05/11/2024 của HĐND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng khu dân cư xã Nga Phụng, huyện Nga Sơn (điểm dân cư Rọc Chòm, điểm dân cư sau ông Huê). MB điều chỉnh QH chi tiết 1/500 được phê duyệt tại QĐ số 801/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 của UBND huyện Nga Sơn Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 18/8/2022 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng khu dân cư nông thôn xã Nga Phụng, huyện Nga Sơn Hạng mục : Đường giao thông, rãnh thoát nước và hệ thống điện chiếu sáng, điện sinh hoạt (điểm dân cư Rọc Tròm, điểm dân cư sau ông Huê)
7	Khu dân cư nông thôn	0,36	0,3600	0,36		ONT	Xã Nga Tân	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Khu dân cư nông thôn xã Nga Tân, huyện Nga Sơn; Hạng mục: Đường giao thông, vỉa hè, cây xanh, hệ thống cấp thoát nước khu dân cư thôn 2,3,4 giai đoạn 2 (Km0 + 471 - Km0 + 930) Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga Sơn Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 huyện Nga Sơn
8	Khu tái định cư dự án đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Tân)	0,8610	0,8610	0,24	0,02	ONT	Xã Nga Tân	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 1, năm 2023; Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 7/11/2022 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư dự án đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Tân)Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 về việc quyết định chủ trương đầu tư công trình: Khu tái định cư dự án đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn(địa phận xã Nga Tân)Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga SơnNghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 huyện Nga Sơn
				0,16		DTL	Xã Nga Tân	
				0,05		DKV	Xã Nga Tân	
				0,39		DGT	Xã Nga Tân	
9	Khu dân cư nông thôn	1,3337	1,3337		0,97	ONT	Xã Nga Thạch	Nghị quyết 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản
					0,36	DGT	Xã Nga	

							Thạch	xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn huyện Thanh Hóa đợt 5, năm 2024 (TH 1,3337ha) Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 1, năm 2023 (NQ CMĐ 1,3337 ha) Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 18/8/2022 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng khu dân cư nông thôn xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn; Hạng mục: Đường giao thông, hệ thống thoát nước, hệ thống nước sạch và điện sinh hoạt Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga Sơn Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 huyện Nga Sơn
10	Khu dân cư kênh B6 đi đường Bến Tín Cầu Vàng	3,3000	3,3000		1,54	ONT	Xã Nga Thành	Nghị quyết 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc nghị quyết thông qua danh mục các công trình (TH 3,2921ha) (CMĐ 2,3488)
					1,76	DGT	Xã Nga Thành	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 29/2/2024 về việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 huyện Nga Sơn; Nghị quyết số 23 ngày 29/2/2024 về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Khu dân cư kênh B6 đi đường Bến Tín Cầu Vàng MB QH chi tiết 1/500 được phê duyệt tại QĐ số 802/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của UBND huyện Nga Sơn
11	Khu dân cư Bắc Hưng Long đi Từ Thức (Nga Trường đi Nga Thiện) MBQH 1960 đất tồn đọng	0,13	0,1300	0,13		ONT	Xã Nga Trường	Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất; Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất
12	Khu tái định cư dự án đường giao thông từ khu Công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Thanh - Khu 1)	2,6260	2,6260		1,04	ONT	Xã Nga Thanh	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 1, năm 2023; Quyết định số 1106 ngày 07/11/2022 về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư dự án đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Thanh - Khu 1) Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 về việc quyết định chủ trương đầu tư công trình: Khu tái định cư dự án đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Thanh - Khu 1) Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà
					1,47	DGT	Xã Nga Thanh	
					0,11	DKV	Xã Nga Thanh	

								nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga Sơn Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 huyện Nga Sơn
13	Khu tái định cư dự án đường giao thông từ Khu Công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Thanh - Khu 2)	0,2120	0,2120		0,11	ONT	Xã Nga Thanh	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 1, năm 2023; Quyết định số 1105 ngày 07/11/2022 về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư dự án đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Thanh - Khu 2)
					0,10	DGT	Xã Nga Thanh	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 về việc quyết định chủ trương đầu tư công trình: Khu tái định cư dự án đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn(địa phận xã Nga Thanh- Khu 2) Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga Sơn Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 huyện Nga Sơn
14	Khu dân cư Mỹ Hưng	6,4751	6,4751		3,25	ONT	Xã Nga Thanh	Nghị quyết 515/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 2, năm 2024 (TH 25,308ha) Nghị quyết 384/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 về việc chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện 11 dự án trên địa bàn thành phố Thanh Hóa và các huyện. Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 1, năm 2023 (Đt thu hồi 0,3054ha)
					0,21	DKV	Xã Nga Thanh	
					3,02	DGT	Xã Nga Thanh	
		4,2964	4,2964	0,07	2,65	ONT	Xã Nga Yên	
					0,10	DKV	Xã Nga Yên	
					1,48	DGT	Xã Nga Yên	
		14,9151	14,9151		5,95	ODT	Thị trấn Nga Sơn	
					0,89	DKV	Thị trấn Nga Sơn	
					5,92	DGT	Thị trấn Nga Sơn	
					0,40	DTT	Thị trấn Nga Sơn	
					0,18	DVH	Thị trấn Nga Sơn	
					0,83	MNC	Thị trấn	

							Nga Sơn	
					0,75	DGD	Thị trấn Nga Sơn	
15	Khu dân cư Bắc nhà Máy nước xã Nga Yên, huyện Nga Sơn	0,5000	0,5000		0,25	ONT	Xã Nga Yên	Nghị quyết 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn huyện Thanh Hóa đợt 5, năm 2024 (TH 0,4555ha) MBQH chi tiết tỷ lệ 1/500 được UBND huyện Nga Sơn phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/02/2024 của HĐND huyện Nga Sơn về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 29/2/2024 về việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 huyện Nga Sơn
					0,25	DGT	Xã Nga Yên	
16	Khu dân cư Đông chùa Đông Cao xã Nga Yên, huyện Nga Sơn	1,2720	1,2720		0,90	ONT	Xã Nga Yên	Nghị quyết 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc nghị quyết thông qua danh mục các công trình (TH 1,2715ha) Nghị quyết 515/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 2, năm 2024 (CMD 1,2716ha) Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 29/2/2024 của HĐND huyện về Điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công, vốn ngân sách nhà nước năm 2024 huyện Nga Sơn, Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 29/2/2024 của HĐND huyện Nga Sơn về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư phía Đông chùa Đông Cao, xã Nga Yên, huyện Nga Sơn. MB QH chi tiết 1/500 được phê duyệt tại QĐ số 95/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của UBND huyện Nga Sơn.
					0,37	DGT	Xã Nga Yên	
17	Khu tái định cư dự án đường giao thông từ khu Công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Yên)	1,5090	1,5090	0,61		ONT	Xã Nga Yên	Nghị quyết số 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và các quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 4, năm 2023 (CMD 1,31LUC ha) Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 1, năm 2023; Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 Về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư dự án đường giao thông từ khu Công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Yên). Văn bản số 2422/UBND-KT&HT ngày 03/10/2022 về việc thỏa thuận Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu TĐC dự án đường giao thông từ KCN Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga
				0,04		DKV	Xã Nga Yên	
				0,86		DGT	Xã Nga Yên	

								Sơn (Địa phận xã Nga Yên) Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 về việc quyết định chủ trương đầu tư công trình: Khu tái định cư dự án đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Sơn(địa phận xã Nga Yên) Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga Sơn Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 huyện Nga Sơn
18	Khu dân cư nông thôn Đông ông Sứ thôn Hải Tiến, xã Nga Hải	1,9300	1,9300		1,27	ONT	Xã Nga Hải	Nghị quyết 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn huyện Thanh Hóa đợt 5, năm 2024 (TH 1,9280ha) Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 18/7/2022 của HĐND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 huyện Nga Sơn Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 18/7/2022 về chủ trương đầu tư dự án : Hạ tầng khu dân cư phía đông nhà ông Sứ thôn Hải Tiến, xã Nga Hải , huyện Nga Sơn ; Hạng mục : Đường giao thông, vỉa hè, rãnh thoát nước, hệ thống ước sạch và điện chiếu sáng Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 18/7/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga Sơn Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 18/7/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 huyện Nga Sơn
					0,66	DGT	Xã Nga Hải	
19	Hạ tầng khu dân cư đông QL10 xã Nga Trung, huyện Nga Sơn	0,7600	0,7600		0,27	ONT	Xã Nga Hiệp	Nghị quyết 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc nghị quyết thông qua danh mục các công trình (TH 0,64ha) Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 29/2/2024 của HĐND huyện Nga Sơn về việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 huyện Nga Sơn MB QH chi tiết 1/500 được phê duyệt tại QĐ số 750/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của UBND huyện Nga Sơn Nghị quyết số 40/NQ- HĐND ngày 18/7/2022 của HĐND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư
					0,09	DTL	Xã Nga Hiệp	
					0,16	DGT	Xã Nga Hiệp	
					0,12	DKV	Xã Nga Hiệp	
20	Xen khu dân cư xã Nga Văn	0,02	0,0150	0,02		ONT	Xã Nga Văn	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2016 của HĐND tỉnh; Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất thực hiện đầu giá quyền sử dụng đất 2017 xã Nga Văn; Thông báo số 119/TB-UBND ngày 23/6/2017 của UBND huyện Nga Sơn về chủ trương lập hồ sơ và thông báo thu hồi đất thực hiện đầu giá quyền sử dụng đất ở năm 2017
21	Khu dân cư xã Nga Văn	0,02	0,0220	0,02		ONT	Xã Nga	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2016 của HĐND tỉnh; Quyết

							Văn	định số 697/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất, thực hiện đầu giá quyền sử dụng đất năm 2018, xã Nga Văn
22	Hạ tầng Khu dân cư mới đường đi động Từ Thức đoạn từ Km0+264,73 đến Km1+051,73m xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn	4,6160	4,5660	0,05	2,68	ONT	Xã Nga Thiện	Nghị quyết 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc nghị quyết thông qua danh mục các công trình (TH 4,566ha) Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 29/2/2024 của HĐND huyện Nga Sơn về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng Khu dân cư mới đường đi động Từ Thức đoạn từ Km0+264,73 đến Km1+051,73m xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn. MB QH chi tiết 1/500 được phê duyệt tại QĐ số 767/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của UBND huyện Nga Sơn. Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 18/8/2022 của HĐND huyện Nga Sơn về quyết định chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 18/8/2022 của HĐND huyện Nga Sơn về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022, huyện Nga Sơn; Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của UBND huyện Nga Sơn về phê duyệt đồ án quy hoạch 1/500; Quyết định số 650/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của UBND huyện Nga Sơn về điều chỉnh cục bộ QHCT xây dựng 1/500
					1,88	DGT	Xã Nga Thiện	
23	Khu dân cư phía Tây đê Ngự hàm 1 xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn	3,6000	3,6000		2,40	ONT	Xã Nga Thủy	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 1, năm 2023 (DT thu hồi 3,6ha) Nghị quyết số 53/NQ-UBND ngày 18/8/2022 của Hội đồng Nhân Dân huyện Nga Sơn về quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 của UBND huyện Nga Sơn về phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 06/3/2023 về chủ trương điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 huyện Nga Sơn Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga Sơn Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 huyện Nga Sơn
					0,09	DKV	Xã Nga Thủy	
					0,29	DTL	Xã Nga Thủy	
					0,83	DGT	Xã Nga Thủy	
I.1.2	Đất ở tại đô thị	24,27	24,27	10,64	13,63			
24	Khu dân cư và hạ tầng kỹ thuật phía đông đường chi nhánh điện (Nga Mỹ cũ), thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn (giai đoạn 3)	5,80	5,80		3,1700	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc nghị quyết thông qua danh mục các công trình (TH 5,797ha) Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 1, năm 2023 (DT CMĐ 5,5ha) MB điều chỉnh QH chi tiết 1/500 được phê duyệt tại QĐ số 659/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 của UBND huyện Nga Sơn Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 18/8/2022 của HDND huyện Nga
					2,6300	DGT	Thị trấn Nga Sơn	

								Son về việc chủ trương đầu tư MB điều chỉnh QH chi tiết 1/500 được phê duyệt tại QĐ số 659/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 của UBND huyện Nga Sơn
25	Khu dân cư phía đông chi nhánh điện (xã Nga Mỹ cũ) (Giai đoạn 2)	3,80	2,90		2,9000	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn huyện Thanh Hóa đợt 5, năm 2024 (TH 3,80ha) Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của HĐND huyện Nga Sơn về điều chỉnh bổ sung Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 PMB QH chi tiết 1/500 được phê duyệt tại QĐ số 55/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND huyện Nga Sơn Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 18/8/2022 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng khu dân cư và hạ tầng kỹ thuật phía Đông đường chi nhánh điện(Nga Mỹ cũ) Thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn; Hạng mục : Đường giao thông, vỉa hè, rãnh thoát nước và hệ thống nước sạch các tuyến số 03,04 (đoạn từ Km0+00 đến Km0+474) và hoàn thiệ các tuyến 07,08,09,10,11
			0,90		0,9000	DGT	Thị trấn Nga Sơn	
26	Hạ tầng khu dân cư và hạ tầng kỹ thuật Tây hành chính (giai đoạn 3) thị trấn Nga Sơn	3,30	3,30		1,0772	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc nghị quyết thông qua danh mục các công trình (TH 3,3ha) Nghị quyết số 334/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận danh mục các công trình dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2023 (CMĐ 3,3ha),Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 18/8/2022 của HDND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga Sơn Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 huyện Nga Sơn
					2,2228	DGT	Thị trấn Nga Sơn	
27	Khu dân cư mới bắc sông Hưng Long, trị trấn Nga Sơn (4 lô tồn đọng)	0,05	0,05	0,05		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Công văn số 227/CP-HĐND ngày 07/6/2016 của thường trực HĐND tỉnh Thanh Hóa ;Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất , thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất năm 2017, đợt 1 khu dân cư mới Bắc sông Hưng Long (Trại Cá tiêu khu 3); Quyết định số 1272/ QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất , thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất năm 2017, đợt 3 khu dân cư mới Bắc sông Hưng Long (Trại Cá tiêu khu 3)
28	Khu dân cư Tây đường Tuấn Phương	2,49	2,49	2,49		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HDND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi (đã giải phóng mặt bằng)
29	Khu dân cư đông đường chi nhánh điện	0,87	0,87	0,87		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HDND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 11/2/2021 của UBND huyện

								Nga Sơn về việc thu hồi đất (đã giải phóng mặt bằng) Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga Sơn Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 huyện Nga Sơn
30	Các khu xen cư Thị Trấn (thuộc MBQH số 1068, ngày 25/11/2021	0,12	0,12	0,12		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số: 562/QĐ - UBND, ngày 22/6/2020 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất, thực hiện dự án khu dân cư phía tây hành chính và khu xen cư, Thị Trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn.
31	Khu dân cư đồng bầu (thuộc mặt bằng Khu dân cư đồng quốc lộ 10)	0,03	0,03	0,03		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 18/1/2021 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi (đã giải phóng mặt bằng) Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga Sơn Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 huyện Nga Sơn
32	Khu dân cư ao ông Dũng thôn 1 (thuộc MBQHCT số 13, ngày 04/8/2014)	0,02	0,02	0,02		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 5/8/2014 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất, thực hiện dự án đầu tư xây dựng đê bao năm 2014 xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn Nay thuộc thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn
33	Khu dân cư ao ông Khải (Thuộc MBQHCT số 17, ngày 10/10/2013)	0,01	0,01	0,01		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 5/8/2014 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất, thực hiện dự án đầu tư xây dựng đê bao năm 2014 xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn Nay thuộc thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn
34	Khu dân cư đường thông tiểu khu 1 (Thuộc MBQHCT số 651, ngày 25/5/2014)	0,01	0,01	0,01		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định thu hồi số 794/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất , thực hiện đầu tư xây dựng khu dân cư, xen cư Đường Thông năm 2017, thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn
35	Khu dân cư tây đường tuần phương (Thuộc MBQHCT số 1217/QĐ - UBND, ngày 29/5/2018)	0,02	0,02	0,02		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định thu hồi số 706/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất, thực hiện đầu tư xây dựng đê bao năm 2018 (Sau đường tuần phương đi ngã năm hạnh) xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn
36	Khu dân cư vườn son xóm 7 và Mã Bịch xóm 7 (MBQHCT số 2796 , ngày 13/8/2019)	0,05	0,05	0,05		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh; Quyết định thu hồi số: 940/QĐ - UBND, ngày 12/9/2019 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất , thực hiện đầu tư xây dựng đê bao năm 2019, xã Nga Hưng, huyện Nga Sơn (nay là Thị Trấn Nga Sơn)
37	Khu dân cư tiểu khu Ba Đình 2	0,02	0,02	0,02		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất
38	Khu dân cư phía tây hành chính huyện	0,05	0,05	0,05		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga Sơn
39	Khu dân cư Đồng Bầu	1,98	1,98	1,98		ODT	Thị trấn	Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 về việc thu hồi đất để

							Nga Sơn	thực hiện dự án: Khu dân cư đồng Bàu và đất giao thông CTKT khu dân cư đồng Bàu xã Nga Mỹ nay là thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga Sơn
40	Khu dân cư đông Quốc lộ 10	2,85	2,85	2,85		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu dân cư đông QL 10 và đất giao thông CTKT khu dân cư đông QL10 xã Nga Mỹ nay là thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá
41	Khu dân cư tiểu khu Ba Đình 1	0,35	0,35	0,35		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định 1405/QĐ-UBND ngày 05/11/2015 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu dân cư tiểu khu Ba Đình 1, thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
42	Các khu xen cư xã Nga Mỹ cũ	1,00	1,00	1,00		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định số 2587 ngày 24/7/2019 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng TL 1/500 các điểm dân cư nông thôn năm 2019 xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 18/8/2022 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng khu dân cư và hạ tầng kỹ thuật phía Đông đường chi nhánh điện(Nga Mỹ cũ) Thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn; Hạng mục : Đường giao thông, vỉa hè, rãnh thoát nước và hệ thống nước sạch các tuyến số 02, 04 (đoạn từ Km00+474 đến Km00+692), 05 và 06
43	Khu dân cư trường trung cấp nghề	0,72	0,72	0,72		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa Về việc thu hồi đất của Trường Trung cấp nghề Nga Sơn tại thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn; giao cho UBND huyện Nga Sơn quản lý theo quy định của pháp luật (Đã hoàn thành GPMB)
44	Khu dân cư trung tâm GDTX	0,73	0,73		0,7300	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 28/06/2022 của UBND huyện Nga Sơn về việc đính chính số liệu, bổ sung thông tin Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của UBND huyện Nga Sơn về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của UBND huyện Nga Sơn về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư trung tâm giáo dục thường xuyên
I.1.3	Đất trụ sở cơ quan	0,83	0,83	0,83				
45	Trụ sở viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn	0,30	0,30	0,30		TSC	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Trụ sở viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
46	Mở rộng công sở thị trấn Nga Sơn	0,53	0,53	0,53		TSC	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định 1434/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất, thực hiện dự án mở rộng công sở thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn
I.1.4	Đất an ninh	3,80	3,80	2,12	1,68			

47	Trụ sở công an huyện	2,00	2,00	2,00		CAN	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định số 7166/QĐ-BCA-H02 ngày 14/8/2020 của Bộ công an phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng, nâng cấp cơ sở làm việc Công an huyện Nga Sơn, Quan Hóa thuộc công an tỉnh Thanh Hóa. Quyết định 759/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 quyết định về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Trụ sở công an huyện Nga Sơn.
48	Trụ sở công an thị trấn	0,12	0,12	0,12		CAN	Thị trấn Nga Sơn	Văn bản số 3100/CAT-PH10 ngày 02/10/2023 của Công an tỉnh Thanh Hóa về việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024; lập danh mục các dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đất đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trình HĐND tỉnh Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
49	Trụ sở công an xã Nga Phụng	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Nga Phụng	Văn bản số 3100/CAT-PH10 ngày 02/10/2023 của Công an tỉnh Thanh Hóa về việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024; lập danh mục các dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đất đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trình HĐND tỉnh Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
50	Trụ sở công an xã Nga Tân	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Nga Tân	Văn bản số 3100/CAT-PH10 ngày 02/10/2023 của Công an tỉnh Thanh Hóa về việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024; lập danh mục các dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đất đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trình HĐND tỉnh Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
51	Trụ sở công an xã Nga Tiến	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Nga Tiến	Văn bản số 3100/CAT-PH10 ngày 02/10/2023 của Công an tỉnh Thanh Hóa về việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024; lập danh mục các dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đất đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trình HĐND tỉnh Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
52	Trụ sở công an xã Nga Điền	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Nga Điền	Văn bản số 3100/CAT-PH10 ngày 02/10/2023 của Công an tỉnh Thanh Hóa về việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024; lập danh mục các dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đất đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trình HĐND tỉnh Nghị quyết 559/NQ-HĐND ngày 30/07/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về Chủ trương đầu tư Dự án xây dựng 68 Trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa năm 2024 (2024-2025) Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
53	Trụ sở công an xã Nga Phú	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Nga Phú	Văn bản số 3100/CAT-PH10 ngày 02/10/2023 của Công an tỉnh Thanh Hóa về việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024; lập danh mục các dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đất đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng

								đặc dụng trình HĐND tỉnh Nghị quyết 559/NQ-HĐND ngày 30/07/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về Chủ trương đầu tư Dự án xây dựng 68 Trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa năm 2024 (2024-2025) Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
54	Trụ sở công an xã Nga Thái	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Nga Thái	Văn bản số 3100/CAT-PH10 ngày 02/10/2023 của Công an tỉnh Thanh Hóa về việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024; lập danh mục các dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đất đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trình HĐND tỉnh Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
55	Trụ sở công an xã Nga Liên	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Nga Liên	Văn bản số 3100/CAT-PH10 ngày 02/10/2023 của Công an tỉnh Thanh Hóa về việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024; lập danh mục các dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đất đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trình HĐND tỉnh Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
56	Trụ sở công an xã Nga An	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Nga An	Văn bản số 3100/CAT-PH10 ngày 02/10/2023 của Công an tỉnh Thanh Hóa về việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024; lập danh mục các dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đất đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trình HĐND tỉnh Nghị quyết 559/NQ-HĐND ngày 30/07/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về Chủ trương đầu tư Dự án xây dựng 68 Trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa năm 2024 (2024-2025)
57	Trụ sở công an xã Nga Yên	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Nga Yên	Văn bản số 3100/CAT-PH10 ngày 02/10/2023 của Công an tỉnh Thanh Hóa về việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024; lập danh mục các dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đất đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trình HĐND tỉnh Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
58	Trụ sở công an xã Nga Vĩnh	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Nga Vĩnh	Công văn số 216/CAT-PH10 ngày 19/1/2024 của công an tỉnh Thanh Hóa về việc đề nghị cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đối với các vị trí quy hoạch trụ sở làm việc công an xã thị trấn Nghị quyết 559/NQ-HĐND ngày 30/07/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về Chủ trương đầu tư Dự án xây dựng 68 Trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa năm 2024 (2024-2025) Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
59	Trụ sở công an xã Nga Thắng	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Nga Thắng	Công văn số 216/CAT-PH10 ngày 19/1/2024 của công an tỉnh Thanh Hóa về việc đề nghị cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đối với

								các vị trí quy hoạch trụ sở làm việc công an xã thị trấn Nghị quyết 559/NQ-HĐND ngày 30/07/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về Chủ trương đầu tư Dự án xây dựng 68 Trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa năm 2024 (2024-2025) Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
60	Trụ sở công an xã Nga Trường	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Nga Trường	Công văn số 216/CAT-PH10 ngày 19/1/2024 của công an tỉnh Thanh Hóa về việc đề nghị cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đối với các vị trí quy hoạch trụ sở làm việc công an xã thị trấn Nghị quyết 559/NQ-HĐND ngày 30/07/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về Chủ trương đầu tư Dự án xây dựng 68 Trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa năm 2024 (2024-2025) Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
61	Trụ sở công an xã Nga Thiện	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Nga Thiện	Công văn số 216/CAT-PH10 ngày 19/1/2024 của công an tỉnh Thanh Hóa về việc đề nghị cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đối với các vị trí quy hoạch trụ sở làm việc công an xã thị trấn Nghị quyết 559/NQ-HĐND ngày 30/07/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về Chủ trương đầu tư Dự án xây dựng 68 Trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa năm 2024 (2024-2025) Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
62	Trụ sở công an xã Nga Hiệp (xã Nga Bạch cũ)	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Nga Hiệp	Công văn số 216/CAT-PH10 ngày 19/1/2024 của công an tỉnh Thanh Hóa về việc đề nghị cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đối với các vị trí quy hoạch trụ sở làm việc công an xã thị trấn Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
I.1.6	Đất cơ sở y tế	0,98	0,98					
64	Mở rộng bệnh viện đa khoa	0,98	0,98			DYT	Xã Nga Yên	Quyết định 1329/QĐ-UBND của UBND huyện Nga Sơn Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Mở rộng bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn, thuộc địa phận xã Nga Yên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2797/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v phê duyệt đầu tư xây dựng công trình đầu tư xây dựng, Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
I.1.7	Đất cơ sở giáo dục đào tạo	0,72	0,72	0,09	0,63			
65	Trường mầm non Nga Vịnh	0,63	0,63		0,63	DGD	Xã Nga Vịnh	Nghị quyết 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 4, năm 2023 (DT CMĐ 0,2491 LUC) Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023

								Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 huyện Nga Sơn
66	Mở rộng trường mầm non thị trấn 2	0,09	0,09	0,09		DGD	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất, thực hiện dự án mở rộng trường mầm non tại xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn
I.1.8	Đất thể dục thể thao	1,50	1,50	1,50				
67	Sân thể thao xã Nga Yên	1,50	1,50	1,50		DTT	Xã Nga Yên	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá Nghị quyết 285/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và quyết định chủ trương chuyển mục đích đất rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 3 năm 2022 (CMĐ) Nghị quyết 241/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 1, năm 2022
I.1.9	Đất cụm công nghiệp	47,82	47,82	47,82				
68	Cụm công nghiệp Tam Linh	35,4000	35,4000	16,29		SKN	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn huyện Thanh Hóa đợt 5, năm 2024 (CMĐ 4,7675ha) Nghị quyết 412/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ đợt 2, năm 2023; Quyết định 128/QĐ-UBND ngày 7/3/2023 của UBND huyện Nga Sơn về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Tam Linh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
				19,11		SKN	Xã Nga Văn	
69	Cụm công nghiệp Tư Sy	4,31	4,3050	4,31		SKN	Xã Nga Hiệp	Nghị quyết 384/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 về việc chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện 11 dự án trên địa bàn thành phố Thanh Hóa và các huyện. Quyết định 376/QĐ-UBND ngày 29/06/2023 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Cụm Công Nghiệp Tư Sy tại xã Nga Bạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 1); Quyết định 413/QĐ-UBND ngày 19/07/2023 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Cụm Công Nghiệp Tư Sy tại xã Nga Bạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2)
		0,07	0,0700	0,07		SKN	Xã Nga Phụng	
		8,04	8,0430	8,04		SKN	Xã Nga Thạch	
I.1.11	Đất giao thông	59,03	59,03	28,52	30,51			
72	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Ninh Bình (giai đoạn II)	1,32	1,32		1,32	DGT	Xã Nga Tiến	Nghị quyết 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 4, năm 2023 (DT thu hồi 1,3163ha) Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh Ninh

								Bình về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2023 vốn ngân sách Trung Ương; Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt dự án đầu tư; Nghị quyết số 63/NQ-UBND ngày 29/7/2021 của HĐND tỉnh Ninh Bình về chủ trương đầu tư dự án
73	Đường cứu hộ, cứu nạn đê hữu sông Hoạt, xã Nga Thắng	3,51	3,51	3,11	0,40	DGT	Xã Nga Thắng	Nghị quyết 515/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 2, năm 2024 (CMĐ 3,51ha) Nghị quyết 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 4, năm 2023 (DT thu hồi 2,01ha)
74	Đường giao thông từ khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa	2,33	2,33	2,33		DGT	Xã Ba Đình	Nghị quyết 323/NQ-HĐND ngày 19/11/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện Dự án đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đoạn đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa tại huyện Nga Sơn (CMĐ lúa 22,10ha) Quyết Định số 116/QĐ-UBND ngày 27/2/2023 của HĐND về việc thu hồi để thực hiện dự án : Đường giao thông từ khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn -Hoằng Hóa thuộc địa phận xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, Tỉnh Thanh Hóa(giai đoạn 2); Quyết Định số 170/QĐ-UBND ngày 19/3/2023 của HĐND về việc thu hồi để thực hiện dự án : Đường giao thông từ khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn -Hoằng Hóa thuộc địa phận xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, Tỉnh Thanh Hóa(giai đoạn 3)
		3,21	3,21	3,21		DGT	Xã Nga Thủy	
		2,75	2,75		2,75	DGT	Xã Nga Tân	
		3,88	3,88		3,88	DGT	Xã Nga Thanh	
		5,21	5,21	4,71	0,50	DGT	Xã Nga Trường	
		2,07	2,07		2,07	DGT	Xã Nga Văn	
		6,87	6,87		6,87	DGT	Xã Nga Vịnh	
		10,24	10,24		10,24	DGT	Xã Nga Yên	
75	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 524, huyện Nga Sơn	13,86	13,86	11,61	2,25	DGT	Các Xã: Nga Phượng, Nga Hiệp, Nga Thủy, Nga Thanh, Nga Liên	Nghị quyết 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 4, năm 2023 (DT CMĐ 0,6792 LUC) Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 về phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 524, huyện Nga Sơn; Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 về việc điều chỉnh vốn ngân sách trung ương năm 2022 của các dự án (đợt 2)Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư dự án,
76	Mở rộng quốc lộ 10B đoạn qua xã Nga Yên	3,76	3,76	3,52	0,24	DGT	Xã Nga Yên	Nghị quyết 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 4, năm 2023 (DT

								CMD 0,0252 LUC)
77	Thu hồi 3 lô đất ở để đầu tư hạ tầng thực hiện dự án khu dân cư Đồng Bàu thuộc mặt bằng QHCT Điểm dân cư phía Đông Quốc lộ 10	0,03	0,03	0,03		DGT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 18/1/2021 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất; Quyết định 698/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND huyện Nga Sơn về việc phê duyệt cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng TL1/500 điểm dân cư phía Đông QL10 xã Nga Mỹ (nay là thị trấn Nga Sơn), huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá
I.1.12	Đất thủy lợi	9,42	9,42	4,32	5,10			
78	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoạt đoạn từ K27+700 đến K43+100, huyện Nga Sơn	9,42	9,42	4,32	5,10	DTL	Xã Nga Thắng, Ba Đình, Xã Nga Vĩnh, Xã Nga Trường, Xã Nga Thiện	Nghị quyết 515/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 2, năm 2024 (TH 3,5555ha) Nghị quyết 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 4, năm 2023 (DT CMD 0,0927ha) Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND huyện Nga Sơn về điều chỉnh bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2023; Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án,
I.1.13	Dự án công trình có di tích lịch sử - văn hóa	1,65	1,65		1,65			
79	Xây dựng đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình	1,65	1,6538		1,6538	DDD	Xã Ba Đình	Nghị quyết 547/NQ-HĐND ngày 31/05/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn huyện Thanh Hóa đợt 3, năm 2024 (CMD 0,0756ha)Nghị quyết số 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 4, năm 2023 (DT thu hồi 1,6538ha)Quyết định 399/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư dự án; Quyết định 2319/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt dự án đầu tư; Quyết định 4662/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh về giao kế hoạch chi tiết vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước
I.1.14	Đất công trình năng lượng	7,86	7,86	7,86				
80	Đường dây 500 kV Nam Định 1 - Thanh Hoá	7,86	7,8600	7,8600		DNL	Xã Nga Điền, xã Nga Phú, xã Nga An, xã Nga Giáp, xã Nga Thiện, xã	Văn bản số 9023/STNMT-CSĐĐ ngày 28/9/2023 của Sở tài nguyên và môi trường về việc điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất năng lượng trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện phục vụ thực hiện 2 dự án: Đường dây 500kV Quỳnh Lưu - Thanh Hóa, Đường dây 500kV Nam Định 1 - Thanh Hóa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa Văn bản số 613/NPMB-ĐB ngày 18/1/2024 của tổng công ty truyền tải điện quốc gia ban quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất bổ sung, cập nhật vào KHSĐĐ năm 2024

							Nga Trường, xã Nga Văn, xã Ba Đình, xã Nga Thắng	của huyện Nga Sơn để thực hiện Dự án ĐZ 500 kV NMNĐ Nam Định 1 – Thanh Hóa (phân hành lang an toàn qua địa phận huyện Nga Sơn, Thanh Hoá).
I.1.15	Đất tôn giáo	2,29	2,29	2,29				
81	Mở rộng giáo xứ Tam Linh	0,3000	0,3000	0,3000		TON	Xã Nga Thắng	Nghị quyết 558/NQ-HĐND ngày 10/07/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn huyện Thanh Hóa đợt 4, năm 2024 (CMD 0,05ha) Nghị quyết 285/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và quyết định chủ trương chuyển mục đích đất rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 3 năm 2022 Nghị quyết 412/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HDND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ đợt 2, năm 2023 Quyết định 307/QĐ-UBND ngày 02/04/2024 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng Giáo xứ Tam Linh
82	Mở rộng nhà thờ Giáo xứ Vĩnh Thiện	0,7100	0,7100	0,7100		TON	Xã Nga Liên	Nghị quyết 285/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và quyết định chủ trương chuyển mục đích đất rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 3 năm 2022
83	Mở rộng nhà thờ Phúc Lạc	0,2400	0,2400	0,2400		TON	Xã Nga Liên	Công văn số 7388/UBND-NN ngày 09/6/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa
84	Nhà thờ Chính Giáo (Giáo xứ Tân Hải)	0,1358	0,1358	0,1358		TON	Xã Nga Phú	Nghị quyết 241/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 1, năm 2022
85	Nhà thờ Nhật Hải - Tiến Giáo	0,2500	0,2500	0,2500		TON	Xã Nga Thanh	Văn bản 13888/UBND-NN ngày 6/10/2020 về việc chấp thuận địa điểm cho giáo xứ Tam Tổng được đầu tư xây dựng nhà thờ giáo họ Nhật Hải và Tiến Giáo
I.2	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất							
I.2.1	Đất thương mại dịch vụ	5,40	5,40		5,40			
87	Đất thương mại dịch vụ	0,15	0,15		0,15	TMD	Xã Nga An	

88	Đất thương mại dịch vụ	2,00	2,00		2,00	TMD	Xã Nga Thắng	
89	Đất thương mại dịch vụ	0,29	0,29		0,29	TMD	Xã Nga Liên	
90	Đất thương mại dịch vụ	0,83	0,83		0,83	TMD	Xã Nga Hải	
91	Đất thương mại dịch vụ	1,63	1,63		1,63	TMD	Xã Nga Phú	
92	Đất thương mại dịch vụ	0,50	0,50		0,50	TMD	Xã Nga Yên	
1.2.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	48,88	48,88	12,27	36,61			
93	Khu sản xuất kinh doanh (Đồng đường chùa)	1,91	1,91		1,91	SKC	Xã Nga An	
94	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	2,00	2,00		2,00	SKC	Xã Nga An	
95	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,28	1,28		1,28	SKC	Xã Nga An	
96	Xưởng sản xuất, chế biến gỗ ghép thanh và các sản phẩm tận thu từ gỗ	2,00	2,00		2,00	SKC	Xã Nga An, Xã Nga Giáp	Quyết định 658/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2022 Về việc chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Thương mại - Xây dựng Tuấn Trường Phát nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp tại xã Nga An, huyện Nga Sơn
97	Nhà máy sản xuất gạch bi	0,25	0,25		0,25	SKC	Xã Nga An	
98	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (Our door)	10,35	10,35	10,35		SKC	Xã Nga Trường	Nghị quyết 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 4, năm 2023 (DT CMD 8,8963ha)
99	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	1,13	1,13		1,13	SKC	Xã Nga Trường	
100	Dự án in ấn, quảng cáo đồ gỗ nội thất giấy da may mặc	1,60	1,60		1,60	SKC	Xã Nga Yên	
101	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,00	1,00		1,00	SKC	Xã Nga Yên	Quyết định số 3441/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc chấp thuận cho công ty cổ phần xây dựng Phú Thanh nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp tại xã Nga Yên, huyện Nga Sơn
102	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,30	1,30		1,30	SKC	Xã Nga Giáp, Xã Nga Thành	
103	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	0,10	0,10		0,10	SKC	Xã Nga Liên	
104	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	1,30	1,30		1,30	SKC	Xã Nga Thanh	

105	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	4,48	4,48		4,48	SKC	Xã Nga Thanh	
106	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	2,00	2,00		2,00	SKC	Xã Nga Thanh	
107	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	3,03	3,03		3,03	SKC	Xã Nga Thạch	Quyết định 522/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2022 Về việc chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Thương mại - Xây dựng Tuấn Trường Phát nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp tại xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn
108	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	8,50	8,50		8,50	SKC	Xã Nga Thạch	
109	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	1,00	1,00		1,00	SKC	Xã Nga Tiến	
110	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	3,00	3,00		3,00	SKC	Xã Nga Trường	
111	Khu đất thu hồi của Công ty TNHH xuất nhập khẩu may mặc 68 Toàn Cầu tại xã Nga Phụng, huyện Nga Sơn	1,92	1,92	1,92		SKC	Xã Nga Phụng	Quyết định thu hồi đất số 964/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh Thanh Hoá
112	Xưởng sản xuất cói xuất khẩu	0,73	0,73		0,73	SKC	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định 5432/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương dự án
II	Các công trình, dự án đầu tư quyền sử dụng đất, giao đất hoặc cho thuê quyền sử dụng đất	5,05	5,05	5,00	0,05			
113	Điểm dân cư sau Hiền thôn Bạch Hùng (lô 65, 66, 67)	0,04	0,0401	0,04		ONT	Xã Nga Hiệp	Nghị quyết 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất, thực hiện đầu tư xây dựng điểm dân cư năm 2019 (thu hồi 1.52562ha)
114	Khu dân cư đồng Cán Cờ thôn Đồng Thái	0,03	0,0300	0,03		ONT	Xã Nga Hiệp	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất, thực hiện dự án khu dân cư nông thôn xã Nga Bạch (thu hồi 0.99894ha)
115	Đất ở khu dân cư nông thôn (đất tồn đọng)	0,04	0,0400	0,04		ONT	Xã Nga Giáp	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất; Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất
116	Khu dân cư Rọc Gai trong thôn 1	0,08	0,0810	0,08		ONT	Xã Nga Phụng	Quyết định số 3486/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của UBND huyện Nga Sơn về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết 1/500
117	Khu dân cư nông thôn đợt 2 năm 2015 xã Nga Lĩnh	0,03	0,0340	0,03		ONT	Xã Nga Phụng	Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án: Khu dân cư nông thôn xã Nga Phụng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
118	Các điểm dân cư nông thôn xã Nga Lĩnh năm 2018	0,03	0,0340	0,03		ONT	Xã Nga Phụng	Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất, thực hiện đầu tư xây dựng điểm dân cư năm 2018, xã Nga Lĩnh, huyện Nga Sơn Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 28/06/2015 của UBND huyện

								Nga Sơn về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết 1/500
119	Khu Dân cư Nga Thạch MBQHCT số 09/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 (Đồng ông Ất)	0,15	0,1500	0,15		ONT	Xã Nga Thạch	Nghị quyết 85/NQ-HĐND ngày 4/7/2014 của HĐND tỉnh; Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất , thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất năm 2015, xã Nga Thạch
120	Khu Dân cư xã Nga Thạch MBQHCT số 1810/QĐ-UBND ngày 05/7/2018 (MBQH Điểm số 3)	0,03	0,0300	0,03		ONT	Xã Nga Thạch	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh; Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND huyện Nga Sơn về thu hồi đất , thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất ở đợt 1 năm 2018, xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn (thu hồi 1.81769ha)
121	Khu Dân cư xã Nga Thạch MBQHCT số 1024/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 (Điểm 02: khu dân cư cồn thân 4 thôn Hậu Trạch)	0,04	0,0400	0,04		ONT	Xã Nga Thạch	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND huyện Nga Sơn về thu hồi đất thực hiện dự án Khu dân cư nông thôn (0.8697ha)
122	Khu dân cư Bắc Hưng Long đi Từ Thức, (Nga Trường đi Nga Văn)	0,04	0,0400	0,04		ONT	Xã Nga Trường	Nghị Quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018/NQ-HĐND ; Quyết định số 1960/QĐ-UBND ngày 11/24/2021 của UBND huyện Nga Sơn (đã hoàn thành giải phóng mặt bằng) Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga Sơn Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 huyện Nga Sơn Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 18/7/2022 về việc chủ trương đầu tư dự án : Hạ tầng khu dân cư đường Bắc Hưng Long đi Từ Thức, (Nga Trường đi Nga Văn) xã Nga Trường, huyện Nga Sơn(giai đoạn 2) ; Hạng mục : Đường giao thông, hệ thống thoát nước, điện sinh hoạt đoạn từ cống sùng đi đường từ khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển và xây dựng đường dây 35kv, cấp nước sinh hoạt toàn tuyến Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 18/7/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga Sơn Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 18/7/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 huyện Nga Sơn
123	Khu dân cư tân tiến MBQH 1961 (28/6/2018) đất tồn đọng	0,04	0,0401	0,04		ONT	Xã Nga Trường	Quyết định 795/QĐ-UBND huyện Nga Sơn ngày 10/8/2018 về việc thu hồi đất, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất năm 2018, xã Nga Trường, huyện Nga Sơn
124	Khu dân cư Tây đồng xóm 7b MBQH 1961 (28/6/2018) đất tồn đọng	0,03	0,0300	0,03		ONT	Xã Nga Trường	Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất
125	Khu dân cư nông thôn (Kênh Ngang Nam thôn 1 Lô)	0,02	0,0200	0,02		ONT	Xã Nga Thanh	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 941/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất thực hiện dự án Khu dân cư nông thôn xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn tỉnh Thanh Hóa Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga Sơn

126	Khu dân cư 2 bên tuyến đường Từ Thức kéo dài (đoạn qua xã Nga Yên) (4 lô 8, 10, 47, 48)	0,07	0,0700	0,07		ONT	Xã Nga Yên	Nghị Quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi , thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất đợt 1 khu dân cư 2 bên tuyến đường động Từ Thức kéo dài (đoạn qua xã Nga Yên) tại mặt bằng số 1496/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 xã Nga Yên, huyện Nga Sơn
127	Khu dân cư Bắc làng nghề	0,02	0,0200	0,02		ONT	Xã Nga Yên	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh ; Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện Nga Sơn về việc điều chỉnh quyết định số 1353/QĐ -UBND huyện Nga Sơn ngày 26/12/2018 tại mặt bằng số 4548/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 xã Nga Yên, huyện Nga Sơn
128	Khu dân cư đường Từ Thức kéo dài (khu dân cư phía đông trạm y tế)	0,05	0,05	0,05		ONT	Xã Nga Yên	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND huyện Nga Sơn về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 (thu hồi đất, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất ở năm 2018 xã Nga Yên) của UBND huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
129	Khu dân cư đường từ thức kéo dài (phần đã thu hồi)	0,15	0,1500	0,15		ONT	Xã Nga Hải	Nghị Quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018/NQ-HĐND; Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND huyện Nga Sơn về thu hồi đất (đã giải phóng mặt bằng) của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất (đã giải phóng mặt bằng); Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga Sơn Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 huyện Nga Sơn
130	Điểm dân cư nông thôn xã Nga Hải năm 2020 (điểm dân cư Công Đàn giữa thôn Hải Tiến)	0,03	0,0300	0,03		ONT	Xã Nga Hải	Nghị quyết số 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất thực hiện dự án khu dân cư nông thôn xã Nga Hải, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
131	Điểm dân cư nông thôn năm 2017 xã Nga Hải (điểm số 1: đường quốc lộ 10, khu đất chéo Mã Bò xóm Hải Bình)	0,04	0,0400	0,04		ONT	Xã Nga Hải	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 của HĐND tỉnh ; Nghị Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất (thu hồi 1.2505ha)
132	Khu dân cư nông thôn (Nga Trung)	0,1202	0,1202	0,10		ONT	Xã Nga Hiệp	Nghị quyết 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng đất rừng trên địa bàn tỉnh đợt 4, năm 2023 (CMĐ 4,0822 ha) Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh; Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất, Quyết định 1516/QĐ- UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Nga sơn về việc thu hồi đất
				0,02		DGT	Xã Nga Hiệp	
133	Khu dân cư đông quốc lộ 10	3,9620	3,9620	2,03		ONT	Xã Nga Hiệp	Nghị quyết 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng đất rừng trên địa bàn tỉnh đợt 4, năm 2023 (CMĐ
				1,88	0,05	DGT	Xã Nga Hiệp	

							4,0822 ha); Nghị Quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh ; Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND huyện Nga Sơn; Nghị quyết số 40/NQ- HĐND ngày 18/7/2022 của HĐND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 huyện Nga Sơn Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 18/7/2022 về chủ trương đầu tư dự án : Hạ tầng khu dân cư phía đông quốc lộ 10 xã Nga Trung, huyện Nga Sơn ; Hạng mục : Hạ tầng kỹ thuật điện(phần di chuyển đường dây 22kv) , cấp nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 18/7/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 huyện Nga Sơn Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 18/7/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 huyện Nga Sơn Quyết định 2245/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu giá QSD đất khu dân cư đông Quốc lộ 10 và đất giao thông Đông Quốc lộ 10 (xã Nga Trung), huyện Nga Sơn
134	Khu dân cư (tây nhà máy may WINNERS VINA)	0,8	0,8	0,8		ONT	Xã Nga Văn Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh; Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi, thực hiện đầu giá quyền sử dụng đất khu đất K1; K2; K3; K12, (Tây nhà máy may WINNERS VINA) tại mặt bằng số 195/QĐ-UBND ngày 24/1/2018 xã Nga Văn (thu hồi 2.471ha); Quyết định số 1163/QĐ-UBND Nga Sơn 07/12/2018 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi, thực hiện đầu giá quyền sử dụng đất đợt 2 khu đất (Tây nhà máy may WINNERS VINA) tại mặt bằng số 195/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 xã Nga Văn, huyện Nga Sơn

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

Trên cơ sở xác định nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn huyện Nga Sơn, xác định các hạng mục công trình dự án, nhu cầu sử dụng đất của huyện được đề xuất sử dụng đất trong năm 2025, các công trình, dự án đăng ký mới trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 bao gồm 21 công trình, dự án, Chi tiết như sau:

Bảng 09. Danh mục công trình, dự án đăng ký mới năm 2025

STT	Hạng mục	Tổng	Diện tích	Diện	Tăng thêm	Địa điểm	Căn cứ pháp lý
-----	----------	------	-----------	------	-----------	----------	----------------

		diện tích dự án (ha)	thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	tích hiện trạng (ha)	Diện tích (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất	(đến cấp xã)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)
II	Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai	49,70	49,70	0,62	49,08			
II.1	Đất ở nông thôn	37,06	37,06	0,37	36,69			
1	Khu dân cư nông thôn xã Ba Đình (đất tồn đọng)	0,0400	0,0400	0,04		ONT	Xã Ba Đình	Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất
2	Khu dân cư nông thôn xã Nga Phú (đất tồn đọng)	0,1100	0,1100	0,11		ONT	Xã Nga Phú	Quyết định 745/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất
3	Khu dân cư Kỳ Tại	0,20	0,2000	0,20		ONT	Xã Nga Liên	Quyết định 1051/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 về việc thu hồi đất thực hiện dự án khu dân cư Đông đường Kỳ Tại tại mặt bằng số 2672/QĐ-UBND ngày 1/10/2018; Quyết định 940/QĐ-UBND ngày 1/10/2018 về việc thu hồi đất thực hiện dự án khu dân cư Đông đường Kỳ Tại tại mặt bằng số 2672/QĐ-UBND ngày 1/10/2018
4	Khu dân cư Chợ Sy	5,1200	5,1200		2,80	ONT	Xã Nga Phương	Nghị quyết 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc nghị quyết thông qua danh mục các công trình (TH 5,1163ha)(CMĐ 3,3168)
					2,16	DGT	Xã Nga Phương	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 14/10/2024 của HĐND huyện Nga Sơn về việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 huyện Nga Sơn;
				0,16		DKV	Xã Nga Phương	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 14/10/2024 của HĐND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư Chợ Sy, xã Nga Phương, huyện Nga Sơn. MB điều chỉnh QH chi tiết 1/500 được phê duyệt tại QĐ số 801/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 của UBND huyện Nga Sơn
5	Giao đất cho nhân dân làm nhà ở	0,02	0,0200	0,02		ONT	Xã Nga Hiệp	Quyết định 10/QĐ-UBND ngày 16/01/2012 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất, giao sử dụng vào mục đích làm nhà ở nhân dân năm 2011 xã Nga Trung
6	Khu dân cư và dịch vụ thương mại, công cộng Đô thị Bắc Hưng Long thị trấn Nga Sơn và xã Nga Yên (giai đoạn 1)	6,44	6,44		6,4400	ODT+ONT	Thị trấn Nga Sơn, xã Nga Yên	Nghị quyết 547/NQ-HĐND ngày 31/05/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn huyện Thanh Hóa đợt 3, năm 2024 (TH 6,44ha)Nghị quyết 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn huyện Thanh Hóa đợt 5, năm 2024 (CMĐ 0,04ha)Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 29/02/2024 của HĐND huyện Nga Sơn về quyết định chủ

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
								trương đầu tư dự án: Hạ tầng Khu dân cư và dịch vụ thương mại, công cộng Đô thị Bắc Hưng Long thị trấn Nga Sơn và xã Nga Yên, huyện Nga Sơn (giai đoạn 1) (2024-2026)
II.2	Công trình, dự án mục đích an ninh	0,96	0,96		0,96			
7	Trụ sở công an xã Nga Thanh	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Nga Thanh	Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
8	Trụ sở công an xã Nga Thủy	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Nga Thủy	Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
9	Trụ sở công an xã Nga Thành	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Nga Thành	Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
10	Trụ sở công an xã Nga Giáp	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Nga Giáp	Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
11	Trụ sở công an xã Nga Hải	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Nga Hải	Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
12	Trụ sở công an xã Nga Thạch	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Nga Thạch	Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
13	Trụ sở công an xã Nga Văn	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Nga Văn	Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
14	Trụ sở công an xã Ba Đình	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Ba Đình	Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về cập nhập Kế hoạch sử dụng đất an ninh 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hóa
II.4	Đất giao thông	4,59	4,59		4,59			
16	Cải tạo, nâng cấp đường Nga Phương - Nga Thiện - Nga An, huyện Nga Sơn đoạn từ K8+180 đến K10+180	1,00	1,00		1,00	DGT	Xã Nga Thiện, xã Nga Giáp	Nghị quyết 515/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 2, năm 2024 (TH 1ha)
17	Đường giao thông từ đường tỉnh 527B đi đường tỉnh 527, huyện Nga Sơn	3,59	3,59		3,59	DGT	Xã Nga Trường	Nghị quyết 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc nghị quyết thông qua danh mục các công trình (TH 3,5877ha) (CMĐ 2,7263) Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 14/10/2024 của HĐND huyện Nga Sơn về việc quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đường giao thông từ đường tỉnh 527B đi đường tỉnh 527, huyện Nga Sơn

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
II.5	Đất thủy lợi	1,96	1,96		1,96			
18	Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ vùng Bắc Thanh Hóa	1,96	1,96		1,96	DTL	Xã Ba Đình, xã Nga Hải, xã Nga Thanh, xã Nga Văn, xã Nga Yên	Nghị quyết 515/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 2, năm 2024 (TH)
II.6	Đất năng lượng	0,45	0,45		0,45			
19	Đường dây và TBA 110 kV Hậu Lộc 2	0,45	0,4500		0,4500	DNL	Xã Nga Trường, xã Nga Văn, xã Nga Thắng, xã Nga Phụng	Nghị quyết 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc nghị quyết thông qua danh mục các công trình (CMD 0,3769ha) Nghị quyết 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn huyện Thanh Hóa đợt 5, năm 2024 (TH 0,4475ha) Quyết định số 3008/QĐ-UBND ngày 18/07/2024 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án đường dây và trạm biến áp 110kV Hậu Lộc 2 tại huyện Nga Sơn, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
II.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	3,00	3,00		3,00			
20	Bãi đổ thải dự án Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ vùng Bắc Thanh Hóa	3,00	3,00		3,00	DRA	Xã Nga Tân	Nghị quyết 515/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 2, năm 2024 (TH 3ha)
II.8	Đất tôn giáo	0,7800	0,7800	0,2500	0,5300			
21	Mở rộng, tôn tạo di tích chùa Kim Quy, thị trấn Nga Sơn	0,5300	0,5300		0,5300	TON	Thị trấn Nga Sơn	Văn bản 10065/UBND-THKH ngày 15/7/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc đầu tư mở rộng, tôn tạo di tích chùa Kim Quy, thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Hiện nay, điều chỉnh sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt tại Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa, Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 20/10/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện đã được phân bổ tại quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh, do vậy Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Nga Sơn so sánh với chỉ tiêu Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện, cụ thể:

Bảng 10: Cân đối chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 và so sánh với chỉ tiêu Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nga Sơn

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đầu kỳ năm 2024	Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030(ha)	Diện tích cuối kỳ năm 2025 (ha)	So sánh (ha)
	TỔNG DTTN (1+2+3)		15.779,97	15.779,97	15.779,97	
1	Đất nông nghiệp	NNP	9.149,20	8.483,04	9.006,25	523,21
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.846,76	3.818,88	4.766,05	947,17
1.2	Đất chuyên trồng lúa	LUC	3.906,57	3.618,88	3.842,72	223,84
1.3	Đất trồng lúa còn lại	LUK	940,19	200,00	923,33	723,33
1.4	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	1.638,91	1.841,82	1.586,85	-254,97
1.5	Đất trồng cây lâu năm	CLN	322,78	314,13	322,50	8,37
1.6	Đất rừng phòng hộ	RPH	333,74	315,31	333,74	18,43
1.7	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.8	Đất rừng sản xuất	RSX	136,53	136,53	136,53	
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>				
1.9	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	943,58	822,44	937,19	114,75
1.10	Đất chăn nuôi tập trung	CNT				
1.11	Đất làm muối	LMU				
1.12	Đất nông nghiệp khác	NKH	926,90	1.201,25	923,39	-277,86
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.120,01	6.090,27	5.285,94	-804,33
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.053,04	1.872,00	2.078,91	206,91
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	162,53	507,00	179,90	-327,10
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,80	20,69	17,80	-2,89
2.4	Đất quốc phòng	CQP	34,21	98,97	34,21	-64,76
2.5	Đất an ninh	CAN	2,20	9,10	4,84	-4,26
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	149,29	252,05	151,35	-100,70
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	32,20	37,21	32,26	-4,95
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH		3,00	3,00	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	9,58	13,81	9,46	-4,35
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	64,66	70,45	63,62	-6,83
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	41,85	126,57	42,01	-84,56
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH				
-	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT				
-	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT				
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,00	1,01	1,00	-0,01
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	99,69	539,08	161,58	-377,50
-	Đất khu công nghiệp	SKK		150,00		-150,00
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	47,82	126,50	47,82	-78,68
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT				
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,84	112,84	8,20	-104,64
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	27,09	100,52	63,91	-36,61

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đầu kỳ năm 2024	Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030(ha)	Diện tích cuối kỳ năm 2025 (ha)	So sánh (ha)
	TỔNG DTTN (1+2+3)		15.779,97	15.779,97	15.779,97	
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	26,51	49,22	46,22	-3,00
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.888,34	2.147,01	1.949,31	-197,70
-	Đất công trình giao thông	DGT	1.402,26	1.500,16	1.452,88	-47,28
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	415,93	465,82	419,53	-46,29
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT				
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	38,87	57,76	40,52	-17,24
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	15,69	25,21	18,69	-6,52
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,12	17,22	1,54	-15,68
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,95	5,94	0,95	-4,99
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	10,76	12,33	10,76	-1,57
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	2,76	62,57	4,44	-58,13
2.9	Đất tôn giáo	TON	13,51	14,66	13,76	-0,90
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	7,00	7,60	7,00	-0,60
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	240,14	243,23	238,80	-4,43
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	424,83	359,86	423,89	64,03
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	22,86	19,02	20,02	1,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.510,76	1.206,66	1.487,78	281,12
3.1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT				
3.2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	622,39		609,41	609,41
3.3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS				
3.4	Núi đá không có rừng cây	NCS	888,37		878,37	878,37
3.5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS				

Cơ bản các chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 phù hợp với chỉ tiêu Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nga Sơn được phê duyệt. Tuy nhiên đối với một số chỉ tiêu của huyện, chỉ tiêu loại đất chi tiết đến cấp xã (thị trấn) có sự chênh lệch, nguyên nhân chính là do trong phương án Điều chỉnh quy hoạch có bố trí giảm diện tích của các loại đất đó để chuyển sang các loại đất khác để thực hiện dự án, tuy nhiên trong năm 2025 chưa bố trí thực hiện được, chi tiết giải trình với từng nhóm đất như sau:

- **Đất cây hàng năm khác:** Diện tích KHSDĐ năm 2025 là 1.586,85 ha, thấp hơn 254,97 ha so với chỉ tiêu điều chỉnh QHSDĐ đến năm 2030 (1.841,82 ha), nguyên nhân do: Trong phương án điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 có bố trí tăng thêm 424,66 ha đất cây hàng năm khác tuy nhiên trong phương án KHSDĐ năm 2025 chưa bố trí thực hiện được. Cụ thể:

+ Thị trấn Nga Sơn: Thấp hơn 3,23ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất trồng cây hàng năm khác, tuy nhiên trong KHSDĐ 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Ba Đình: Thấp hơn 0,17ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất trồng cây hàng năm khác, tuy nhiên trong KHSDD 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga An: Thấp hơn 44,84ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất trồng cây hàng năm khác, tuy nhiên trong KHSDD 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga Giáp: Thấp hơn 135,07ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất trồng cây hàng năm khác, tuy nhiên trong KHSDD 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga Hải: Thấp hơn 1,03ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất trồng cây hàng năm khác, tuy nhiên trong KHSDD 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga Phụng: Thấp hơn 36,17ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất trồng cây hàng năm khác, tuy nhiên trong KHSDD 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga Thạch: Thấp hơn 6,04ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất trồng cây hàng năm khác, tuy nhiên trong KHSDD 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga Thắng: Thấp hơn 0,33ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất trồng cây hàng năm khác, tuy nhiên trong KHSDD 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga Thành: Thấp hơn 7,02ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất trồng cây hàng năm khác, tuy nhiên trong KHSDD 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga Thiện: Thấp hơn 7,78ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất trồng cây hàng năm khác, tuy nhiên trong KHSDD 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga Trường: Thấp hơn 18,24ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất trồng cây hàng năm khác, tuy nhiên trong KHSDD 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga Vĩnh: Thấp hơn 89,06ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất trồng cây hàng năm khác, tuy nhiên trong KHSDD 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga Yên: Thấp hơn 9,40ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất trồng cây hàng năm khác, tuy nhiên trong KHSDD 2025 chưa thực hiện được.

- **Đất nông nghiệp khác:** Diện tích KHSDĐ năm 2025 là 923,39 ha, thấp hơn 277,86 ha so với chỉ tiêu điều chỉnh QHSDĐ đến năm 2030 (1.201,25 ha), nguyên nhân do: Trong phương án điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 có bố trí tăng thêm 298,60 ha đất nông nghiệp khác, tuy nhiên trong phương án KHSDĐ năm 2025 chưa bố trí thực hiện được. Cụ thể:

+ Thị trấn Nga Sơn: Thấp hơn 34,21ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất nông nghiệp khác, tuy nhiên trong KHSDĐ 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga An: Thấp hơn 24,93ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất nông nghiệp khác, tuy nhiên trong KHSDĐ 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga Giáp: Thấp hơn 37,32ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất nông nghiệp khác, tuy nhiên trong KHSDĐ 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga Phương: Thấp hơn 16,30ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất nông nghiệp khác, tuy nhiên trong KHSDĐ 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga Tân: Thấp hơn 70,49ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất nông nghiệp khác, tuy nhiên trong KHSDĐ 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga Thạch: Thấp hơn 8,52ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất nông nghiệp khác, tuy nhiên trong KHSDĐ 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga Thắng: Thấp hơn 12,17ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất nông nghiệp khác, tuy nhiên trong KHSDĐ 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga Thành: Thấp hơn 4,92ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất nông nghiệp khác, tuy nhiên trong KHSDĐ 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga Trường: Thấp hơn 66,37ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất nông nghiệp khác, tuy nhiên trong KHSDĐ 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga Tân: Thấp hơn 8,54ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí tăng diện tích đất nông nghiệp khác, tuy nhiên trong KHSDĐ 2025 chưa thực hiện được.

- **Đất ở tại nông thôn:** Diện tích KHSDĐ năm 2025 là 2.078,91 ha, cao hơn

206,91 ha so với chỉ tiêu điều chỉnh QHSDĐ đến năm 2030 (1.922,00 ha), nguyên nhân do: Trong phương án điều chỉnh quy hoạch đến 2030 có bố trí Quy hoạch mở rộng thị trấn và Quy hoạch đô thị Hới Đào (lấy vào 5 xã Nga Văn, Nga Tiến, Nga Liên, Nga Yên và Nga Thanh) vì vậy đến năm 2030 phần diện tích đất ở nông thôn (ONT) theo ranh giới 2 quy hoạch này sẽ chuyển sang đất ở đô thị (ODT), tuy nhiên trong phương án KHSDĐ năm 2025, vẫn chưa thực hiện được việc mở rộng đô thị, diện tích đất ở 05 xã trên vẫn là đất ở tại nông thôn. Cụ thể:

+ Xã Nga Yên: Cao hơn 77,10 ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí giảm diện tích đất ở nông thôn (ONT) theo ranh giới 2 quy hoạch này sẽ chuyển sang đất ở đô thị (ODT) tuy nhiên trong KHSDĐ 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga Văn: Cao hơn 77,57 ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí giảm diện tích đất ở nông thôn (ONT) theo ranh giới 2 quy hoạch này sẽ chuyển sang đất ở đô thị (ODT) tuy nhiên trong KHSDĐ 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga Thanh: Cao hơn 85,25 ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí giảm diện tích đất ở nông thôn (ONT) theo ranh giới 2 quy hoạch này sẽ chuyển sang đất ở đô thị (ODT) tuy nhiên trong KHSDĐ 2025 chưa thực hiện được.

+ Xã Nga Tiến: Cao hơn 0,3 ha so với Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 do trong phương án Điều chỉnh QHSDĐ có bố trí giảm diện tích đất ở nông thôn (ONT) theo ranh giới 2 quy hoạch này sẽ chuyển sang đất ở đô thị (ODT) tuy nhiên trong KHSDĐ 2025 chưa thực hiện được.

Bảng 10: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 huyện Nga Sơn

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đầu kỳ năm 2024	Diện tích cuối kỳ năm 2025	Biến động tăng (+), giảm (-)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DTTN (1+2+3)		15.779,97	15.779,97		
1	Đất nông nghiệp	NNP	9.149,20	9.006,25	-142,95	57,07
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.846,76	4.766,05	-80,71	30,20
1.2	Đất chuyên trồng lúa	LUC	3.906,57	3.842,72	-63,85	24,35
1.3	Đất trồng lúa còn lại	LUK	940,19	923,33	-16,86	5,85
1.4	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	1.638,91	1.586,85	-52,06	10,06
1.5	Đất trồng cây lâu năm	CLN	322,78	322,50	-0,28	2,04
1.6	Đất rừng phòng hộ	RPH	333,74	333,74		2,11
1.7	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.8	Đất rừng sản xuất	RSX	136,53	136,53		0,87
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>				
1.9	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	943,58	937,19	-6,39	5,94
1.10	Đất chăn nuôi tập trung	CNT				
1.11	Đất làm muối	LMU				
1.12	Đất nông nghiệp khác	NKH	926,90	923,39	-3,51	5,85
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.120,01	5.285,94	165,93	33,50

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đầu kỳ năm 2024	Diện tích cuối kỳ năm 2025	Biến động tăng (+), giảm (-)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DTTN (1+2+3)		15.779,97	15.779,97		
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.053,04	2.078,91	25,87	13,17
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	162,53	179,90	17,37	1,14
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,80	17,80		0,11
2.4	Đất quốc phòng	CQP	34,21	34,21		0,22
2.5	Đất an ninh	CAN	2,20	4,84	2,64	0,03
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	149,29	151,35	2,06	0,96
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	32,20	32,26	0,06	0,20
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH		3,00	3,00	0,02
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	9,58	9,46	-0,12	0,06
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	64,66	63,62	-1,04	0,40
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	41,85	42,01	0,16	0,27
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH				
-	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT				
-	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT				
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,00	1,00		0,01
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	99,69	161,58	61,89	1,02
-	Đất khu công nghiệp	SKK				
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	47,82	47,82		0,30
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT				
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,84	8,20	5,36	0,05
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	27,09	63,91	36,82	0,41
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	26,51	46,22	19,71	0,29
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.888,34	1.949,31	59,29	12,35
-	Đất công trình giao thông	DGT	1.402,26	1.452,88	50,62	9,21
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	415,93	419,53	3,60	2,66
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT				
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	38,87	40,52	1,65	0,26
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	15,69	18,69	3,00	0,12
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,12	1,54	0,42	0,01
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,95	0,95		0,01
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	10,76	10,76		0,07
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	2,76	4,44	1,68	0,03
2.9	Đất tôn giáo	TON	13,51	13,76	0,25	0,09
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	7,00	7,00		0,04
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	240,14	238,80	-1,34	1,51
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	424,83	423,89	-0,94	2,69
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	22,86	20,02	-2,84	0,13
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.510,76	1.487,78	-22,98	9,43
3.1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT				
3.2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	622,39	609,41	-12,98	3,86
3.3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS				
3.4	Núi đá không có rừng cây	NCS	888,37	878,37	-10,00	5,57
3.5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS				

3.3.1. Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp

1) Đất trồng lúa

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất trồng lúa của huyện Nga Sơn dự kiến là 4.766,05 ha chiếm 30,2 % diện tích tự nhiên, thực

giảm 80,71 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 4.766,05 ha

* Chuyển giảm: 80,71 ha, do chuyển sang các loại đất:

+ Đất phi nông nghiệp: 80,71 ha

+ Đất ở tại nông thôn: 12,76 ha

+ Đất ở tại đô thị: 9,53 ha

+ Đất an ninh: 1,24 ha

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 2,63 ha, trong đó:

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 0,13 ha

+ Đất xây dựng cơ sở xã hội: 2 ha

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,5 ha

+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 25,56 ha, trong đó:

+ Đất thương mại, dịch vụ: 4,74 ha

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 20,82 ha

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 28,25 ha, trong đó:

+ Đất công trình giao thông: 26,52 ha

+ Đất công trình thủy lợi: 1,27 ha

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: 0,08 ha

+ Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: 0,38 ha

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 0,41 ha

+ Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,33 ha.

1.2. Đất chuyên trồng lúa

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất chuyên trồng lúa của huyện Nga Sơn dự kiến là 3.842,72 ha chiếm 24,35 % diện tích tự nhiên, thực giảm 63,85 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 3.842,72 ha

- * Chu chuyển giảm: 63,85 ha, do chuyển sang các loại đất:
- + Đất phi nông nghiệp: 63,85 ha
- + Đất ở tại nông thôn: 11,83 ha
- + Đất ở tại đô thị: 6,72 ha
- + Đất an ninh: 0,88 ha
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 2,25 ha, trong đó:
- + Đất xây dựng cơ sở xã hội: 2 ha
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,25 ha
- + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 17,75 ha, trong đó:
- + Đất thương mại, dịch vụ: 4,74 ha
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 13,01 ha
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 24,42 ha, trong đó:
- + Đất công trình giao thông: 22,81 ha
- + Đất công trình thủy lợi: 1,15 ha
- + Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: 0,08 ha
- + Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: 0,38 ha

1.3. Đất trồng lúa còn lại

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất trồng lúa còn lại của huyện Nga Sơn dự kiến là 923,33 ha chiếm 5,85 % diện tích tự nhiên, thực giảm 16,86 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 923,33ha
- * Chu chuyển giảm: 16,86 ha, do chuyển sang các loại đất:
- + Đất phi nông nghiệp: 16,86 ha
- + Đất ở tại nông thôn: 0,93 ha
- + Đất ở tại đô thị: 2,81 ha
- + Đất an ninh: 0,36 ha
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 0,38 ha, trong đó:

- + Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 0,13 ha
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,25 ha
- + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 7,81 ha, trong đó:
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 7,81 ha
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 3,83 ha, trong đó:
- + Đất công trình giao thông: 3,71 ha
- + Đất công trình thủy lợi: 0,12 ha
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 0,41 ha
- + Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,33 ha.

2) Đất trồng cây hàng năm khác

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất trồng cây hàng năm khác của huyện Nga Sơn dự kiến là 1.586,85 ha chiếm 10,06 % diện tích tự nhiên, thực giảm 52,06 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 1.586,85 ha

* Chuyển giảm: 52,06 ha, do chuyển sang các loại đất:

- + Đất phi nông nghiệp: 52,06 ha
- + Đất ở tại nông thôn: 11,27 ha
- + Đất ở tại đô thị: 3,35 ha
- + Đất an ninh: 0,25 ha
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 0,69 ha, trong đó:
- + Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 0,05 ha
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,24 ha
- + Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: 0,4 ha
- + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 6,68 ha, trong đó:
- + Đất thương mại, dịch vụ: 0,29 ha
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 6,39 ha
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 28,27 ha, trong đó:
- + Đất công trình giao thông: 23,81 ha

- + Đất công trình thủy lợi: 1,39 ha
- + Đất công trình xử lý chất thải: 3 ha
- + Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: 0,07 ha
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 1,05 ha
- + Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,5 ha.

3) Đất trồng cây lâu năm

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất trồng cây lâu năm của huyện Nga Sơn dự kiến là 322,5 ha chiếm 2,04 % diện tích tự nhiên, thực giảm 0,28 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 322,5ha

* Chuyển giảm: 0,28 ha, do chuyển sang các loại đất:

- + Đất phi nông nghiệp: 0,28 ha
- + Đất ở tại nông thôn: 0,22 ha
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 0,06 ha, trong đó:
- + Đất công trình thủy lợi: 0,06 ha.

4) Đất rừng phòng hộ

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất rừng phòng hộ của huyện Nga Sơn dự kiến là 333,74 ha chiếm 2,11 % diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

5) Đất rừng sản xuất

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất rừng sản xuất của huyện Nga Sơn dự kiến là 136,53 ha chiếm 0,87 % diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

6) Đất nuôi trồng thủy sản

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất nuôi trồng thủy sản của huyện Nga Sơn dự kiến là 937,19 ha chiếm 5,94 % diện tích tự nhiên, thực giảm 6,39 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 937,19ha

* Chu chuyển giảm: 6,39 ha, do chuyển sang các loại đất:

+ Đất phi nông nghiệp: 6,39 ha

+ Đất ở tại nông thôn: 0,85 ha

+ Đất ở tại đô thị: 2,5 ha

+ Đất an ninh: 0,08 ha

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 0,38 ha, trong đó:

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,38 ha

+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 0,2 ha, trong đó:

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,2 ha

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 2,36 ha, trong đó:

+ Đất công trình giao thông: 1,17 ha

+ Đất công trình thủy lợi: 1,19 ha

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 0,02 ha.

7) Đất nông nghiệp khác

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất nông nghiệp khác của huyện Nga Sơn dự kiến là 923,39 ha chiếm 5,85 % diện tích tự nhiên, thực giảm 3,51 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 923,39ha

* Chu chuyển giảm: 3,51 ha, do chuyển sang các loại đất:

+ Đất phi nông nghiệp: 3,51 ha

+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 3,1 ha, trong đó:

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 3,1 ha

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 0,41 ha, trong đó:

+ Đất công trình thủy lợi: 0,41 ha.

3.3.2. Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp

3.1. Đất ở tại nông thôn

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất ở tại nông thôn của huyện Nga Sơn dự kiến là 2.078,91 ha chiếm 13,17 % diện tích tự nhiên, thực tăng 25,87 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2.050,77 ha

* Chu chuyển tăng: 28,14 ha, do lấy từ các loại đất:

+ Đất nông nghiệp: 25,1 ha

+ Đất trồng lúa: 12,76 ha

+ Đất chuyên trồng lúa: 11,83 ha

+ Đất trồng lúa còn lại: 0,93 ha

+ Đất trồng cây hằng năm khác: 11,27 ha

+ Đất trồng cây lâu năm: 0,22 ha

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 0,85 ha

+ Đất phi nông nghiệp: 2,57 ha

+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 0,16 ha, trong đó:

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,16 ha

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 1,81 ha, trong đó:

+ Đất công trình giao thông: 1,12 ha

+ Đất công trình thủy lợi: 0,69 ha

+ Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt: 0,6 ha

+ Đất chưa sử dụng: 0,47 ha

+ Đất bằng chưa sử dụng: 0,47 ha

* Chu chuyển giảm: 2,27 ha, do chuyển sang các loại đất:

+ Đất an ninh: 0,23 ha

+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 0,1 ha, trong đó:

+ Đất thương mại, dịch vụ: 0,1 ha

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 1,94 ha, trong đó:

+ Đất công trình giao thông: 1,73 ha

+ Đất công trình thủy lợi: 0,21 ha.

2.2. Đất ở tại đô thị

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất ở tại đô thị của huyện Nga Sơn dự kiến là 179,9 ha chiếm 1,14 % diện tích tự nhiên, thực tăng 17,37 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 162,53ha

* Chu chuyển tăng: 17,37 ha, do lấy từ các loại đất:

+ Đất nông nghiệp: 15,38 ha

+ Đất trồng lúa: 9,53 ha

+ Đất chuyên trồng lúa: 6,72 ha

+ Đất trồng lúa còn lại: 2,81 ha

+ Đất trồng cây hằng năm khác: 3,35 ha

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 2,5 ha

+ Đất phi nông nghiệp: 1,75 ha

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 0,73 ha, trong đó:

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,73 ha

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 1 ha, trong đó:

+ Đất công trình giao thông: 0,75 ha

+ Đất công trình thủy lợi: 0,25 ha

+ Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt: 0,02 ha

+ Đất chưa sử dụng: 0,24 ha

+ Đất bằng chưa sử dụng: 0,24 ha.

2.3. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan của huyện Nga Sơn dự kiến là 17,8 ha chiếm 0,11 % diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

2.4. Đất quốc phòng

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất quốc

phòng của huyện Nga Sơn dự kiến là 34,21 ha chiếm 0,22 % diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

2.5. Đất an ninh

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất an ninh của huyện Nga Sơn dự kiến là 4,84 ha chiếm 0,03 % diện tích tự nhiên, thực tăng 2,64 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2,2 ha

- * Chuyển tăng: 2,64 ha, do lấy từ các loại đất:

- + Đất nông nghiệp: 1,57 ha

- + Đất trồng lúa: 1,24 ha

- + Đất chuyên trồng lúa: 0,88 ha

- + Đất trồng lúa còn lại: 0,36 ha

- + Đất trồng cây hằng năm khác: 0,25 ha

- + Đất nuôi trồng thủy sản: 0,08 ha

- + Đất phi nông nghiệp: 0,84 ha

- + Đất ở tại nông thôn: 0,23 ha

- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 0,57 ha, trong đó:

- + Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 0,09 ha

- + Đất xây dựng cơ sở y tế: 0,12 ha

- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,12 ha

- + Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: 0,24 ha

- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 0,04 ha, trong đó:

- + Đất công trình giao thông: 0,04 ha

- + Đất chưa sử dụng: 0,23 ha

- + Đất bằng chưa sử dụng: 0,23 ha.

2.6. Đất xây dựng công trình sự nghiệp

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp của huyện Nga Sơn dự kiến là 151,35 ha chiếm 0,96 % diện tích tự nhiên, thực tăng 2,06 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng:
146,39ha

* Chu chuyển tăng: 4,96 ha, do lấy từ các loại đất:

+ Đất nông nghiệp: 3,7 ha

+ Đất trồng lúa: 2,63 ha

+ Đất chuyên trồng lúa: 2,25 ha

+ Đất trồng lúa còn lại: 0,38 ha

+ Đất trồng cây hằng năm khác: 0,69 ha

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 0,38 ha

+ Đất phi nông nghiệp: 1,26 ha

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: 1 ha

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 1,26 ha, trong đó:

+ Đất công trình giao thông: 1,14 ha

+ Đất công trình thủy lợi: 0,12 ha

* Chu chuyển giảm: 2,9 ha, do chuyển sang các loại đất:

+ Đất ở tại đô thị: 0,73 ha

+ Đất an ninh: 0,57 ha

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 1,6 ha, trong đó:

+ Đất công trình giao thông: 0,03 ha

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên:
1,57 ha.

-. Đất xây dựng cơ sở văn hóa

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa của huyện Nga Sơn dự kiến là 32,26 ha chiếm 0,2 % diện tích tự nhiên, thực tăng 0,06 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng:
32,08ha

* Chu chuyển tăng: 0,18 ha, do lấy từ các loại đất:

+ Đất nông nghiệp: 0,18 ha

- + Đất trồng lúa: 0,13 ha
- + Đất trồng lúa còn lại: 0,13 ha
- + Đất trồng cây hằng năm khác: 0,05 ha
- * Chu chuyển giảm: 0,12 ha, do chuyển sang các loại đất:
- + Đất an ninh: 0,09 ha
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 0,03 ha, trong đó:
- + Đất công trình giao thông: 0,03 ha.

Diện tích đất văn hóa giảm đi để thực hiện 2 dự án: Trụ sở công an xã Nga Yên và Đường từ khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển.

- . Đất xây dựng cơ sở xã hội

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất xây dựng cơ sở xã hội của huyện Nga Sơn dự kiến là 3, ha chiếm 0,02 % diện tích tự nhiên, thực tăng 3 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: , ha
- * Chu chuyển tăng: 3 ha, do lấy từ các loại đất:
- + Đất nông nghiệp: 2 ha
- + Đất trồng lúa: 2 ha
- + Đất chuyên trồng lúa: 2 ha
- + Đất phi nông nghiệp: 1 ha
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 1 ha, trong đó:
- + Đất công trình giao thông: 1 ha.

d) Đất cơ sở y tế

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất xây dựng cơ sở y tế của huyện Nga Sơn dự kiến là 9,46 ha chiếm 0,06 % diện tích tự nhiên, thực giảm 0,12 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 9,46ha
- * Chu chuyển giảm: 0,12 ha, do chuyển sang các loại đất:
- + Đất an ninh: 0,12 ha.

Diện tích đất y tế giảm thực hiện dự án: Trụ sở công an xã Nga Trường.

e) Đất cơ sở giáo dục và đào tạo

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo của huyện Nga Sơn dự kiến là 63,62 ha chiếm 0,4 % diện tích tự nhiên, thực giảm 1,04 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 62,24ha

* Chu chuyển tăng: 1,38 ha, do lấy từ các loại đất:

+ Đất nông nghiệp: 1,12 ha

+ Đất trồng lúa: 0,5 ha

+ Đất chuyên trồng lúa: 0,25 ha

+ Đất trồng lúa còn lại: 0,25 ha

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 0,24 ha

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 0,38 ha

+ Đất phi nông nghiệp: 0,26 ha

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 0,26 ha, trong đó:

+ Đất công trình giao thông: 0,14 ha

+ Đất công trình thủy lợi: 0,12 ha

* Chu chuyển giảm: 2,42 ha, do chuyển sang các loại đất:

+ Đất ở tại đô thị: 0,73 ha

+ Đất an ninh: 0,12 ha

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 1,57 ha, trong đó:

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: 1,57 ha

Diện tích đất cơ sở giáo dục và đào tạo giảm để thực hiện các dự án: Trụ sở công an xã Nga Tiến; Khu dân cư trung tâm giáo dục thường xuyên và Xây dựng đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình.

f) Đất cơ sở thể dục thể thao

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất xây dựng

cơ sở thể dục, thể thao của huyện Nga Sơn dự kiến là 42,01 ha chiếm 0,27 % diện tích tự nhiên, thực tăng 0,16 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 41,61ha

- * Chu chuyển tăng: 0,4 ha, do lấy từ các loại đất:

- + Đất nông nghiệp: 0,4 ha

- + Đất trồng cây hằng năm khác: 0,4 ha

- * Chu chuyển giảm: 0,24 ha, do chuyển sang các loại đất:

- + Đất an ninh: 0,24 ha

2.7. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp của huyện Nga Sơn dự kiến là 161,58 ha chiếm 1,02 % diện tích tự nhiên, thực tăng 61,89 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 99,36ha

- * Chu chuyển tăng: 62,22 ha, do lấy từ các loại đất:

- + Đất nông nghiệp: 35,54 ha

- + Đất trồng lúa: 25,56 ha

- + Đất chuyên trồng lúa: 17,75 ha

- + Đất trồng lúa còn lại: 7,81 ha

- + Đất trồng cây hằng năm khác: 6,68 ha

- + Đất nuôi trồng thủy sản: 0,2 ha

- + Đất nông nghiệp khác: 3,1 ha

- + Đất phi nông nghiệp: 6,09 ha

- + Đất ở tại nông thôn: 0,1 ha

- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 26,8 ha

- + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 26,51 ha

- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 3,15 ha, trong đó:

- + Đất công trình giao thông: 2,86 ha

- + Đất công trình thủy lợi: 0,29 ha

- + Đất phi nông nghiệp khác: 2,84 ha

- + Đất chưa sử dụng: 20,59 ha
- + Đất bằng chưa sử dụng: 10,59 ha
- + Núi đá không có rừng cây: 10 ha
- * Chu chuyển giảm: 0,33 ha, do chuyển sang các loại đất:
- + Đất ở tại nông thôn: 0,16 ha
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 0,17 ha, trong đó:
- + Đất công trình giao thông: 0,15 ha
- + Đất công trình thủy lợi: 0,02 ha

- Đất cụm công nghiệp

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất cụm công nghiệp của huyện Nga Sơn dự kiến là 47,82 ha chiếm 0,3 % diện tích tự nhiên, không tăng so với hiện trạng năm 2024.

- Đất thương mại, dịch vụ

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất thương mại, dịch vụ của huyện Nga Sơn dự kiến là 8,2 ha chiếm 0,05 % diện tích tự nhiên, thực tăng 5,36 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2,8 ha
- * Chu chuyển tăng: 5,4 ha, do lấy từ các loại đất:
- + Đất nông nghiệp: 5,03 ha
- + Đất trồng lúa: 4,74 ha
- + Đất chuyên trồng lúa: 4,74 ha
- + Đất trồng cây hằng năm khác: 0,29 ha
- + Đất phi nông nghiệp: 0,17 ha
- + Đất ở tại nông thôn: 0,1 ha
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 0,07 ha, trong đó:
- + Đất công trình giao thông: 0,07 ha
- + Đất chưa sử dụng: 0,2 ha
- + Đất bằng chưa sử dụng: 0,2 ha
- * Chu chuyển giảm: 0,04 ha, do chuyển sang các loại đất:
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 0,04 ha, trong đó:
- + Đất công trình giao thông: 0,04 ha.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của huyện Nga Sơn dự kiến là 63,91 ha chiếm 0,41 % diện tích tự nhiên, thực tăng 36,82 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 26,8ha

* Chu chuyển tăng: 37,11 ha, do lấy từ các loại đất:

+ Đất nông nghiệp: 30,51 ha

+ Đất trồng lúa: 20,82 ha

+ Đất chuyên trồng lúa: 13,01 ha

+ Đất trồng lúa còn lại: 7,81 ha

+ Đất trồng cây hằng năm khác: 6,39 ha

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 0,2 ha

+ Đất nông nghiệp khác: 3,1 ha

+ Đất phi nông nghiệp: 4,92 ha

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 2,08 ha, trong đó:

+ Đất công trình giao thông: 1,79 ha

+ Đất công trình thủy lợi: 0,29 ha

+ Đất phi nông nghiệp khác: 2,84 ha

+ Đất chưa sử dụng: 1,68 ha

+ Đất bằng chưa sử dụng: 1,68 ha

* Chu chuyển giảm: 0,29 ha, do chuyển sang các loại đất:

+ Đất ở tại nông thôn: 0,16 ha

+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 26,8 ha, trong đó:

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 0,13 ha, trong đó:

+ Đất công trình giao thông: 0,11 ha

+ Đất công trình thủy lợi: 0,02 ha

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản của huyện Nga Sơn dự kiến là 46,22 ha chiếm 0,29 % diện tích tự nhiên, thực tăng 19,71 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng:

26,51ha

* Chu chuyển tăng: 19,71 ha, do lấy từ các loại đất:

+ Đất phi nông nghiệp: 1 ha

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 1 ha, trong đó:

+ Đất công trình giao thông: 1 ha

+ Đất chưa sử dụng: 18,71 ha

+ Đất bằng chưa sử dụng: 8,71 ha

+ Núi đá không có rừng cây: 10 ha

2.8. Đất sử dụng vào mục đích công cộng

-. Đất công trình giao thông

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất công trình giao thông của huyện Nga Sơn dự kiến là 1.452,88 ha chiếm 9,21 % diện tích tự nhiên, thực tăng 50,62 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 1.395,85 ha

* Chu chuyển tăng: 57,03 ha, do lấy từ các loại đất:

+ Đất nông nghiệp: 51,5 ha

+ Đất trồng lúa: 26,52 ha

+ Đất chuyên trồng lúa: 22,81 ha

+ Đất trồng lúa còn lại: 3,71 ha

+ Đất trồng cây hằng năm khác: 23,81 ha

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 1,17 ha

+ Đất phi nông nghiệp: 5,35 ha

+ Đất ở tại nông thôn: 1,73 ha

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 0,03 ha, trong đó:

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 0,03 ha

+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 0,15 ha, trong đó:

+ Đất thương mại, dịch vụ: 0,04 ha

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,11 ha

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 2,52 ha, trong đó:

+ Đất công trình thủy lợi: 2,49 ha

- + Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: 0,03 ha
- + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt: 0,69 ha
- + Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,23 ha
- + Đất chưa sử dụng: 0,18 ha
- + Đất bằng chưa sử dụng: 0,18 ha
- * Chu chuyển giảm: 6,41 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - + Đất ở tại nông thôn: 1,12 ha
 - + Đất ở tại đô thị: 0,75 ha
 - + Đất an ninh: 0,04 ha
 - + Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 1,14 ha, trong đó:
 - + Đất xây dựng cơ sở xã hội: 1 ha
 - + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,14 ha
 - + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 2,86 ha, trong đó:
 - + Đất thương mại, dịch vụ: 0,07 ha
 - + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,79 ha
 - + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 1 ha
 - + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 1396,15 ha, trong đó:
 - + Đất công trình thủy lợi: 0,3 ha
 - + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 0,2 ha.

- Đất công trình thủy lợi

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất công trình thủy lợi của huyện Nga Sơn dự kiến là 419,53 ha chiếm 2,66 % diện tích tự nhiên, thực tăng 3,6 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 412,09ha
- * Chu chuyển tăng: 7,44 ha, do lấy từ các loại đất:
 - + Đất nông nghiệp: 4,32 ha
 - + Đất trồng lúa: 1,27 ha
 - + Đất chuyên trồng lúa: 1,15 ha
 - + Đất trồng lúa còn lại: 0,12 ha

- + Đất trồng cây hằng năm khác: 1,39 ha
- + Đất trồng cây lâu năm: 0,06 ha
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 1,19 ha
- + Đất nông nghiệp khác: 0,41 ha
- + Đất phi nông nghiệp: 2,1 ha
- + Đất ở tại nông thôn: 0,21 ha
- + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 0,02 ha, trong đó:
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,02 ha
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 0,3 ha, trong đó:
- + Đất công trình giao thông: 0,3 ha
- + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt: 0,03 ha
- + Đất có mặt nước chuyên dùng: 1,54 ha
- + Đất chưa sử dụng: 1,02 ha
- + Đất bằng chưa sử dụng: 1,02 ha
- * Chu chuyển giảm: 3,84 ha, do chuyển sang các loại đất:
- + Đất ở tại nông thôn: 0,69 ha
- + Đất ở tại đô thị: 0,25 ha
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 0,12 ha, trong đó:
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,12 ha
- + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 0,29 ha, trong đó:
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,29 ha
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 414,58 ha, trong đó:
- + Đất công trình giao thông: 2,49 ha

-. Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên của huyện Nga Sơn dự kiến là 40,52 ha chiếm 0,26 % diện tích tự nhiên, thực tăng 1,65 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 38,87ha

* Chu chuyển tăng: 1,65 ha, do lấy từ các loại đất:

- + Đất nông nghiệp: 0,08 ha
- + Đất trồng lúa: 0,08 ha
- + Đất chuyên trồng lúa: 0,08 ha
- + Đất phi nông nghiệp: 1,57 ha
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 1,57 ha, trong đó:
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 1,57 ha.

- Đất công trình xử lý chất thải

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất công trình xử lý chất thải của huyện Nga Sơn dự kiến là 18,69 ha chiếm 0,12 % diện tích tự nhiên, thực tăng 3 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 15,69ha

* Chu chuyển tăng: 3 ha, do lấy từ các loại đất:

- + Đất nông nghiệp: 3 ha
- + Đất trồng cây hằng năm khác: 3 ha.

- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng của huyện Nga Sơn dự kiến là 1,54 ha chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên, thực tăng 0,42 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 1,09ha

* Chu chuyển tăng: 0,45 ha, do lấy từ các loại đất:

- + Đất nông nghiệp: 0,45 ha
- + Đất trồng lúa: 0,38 ha
- + Đất chuyên trồng lúa: 0,38 ha
- + Đất trồng cây hằng năm khác: 0,07 ha

* Chu chuyển giảm: 0,03 ha, do chuyển sang các loại đất:

- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 1,12 ha, trong đó:
- + Đất công trình giao thông: 0,03 ha.

- Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin của huyện Nga Sơn dự kiến

là 0,95 ha chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

- Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất chợ dân sinh, chợ đầu mối của huyện Nga Sơn dự kiến là 10,76 ha chiếm 0,07 % diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng của huyện Nga Sơn dự kiến là 4,44 ha chiếm 0,03 % diện tích tự nhiên, thực tăng 1,68 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2,76ha
- * Chu chuyển tăng: 1,68 ha, do lấy từ các loại đất:
 - + Đất nông nghiệp: 1,48 ha
 - + Đất trồng lúa: 0,41 ha
 - + Đất trồng lúa còn lại: 0,41 ha
 - + Đất trồng cây hằng năm khác: 1,05 ha
 - + Đất nuôi trồng thủy sản: 0,02 ha
 - + Đất phi nông nghiệp: 0,2 ha
 - + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 0,2 ha, trong đó:
 - + Đất công trình giao thông: 0,2 ha.

2.9. Đất tôn giáo

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất tôn giáo của huyện Nga Sơn dự kiến là 13,76 ha chiếm 0,09 % diện tích tự nhiên, thực tăng 0,25 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 13,51ha
- * Chu chuyển tăng: 0,25 ha, do lấy từ các loại đất:
 - + Đất chưa sử dụng: 0,25 ha
 - + Đất bằng chưa sử dụng: 0,25 ha.

2.10. Đất tín ngưỡng

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất tín ngưỡng của huyện Nga Sơn dự kiến là 7, ha chiếm 0,04 % diện tích tự nhiên, không thay

đổi so với hiện trạng năm 2024.

2.11. Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt của huyện Nga Sơn dự kiến là 238,8 ha chiếm 1,51 % diện tích tự nhiên, thực giảm 1,34 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 238,8ha

* Chu chuyển giảm: 1,34 ha, do chuyển sang các loại đất:

+ Đất ở tại nông thôn: 0,6 ha

+ Đất ở tại đô thị: 0,02 ha

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 0,72 ha, trong đó:

+ Đất công trình giao thông: 0,69 ha

+ Đất công trình thủy lợi: 0,03 ha.

2.12. Đất có mặt nước chuyên dùng

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng của huyện Nga Sơn dự kiến là 423,89 ha chiếm 2,69 % diện tích tự nhiên, thực giảm 0,94 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 423,06ha

* Chu chuyển tăng: 0,83 ha, do lấy từ các loại đất:

+ Đất nông nghiệp: 0,83 ha

+ Đất trồng lúa: 0,33 ha

+ Đất trồng lúa còn lại: 0,33 ha

+ Đất trồng cây hằng năm khác: 0,5 ha

* Chu chuyển giảm: 1,77 ha, do chuyển sang các loại đất:

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 1,77 ha, trong đó:

+ Đất công trình giao thông: 0,23 ha

+ Đất công trình thủy lợi: 1,54 ha.

2.13. Đất phi nông nghiệp khác

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất phi nông

nghiệp khác của huyện Nga Sơn dự kiến là 20,02 ha chiếm 0,13 % diện tích tự nhiên, thực giảm 2,84 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 20,02ha

- * Chuyển giảm: 2,84 ha, do chuyển sang các loại đất:

- + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 2,84 ha, trong đó:

- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 2,84 ha.

3. Đất chưa sử dụng

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất chưa sử dụng của huyện Nga Sơn dự kiến là 1.487,78 ha chiếm 9,43 % diện tích tự nhiên, thực giảm 22,98 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 1.487,78 ha

- * Chuyển giảm: 22,98 ha, do chuyển sang các loại đất:

- + Đất ở tại nông thôn: 0,47 ha

- + Đất ở tại đô thị: 0,24 ha

- + Đất an ninh: 0,23 ha

- + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 20,59 ha, trong đó:

- + Đất thương mại, dịch vụ: 0,2 ha

- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,68 ha

- + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 18,71 ha

- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 1,2 ha, trong đó:

- + Đất công trình giao thông: 0,18 ha

- + Đất công trình thủy lợi: 1,02 ha

- + Đất tôn giáo: 0,25 ha

3.2. Đất bằng chưa sử dụng

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất bằng chưa sử dụng của huyện Nga Sơn dự kiến là 609,41 ha chiếm 3,86 % diện tích tự nhiên, thực giảm 12,98 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng:

609,41ha

- * Chu chuyển giảm: 12,98 ha, do chuyển sang các loại đất:
- + Đất ở tại nông thôn: 0,47 ha
- + Đất ở tại đô thị: 0,24 ha
- + Đất an ninh: 0,23 ha
- + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 10,59 ha, trong đó:
- + Đất thương mại, dịch vụ: 0,2 ha
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,68 ha
- + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 8,71 ha
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 1,2 ha, trong đó:
- + Đất công trình giao thông: 0,18 ha
- + Đất công trình thủy lợi: 1,02 ha
- + Đất tôn giáo: 0,25 ha

3.4. Núi đá không có rừng cây

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích núi đá không có rừng cây của huyện Nga Sơn dự kiến là 878,37 ha chiếm 5,57 % diện tích tự nhiên, thực giảm 10 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 878,37ha

- * Chu chuyển giảm: 10 ha, do chuyển sang các loại đất:
- + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 10 ha, trong đó:
- + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 10 ha.

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

*** Tổng diện tích đất nông nghiệp phải chuyển sang mục đích phi nông nghiệp của toàn huyện là 142,95 ha, được phân bổ chi tiết như sau:**

- Đất trồng lúa 80,71 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác 52,06 ha
- Đất trồng cây lâu năm 0,28 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản 6,39 ha
- Đất nông nghiệp khác 3,51 ha

*** Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở 4,32 ha;**

- Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 3,15 ha;

- Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 của Luật này 7,31 ha.

3.5. Diện tích đất cần thu hồi

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện, diện tích các loại đất cần thu hồi như sau:

- **Đất nông nghiệp 107,42 ha**
- Đất trồng lúa 55,16 ha
- Đất chuyên trồng lúa 46,11 ha
- Đất trồng lúa còn lại 9,05 ha
- Đất trồng cây hằng năm khác 45,38 ha
- Đất trồng cây lâu năm 0,28 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản 6,19 ha
- Đất nông nghiệp khác 0,41 ha
- **Đất phi nông nghiệp 21,59 ha**
- Đất ở tại nông thôn 2,17 ha
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp 2,9 ha
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,12 ha
- Đất xây dựng cơ sở y tế 0,12 ha
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 2,42 ha
- Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 0,24 ha
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,33 ha
- Đất thương mại, dịch vụ 0,04 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,29 ha
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng 13,06 ha
- Đất công trình giao thông 9,48 ha
- Đất công trình thủy lợi 3,55 ha
- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 0,03 ha
- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 1,34 ha

- Đất có mặt nước chuyên dùng 1,77 ha

3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

- * Chuyển giảm: 22,98 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - + Đất ở tại nông thôn: 0,47 ha
 - + Đất ở tại đô thị: 0,24 ha
 - + Đất an ninh: 0,23 ha
 - + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 20,59 ha, trong đó:
 - + Đất thương mại, dịch vụ: 0,2 ha
 - + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,68 ha
 - + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 18,71 ha
 - + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 1,2 ha, trong đó:
 - + Đất công trình giao thông: 0,18 ha
 - + Đất công trình thủy lợi: 1,02 ha
 - + Đất tôn giáo: 0,25 ha.

3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

Danh mục công trình dự án chi tiết trong kế hoạch sử dụng đất 2025 của huyện Nga Sơn được thể hiện chi tiết trong (biểu 25/CH – phần phụ lục)

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

3.8.1. Cơ sở tính toán

Trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất cần phải thực hiện đầy đủ các vấn đề như: đền bù GPMB và tái định cư,...và các khoản thu chi từ đất đai được cập nhật khung pháp lý thực hiện theo các văn bản sau:

- Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

- Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất.

- Nghị quyết số 231/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh về việc thông qua bảng giá các loại đất thời kỳ 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; các Quyết định của UBND tỉnh.

- Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của UBND tỉnh ban hành đơn giá xây dựng nhà, công trình làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2020-2025;

- Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Bảng giá các loại đất thời kỳ 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh ban hành đơn giá xây dựng nhà, công trình làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 5112/2023/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND tỉnh Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

3.8.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

a. Dự kiến các khoản thu: bao gồm thu từ việc giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất, phí và lệ phí sử dụng đất,...

b. Dự kiến các khoản chi: bao gồm chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

3.8.3. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

a. Xác định giá đất bình quân khi giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất:

- Đất trồng lúa: 40.000 đồng/ m²;
- Đất trồng cây hàng năm 40.000 đồng/ m²;
- Đất trồng cây lâu năm (đất vườn): 22.000 đồng/ m²;
- Đất nuôi trồng thủy sản (đất ao): 40.000 đồng/ m²;
- Đất ở nông thôn: 600.000 đồng/ m²;
- Đất ở đô thị: 2.500.000 đồng/ m²;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (đất TMDV, đất SXKD): 200.000 đồng/ m²;

b. Xác định các loại đất chuyển mục đích trong kế hoạch sử dụng đất có bồi thường về đất và thu tiền sử dụng đất

c. Kết quả tính toán và cân đối thu chi của huyện được thể hiện chi tiết như sau:

Bảng 11. Cân đối thu chi trong năm kế hoạch 2025

Thứ tự	Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (triệu đồng)
I	Các khoản thu			688.110
1	Thu tiền khi giao đất ở nông thôn	28,14	600.000	168.840
2	Thu tiền khi giao đất ở tại đô thị	17,37	2.500.000	434.250
4	Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích đất thương mại dịch vụ	5,40	200.000	10.800
5	Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích đất cơ sở sản xuất kinh doanh	37,11	200.000	74.220
II	Các khoản chi			273.270
1	Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa	55,16	40.000	22.064
2	Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm khác	45,38	40.000	18.152
3	Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm	0,28	22.000	62
4	Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản	6,19	40.000	2.476
5	Chi đầu tư hạ tầng (khoảng 35% khoản thu được)			230516,85
III	Cân đối thu - chi (I - II)			414.840

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Để thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2025 theo đúng tiến độ đề ra, đảm bảo tính khả thi và đạt hiệu quả cao, huyện Nga Sơn cần thực hiện đồng bộ nhóm các giải pháp sau:

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu

- Cần áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai thực tế của huyện nhằm nâng cao độ phì nhiêu của đất để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp, tránh khai thác quá mức làm thoái hóa đất.

- Hạn chế sử dụng quá nhiều phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp - thủy sản, tích cực cải tạo, làm giàu đất, chống ô nhiễm môi trường đất.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các doanh nghiệp sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường để kịp thời xử lý và khắc phục. Giám sát chặt chẽ các khu công nghiệp, sản xuất kinh doanh, dịch vụ, làng nghề trong quá trình triển khai thực hiện dự án để đảm bảo phát triển bền vững cả về 3 mặt kinh tế, xã hội, môi trường. Các dự án quy hoạch trước khi triển khai thực hiện cần phải xây dựng đề án bảo vệ môi trường chi tiết; xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định.

- Tăng cường, ưu tiên thực hiện các dự án công viên, cây xanh, quảng trường, hồ điều hoà tạo môi trường xanh, sạch đẹp góp phần cải tạo môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân huyện trong giai đoạn hiện tại và tương lai. Xây dựng hạ tầng có khả năng chống chịu trước thiên tai như lũ lụt, bão, và nước biển dâng.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tích cực đầu tư phát triển, phát huy nguồn lực, huy động sử dụng hiệu quả vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác của các tổ chức, cá nhân, nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Thực hiện các chính sách ưu đãi để tạo sức thu hút phát triển công nghiệp, các ngành dịch vụ, du lịch; có chính sách bồi thường, hỗ trợ linh hoạt đối với các trường hợp thu hồi đất; ưu tiên dành quỹ đất tái định cư để bố trí cho các hộ bị giải tỏa, thu hồi đất; đầu tư kết cấu hạ tầng tại các khu tái định cư nhằm ổn

định đời sống của nhân dân. Xây dựng kế hoạch cụ thể, giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông nghiệp và nông thôn, tạo việc làm cho lao động nông nghiệp khi bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp; tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu đất sản xuất nông nghiệp đối với hộ gia đình nông dân.

- Xây dựng cơ chế tạo quỹ đất sạch theo quy hoạch; tăng cường thực hiện việc đấu giá đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, khai thác khoáng sản nhằm tăng thu ngân sách từ đất, khuyến khích đầu tư phát triển vào những lĩnh vực thế mạnh của tỉnh theo nguyên tắc tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Cần thực hiện công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện tới các xã, thị trấn, các ban ngành và trên các phương tiện thông tin đại chúng để đồng đạo cơ quan, ban ngành, tổ chức, cá nhân được biết để cùng thực hiện theo quy định nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác kế hoạch sử dụng đất của địa phương.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm đưa ra các giải pháp điều chỉnh kịp thời kế hoạch sử dụng đất. Kiểm tra thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Quản lý chặt chẽ, thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các loại đất khác, đặc biệt là chuyển sang đất phi nông nghiệp.

- Thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và phù hợp với quy hoạch chung của huyện . Phải có kế hoạch sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện dự án để tạo động lực phát triển khu vực theo dự án lớn. Các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phải đầu tư trước một bước, kế hoạch phát triển giao thông phải đầu tư tập trung và gắn với kế hoạch đô thị hóa.

- Xây dựng kế hoạch tạo nguồn tài chính khả thi và có cơ chế tài chính hỗ trợ nhà đầu tư trong nước thực hiện các dự án lớn.

- Chủ động triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo mục tiêu phát triển đô thị và phát triển kinh tế - xã hội bằng cách tăng cường việc phát triển quỹ đất, cung ứng cho nhà đầu tư theo kế hoạch sử dụng đất đã đề ra, từng bước giảm bớt

phương thức giao đất, cho thuê đất theo ranh giới đất mà nhà đầu tư đã thỏa thuận chuyển nhượng với người sử dụng đất để tránh tình trạng phát triển tự phát.

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật về đất đai để các tổ chức và nhân dân hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất nhằm đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả cao.

4.4. Các giải pháp khác.

4.4.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

a. Về chính sách tài chính đất đai

Huyện Nga Sơn cần có chính sách tạo nguồn về tài chính để các chủ thể thực hiện đúng tiến độ các dự án theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Huyện cần có chính sách điều tiết giá trị gia tăng từ đất, huyện cần đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất mang lại; điều tiết các nguồn thu từ đất để cân đối, phân phối hợp lý tạo nguồn lực phát triển đồng đều giữa các vùng miền; cải cách hệ thống thuế có liên quan đến đất đai và bất động sản nhằm ngăn chặn tình trạng chuyển nhượng đất vì mục đích đầu cơ.

b. Về quản lý sử dụng đất

+ Cần xây dựng các quy định pháp lý để quản lý và bảo vệ các vùng trồng lúa, vùng phát triển rừng phòng hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, khu di tích lịch sử văn hóa, khu du lịch.

+ Xây dựng và ban hành quy định để xác định rõ trách nhiệm cụ thể giữa tỉnh và địa phương, trong từng ngành, từng cấp, trong từng cơ quan, đơn vị, trách nhiệm tập thể và cá nhân trong việc quản lý đất đai và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được quyết định, phê duyệt.

c. Các chính sách đối với nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Chính sách đối với đất trồng lúa:

+ Chính sách hỗ trợ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất lúa: khuyến khích khai hoang mở rộng diện tích; hỗ trợ khâu sản xuất, thu hoạch, bảo quản lúa và khâu tiêu thụ lúa. Cho phép chuyển đổi vùng nông nghiệp kém hiệu quả chuyển sang vùng chuyên trồng lúa chất lượng cao.

+ Xây dựng chế tài trong công tác quản lý và thực hiện quy hoạch sử dụng

đất lúa, nhằm xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm.

- Chính sách bảo vệ và phát triển rừng:

- + Ưu tiên giao đất, giao và khoán rừng phòng hộ cho các cộng đồng, hợp tác xã, hộ gia đình để quản lý bảo vệ và hưởng lợi lâu dài theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- + Tạo điều kiện cho chủ rừng thực hiện quyền sử dụng đất, sử dụng và sở hữu rừng theo quy định của pháp luật.

- + Tăng ngân sách đầu tư của Nhà nước cho quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

d. Chính sách đất đai đối với phát triển công nghiệp

- Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các nhà đầu tư phát triển, kêu gọi đầu tư, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm thu hút phát triển công nghiệp vào địa bàn huyện.

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách trong việc quy hoạch đất hạ tầng phục vụ bảo vệ môi trường, đặc biệt là các khu vực phát triển công nghiệp, đô thị.

e. Chính sách thu hút đầu tư

- Thực hiện các chính sách ưu đãi để tạo sức thu hút phát triển công nghiệp, các ngành dịch vụ, du lịch; có chính sách bồi thường, hỗ trợ linh hoạt đối với các trường hợp thu hồi đất; ưu tiên dành quỹ đất tái định cư để bố trí cho các hộ bị giải tỏa, thu hồi đất; đầu tư kết cấu hạ tầng tại các khu tái định cư nhằm ổn định đời sống của nhân dân. Xây dựng kế hoạch cụ thể, giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông nghiệp và nông thôn, tạo việc làm cho lao động nông nghiệp khi bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp; tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu đất sản xuất nông nghiệp đối với hộ gia đình nông dân.

- Xây dựng cơ chế tạo quỹ đất sạch theo quy hoạch; tăng cường thực hiện việc đấu giá đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, khai thác khoáng sản nhằm tăng thu ngân sách từ đất, khuyến khích đầu tư phát triển vào những lĩnh vực thế mạnh của tỉnh theo nguyên tắc tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái.

4.4.2. Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực

- Huyện cần xây dựng và thực hiện đào tạo và nâng cao chất lượng

chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai ở các cấp, đặc biệt là ở cấp huyện, cán bộ địa chính xã, thị trấn để đáp ứng yêu cầu về đổi mới ngành và hội nhập quốc tế.

- Chú trọng công tác đào tạo cán bộ chuyên môn có đủ năng lực lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đạt hiệu quả và chất lượng.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp đã được phê duyệt.

- Xây dựng các chương trình đào tạo ngắn hạn trên cơ sở đào tạo theo chuyên đề, ưu tiên đào tạo cho cán bộ lập, thực hiện và giám sát quy hoạch sử dụng đất, xử dụng công nghệ thông tin ở địa phương.

4.4.3. Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật

- Bố trí đủ điều kiện vật chất, từng bước ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong việc lập và giám sát, tổ chức thực hiện quy hoạch.

- Ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất và các lĩnh vực khác như: quản lý, điều hành... Khuyến khích đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ để tạo ra sản phẩm có giá trị cao.

- Đẩy mạnh ứng dụng các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh tốt, phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương vào sản xuất. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá. Thâm canh tăng vụ cải tạo đất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất;

- Gắn sản xuất với công nghệ sau thu hoạch, phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

- Huyện Nga Sơn có vị trí địa lý thuận lợi và có hệ thống giao thông huyết mạch như quốc lộ 10, tuyến đường bộ ven biển và hệ thống giao thông đường thủy trên các sông Lèn, sông Càn, sông Hoạt và là cửa ngõ thương mại phía Đông Bắc tỉnh Thanh Hóa sẽ là điều kiện để giao lưu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn hiện tại và tương lai.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Nga Sơn đã được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 07/3/2024. Theo đó, huyện Nga Sơn đã triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo đúng tiến độ đề ra và đạt được kết quả như sau: Đất nông nghiệp đạt tỷ lệ thực hiện 2,49%, đất phi nông nghiệp đạt tỷ lệ 2,32%.

- Phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện được xây dựng phù hợp và đồng bộ với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện đã được phê duyệt. Đồng thời dựa trên các văn bản pháp lý gồm: Luật đất đai năm 2024, Luật quy hoạch năm 2017, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH13, Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024; Thông tư 29/2024/TT-BTNMT nên đảm bảo đầy đủ tính pháp lý cho phương án lập kế hoạch sử dụng đất của huyện.

- Bên cạnh đó, kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Nga Sơn đã tổng hợp nhu cầu sử dụng đất từ các sở, ngành (cấp tỉnh), các phòng, ban (huyện) và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các dự án đầu tư và cân đối điều chỉnh phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của từng đơn vị xã, thị trấn. Vì vậy, mức độ chi tiết đảm bảo theo yêu cầu và cụ thể theo từng công trình, từng loại đất nhưng tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất phụ thuộc vào tính khả thi của các dự án, công trình, nguồn vốn và những yếu tố khách quan khác.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện đã phân bổ đất đai hợp lý cho các ngành, lĩnh vực để phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện. Phương án kế hoạch đã chú trọng phân bổ đất đai cho các mục đích quốc phòng an ninh, phát triển sản xuất công nghiệp, dịch vụ, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng đô thị và khu dân cư vùng nông thôn, cũng như đẩy mạnh khai hoang mở rộng diện tích, chuyển đổi cơ cấu diện tích cây trồng

trong nông lâm nghiệp, tạo ra không gian rộng lớn để bố trí phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế - xã hội, khai thác triệt để tài nguyên đất đai theo hướng sử dụng đất bền vững.

II. KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh Thanh Hóa sớm phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Nga Sơn để làm căn cứ cho tổ chức thực hiện.

2. Đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa dành cho huyện Nga Sơn những nguồn vốn ưu tiên để thực hiện các dự án trong phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025. Tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, phát huy tiềm năng nội lực, thu hút đầu tư từ bên ngoài cho thực hiện tốt phương án kế hoạch sử dụng đất, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội cho huyện.